



Nghiên cứu về Mua bán trẻ em trai tại Việt Nam

Hà Nội - Tháng 1, 2012

Những ý kiến được đưa ra trong báo cáo này là ý kiến của các tác giả và không nhất thiết phản ánh những quan điểm của Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam, Tổ chức Di cư Quốc tế hay của Cơ quan Chính phủ Việt Nam nào. Những tư liệu và chức danh sử dụng trong báo cáo không hàm ý thể hiện bất kỳ một ý kiến nào từ phía Liên hiệp Quốc tại Việt Nam, Tổ chức Di cư Quốc tế hay của Cơ quan Chính phủ Việt Nam nào về địa vị pháp lý của bất kỳ quốc gia, lãnh thổ, thành phố hay khu vực nào, hoặc về chính quyền, đường biên giới hoặc ranh giới của quốc gia đó.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này là một phần trong Chương trình chung về Bình đẳng giới (CTCBĐG), do Chính phủ Việt Nam và các cơ quan Liên hợp quốc tại Việt Nam cùng phối hợp thực hiện. Nghiên cứu này nằm trong hoạt động dự án thành phần tại Tổng cục Thống kê (TCTK) do Tổ chức Di cư Quốc tế (IOM) tại Việt Nam chịu trách nhiệm thực hiện. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Quỹ Hỗ trợ nhằm đạt được các mục tiêu thiên niên kỷ (MDG-F) do Chính phủ Tây Ban Nha tài trợ đã tạo điều kiện thực hiện CTCBĐG và nghiên cứu này.

Đầu tiên, chúng tôi xin được gửi lời cảm ơn tới 82 trẻ em trai đã sẵn lòng đồng ý tham gia phỏng vấn và chia sẻ với chúng tôi những trải nghiệm rất cá nhân của các em. Bên cạnh đó, chúng tôi xin được cảm ơn 285 cá nhân tham gia thảo luận nhóm tập trung (TLN) và phỏng vấn sâu (PVS) bao gồm các cán bộ cơ quan nhà nước, cán bộ của tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế, gia đình và người thân của những em trai bị mua bán đã giúp chúng tôi tìm hiểu sâu hơn về đề tài này dưới nhiều góc độ khác nhau, từ đó giúp cho thông tin của chúng tôi sâu và đa dạng hơn.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Công ty Cổ phần Tư vấn Sức khỏe Cộng đồng (CHDC, JSC) là đơn vị thực hiện nghiên cứu này với tư cách là nhóm nghiên cứu quốc gia đã làm việc nghiêm túc để hoàn thành nghiên cứu này một cách thấu đáo. Đặc biệt, chúng tôi xin cảm ơn Bà Nguyễn Hoàng Yến và Bà Nguyễn Hương Giang đã chủ trì nhóm nghiên cứu thực hiện đề tài đầy thách thức này. Chúng tôi cũng xin ghi nhận sự đóng góp không nhỏ của mười thành viên nhóm thu thập thông tin tại thực địa, nhóm trợ lý nghiên cứu và nhập dữ liệu và cán bộ tại địa phương trong việc thực hiện các cuộc điều tra, PVS và TLN. Họ đã thực hiện các chuyến đi không mệt mỏi tới mọi miền đất nước để thu thập nhiều trường hợp khác nhau. Đồng thời, chúng tôi cũng xin gửi lời cảm ơn tới chính quyền địa phương của các địa bàn nghiên cứu trên cả nước về sự hỗ trợ đắc lực của họ. Với vai trò là tư vấn quốc tế, Ông John Vighjen đã cung cấp cho chúng tôi những hỗ trợ kĩ thuật quan trọng, tập huấn cho cán bộ thu thập thông tin và cung cấp cho nhóm nghiên cứu những kiến thức sâu trong công tác nghiên cứu về mua bán người.

Về phía Tổng cục Thống kê, Bà Nguyễn Thị Việt Nga, công tác tại Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường và là điều phối viên của hợp phần dự án của TCTK trong khuôn khổ CTCBĐG đã hỗ trợ chúng tôi và giúp mang lại thành công cho nghiên cứu này. Ông Nguyễn Phong, Vụ trưởng Vụ thống kê Xã hội và Môi trường, đồng thời là Giám đốc dự án hợp phần của TCTK trong khuôn khổ CTCBĐG và ông Đỗ Anh Kiểm, Phó Vụ trưởng Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường đã hỗ trợ cho chúng tôi rất nhiều. Về phía IOM, Ông Jobst Koehler, Cán bộ Phát triển Chương trình Cấp cao, Bà Đặng Thúy Hạnh, Cán bộ dự án, Bà Saskia Blume, Cán bộ dự án và Ông Tom Tanhchareun, Cán bộ Chính sách đã thực hiện vai trò giám sát và đảm bảo chất lượng cho nghiên cứu. Ông Tanhchareun và Bà Blume đã góp một phần không nhỏ trong việc đưa ra ý kiến và biên tập cho báo cáo nghiên cứu, bổ sung những yếu tố quan trọng trong phần phân tích về giới, cũng như đảm bảo phân tích có chiều sâu. Bên cạnh đó, chúng tôi muốn được gửi lời cảm ơn tới Ông Hồ Xuân Huy đã hỗ trợ sắp xếp các cuộc phỏng vấn cho nhóm nghiên cứu và Bà Emily Mahoney đã tổng hợp những tư liệu sẵn có về tình hình mua bán trẻ em trai góp phần không nhỏ trong giai đoạn xây dựng dự án.

Chương trình Chung về Bình đẳng Giới nhằm đóng góp vào việc tăng cường hợp tác, không chỉ giữa Chính phủ với các cơ quan Liên hợp quốc, mà còn giữa các cơ quan Liên hợp quốc với nhau, trong khuôn khổ chương trình cải cách Liên Hợp Quốc. Các cơ quan Liên hợp quốc và nhóm điều phối CTCBĐG đã đóng góp một phần hỗ trợ quý báu trong suốt thời gian nghiên cứu, đặc biệt là trong việc tham gia ý kiến vào dự thảo báo cáo, và đã đóng góp to lớn trong việc đảm bảo chất lượng của báo cáo. Đặc biệt, chúng tôi xin được cảm ơn Bà Aya Matsuura (Chuyên gia về Giới, CTCBĐG), cũng như nhóm truyền thông của Liên hợp quốc về sự đóng góp của họ cho nghiên cứu này.

Trần Thị Hằng, Phó tổng cục trưởng, Tổng cục Thống kê
Jobst Koehler, Cán bộ phát triển chương trình cấp cao, Tổ chức Di cư Quốc tế

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BCA	Bộ Công An
BVTE	Bảo vệ trẻ em
CRC	Công ước Quốc tế của Liên Hợp Quốc về Quyền trẻ em
CTCBDG	Chương trình Chung về Bình Đẳng Giới
CTHĐQG	Chương trình Hành động Quốc gia
ILO	Tổ chức Lao động Quốc tế
IOM	Tổ chức Di cư Quốc tế
LĐTĐ&XH	Lao động, Thương binh và Xã Hội
LHQ	Liên Hợp Quốc
MDG - F	Quyển Phát triển Mục tiêu thiên niên kỷ
NGO	Tổ chức phi chính phủ
OP	Nghị định thư bổ sung
PVS	Phòng vấn sâu
Sở LĐTĐ&XH	Sở Lao động, Thương binh và Xã Hội
TCTK	Tổng cục Thống kê
TLN	Thảo luận nhóm
TP. HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
UNIAP	Liên minh Phòng chống Mua bán người
UNODC	Văn phòng Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc
UNICEF	Quyển Nhi đồng Liên Hợp Quốc
UBND	Ủy ban Nhân dân

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	2
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	4
TÓM TẮT.....	6
I. GIỚI THIỆU.....	11
1.1: Nghiên cứu tài liệu.....	11
1.2: Luật pháp và chính sách liên quan đến mua bán người.....	13
II. PHẠM VI VÀ MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU.....	15
2.1: Phạm vi nghiên cứu.....	15
2.2: Mục tiêu và mục đích nghiên cứu.....	16
III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.....	16
3.1: Các định nghĩa.....	16
3.2: Địa bàn nghiên cứu.....	18
3.3: Đối tượng nghiên cứu.....	18
3.4: Nhóm nghiên cứu.....	19
3.5: Phương pháp thu thập thông tin.....	19
3.6: Công cụ nghiên cứu.....	21
3.7: Xử lý và phân tích dữ liệu.....	22
3.8: Những hạn chế.....	22
3.9: Đạo đức nghiên cứu.....	23
IV. HIỂU BIẾT VỀ MUA BÁN TRẺ EM TRAI CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VÀ CỘNG ĐỒNG.....	24
4.1: Tình trạng mua bán trẻ em trai.....	24
4.2: Hiểu biết của chính quyền địa phương.....	25
4.3: Hiểu biết của cộng đồng về mua bán trẻ em trai.....	29
4.4: Kết luận.....	32
V. CÁC TRƯỜNG HỢP NẠN NHÂN BỊ MUA BÁN.....	33
5.1: Các đặc điểm nhân khẩu học.....	33
5.2: Bóc lột sức lao động.....	35
5.2.1: Bóc lột sức lao động trong nước.....	35
5.2.2: Lao động ở nước ngoài.....	42
5.2.3: Bán hàng rong.....	46
5.3: Bóc lột tình dục.....	49
5.4: Cho nhận con nuôi.....	56
5.4.1: Bắt cóc.....	56
5.4.2: Nhận con nuôi trái phép.....	59
VI. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	62
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	69
PHỤ LỤC 1: BỘ LUẬT HÌNH SỰ.....	72
PHỤ LỤC 2: HỖ TRỢ TÀI CHÍNH CHO NHỮNG NGƯỜI TRỞ VỀ.....	73
PHỤ LỤC 3: BÓC LỘT LAO ĐỘNG.....	74
PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH NHÓM NGHIÊN CỨU.....	75
PHỤ LỤC 5: TIÊU CHÍ CHỌN ĐỐI TƯỢNG THAM GIA.....	77
CHÚ THÍCH.....	78

DANH MỤC BẢNG

BẢNG 1: TÓM TẮT ĐỊNH NGHĨA BUÔN BÁN NGƯỜI.....	17
BẢNG 2: TỔNG HỢP PVS VÀ TLN Ở CÁC ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU.....	21
BẢNG 3: LOẠI HÌNH BỊ MUA BÁN VÀ TUỔI BỊ MUA BÁN.....	34

TÓM TẮT

Báo cáo này là báo cáo nghiên cứu về tình hình mua bán trẻ em trai tại Việt Nam là hoạt động thuộc dự án thành phần tại Tổng cục Thống kê (TCTK) do tổ chức Di cư Quốc tế (IOM) thực hiện trong khuôn khổ Chương trình chung về bình đẳng giới trong 3 năm.

Mặc dù những nghiên cứu, bằng chứng và tài liệu truyền thông trước đây đã nhận định rằng có trường hợp trẻ em trai bị mua bán ở Việt Nam (cả trong nước và xuyên biên giới) cho mục đích bóc lột tình dục, làm con nuôi và lao động cưỡng bức, nhưng có rất ít nghiên cứu tập trung vào vấn đề mua bán trẻ em trai.

Mục tiêu của nghiên cứu là nhằm góp phần vào mục tiêu lớn hơn là thừa nhận tình trạng và nguy cơ của trẻ em trai bị mua bán và đáp ứng một cách đầy đủ trong các khung pháp lý, chính sách và thể chế liên quan đến mua bán người của Việt Nam. Những mục đích của nghiên cứu là đánh giá nhận thức của chính quyền địa phương và cộng đồng và cách thức giải quyết vấn đề mua bán trẻ em trai, xác định các hình thức mua bán trẻ em trai, các yếu tố dẫn đến tình trạng dễ bị tổn thương của trẻ (đặc biệt là các khái niệm về giới) và các loại hình mua bán trẻ em trai cũng như ghi lại những trải nghiệm của nạn nhân trong quá trình bị mua bán, trở về, phục hồi và tái hòa nhập. Công tác thu thập số liệu được thực hiện tại 12 tỉnh và thành phố ở Việt Nam, từ tháng 10 năm 2010 đến tháng 11 năm 2011.

Tổng số 82 em trai là nạn nhân bị mua bán đã được phỏng vấn trong nghiên cứu này. 285 người lớn cũng tham gia phỏng vấn gồm: cha mẹ, họ hàng, cán bộ xã hội và bạn bè của các em nhằm có được bức tranh tổng thể cũng như tìm hiểu sâu về từng trường hợp.

Nghiên cứu đã phát hiện một số lượng nạn nhân trẻ em trai bị mua bán:

Nghiên cứu này đưa ra một số bằng chứng ban đầu khẳng định rằng tình trạng mua bán trẻ em trai có xảy ra ở Việt Nam, cả trong nước và ra nước ngoài. Trẻ em trai bị mua bán nhằm mục đích bóc lột lao động, làm ăn xin và bán rong trên đường phố, hành nghề/bóc lột tình dục và nhận con nuôi. Mặc dù báo cáo này đã phát hiện các trường hợp trẻ em trai bị mua bán nhưng trong hệ thống báo cáo chính thức của chính quyền địa phương lại không có trường hợp mua bán trẻ em trai nào hoặc không có số liệu thống kê chính thức về tình hình này.

Hiểu biết của chính quyền địa phương và cộng đồng về mua bán trẻ em trai còn thấp:

Chính quyền địa phương có nhận thức không đầy đủ về tình hình mua bán người, đặc biệt là mua bán trẻ em trai. Trong khi các cán bộ của tổ chức phi chính phủ quốc tế và Việt Nam và cán bộ Trung ương nhận thấy có tình trạng mua bán người trong nước, chỉ một số cán bộ cấp cơ sở cho rằng mua bán người không chỉ bao gồm mua bán qua biên giới, mà còn bao gồm các trường hợp mua bán trong phạm vi quốc gia (mua bán trong nước). Nhiều cán bộ cho rằng các trường hợp mua bán người chỉ đơn thuần là bóc lột lao động hoặc trẻ em dưới tuổi lao động tối thiểu phải làm việc (dưới 15 tuổi).

Tương tự, kết quả đánh giá cho thấy nhận thức của cộng đồng về tình hình mua bán trẻ em trai còn thấp. Họ cho rằng mua bán người chỉ là mua bán phụ nữ và trẻ em gái, chứ không có tình trạng mua bán trẻ em trai. Hiểu biết của trẻ em trai cũng như cha mẹ các em về di cư an toàn và nhận thức của họ về mua bán trẻ em trai còn rất hạn chế, vì vậy các em không chuẩn bị kỹ trước khi đi. Trong nhiều trường hợp, nạn nhân thường chấp nhận bị bóc lột chừng nào họ còn được trả thù lao mà không cho rằng mình đang trong tình trạng bị bóc lột. Những trẻ em và gia đình được phỏng vấn đều cho rằng những hành vi lừa gạt và bóc lột lao động chỉ là bị lừa hoặc lạm dụng.

Đặc điểm nạn nhân trẻ em trai bị mua bán:

Chúng tôi đã phỏng vấn 82 nạn nhân từ 18 tỉnh, thành phố điểm đi trên phạm vi cả nước từ Bắc tới Nam, bao gồm 35 em ở miền Bắc, 25 em ở miền Trung và 22 ở miền Nam. 61 trường hợp là mua bán trong nước, còn lại 21 trường hợp là mua bán qua biên giới. Trung Quốc là điểm đến của hầu hết các trường hợp mua bán qua biên giới (20 trên tổng số 21 trường hợp). Chỉ có một trường hợp là em trai bị mua bán sang Campuchia. Với các trường hợp mua bán trong nước, điểm đến chính là thành phố Hồ Chí Minh (54 trường hợp).

Phần lớn nạn nhân (69 em) xuất thân từ các vùng nông thôn. Trong số 82 nạn nhân đã được xác định, 27 em có tuổi từ 16 đến 18 và 27 trường hợp bị mua bán lúc các em trong độ tuổi 11 đến 15, và 17 trường hợp dưới 6 tuổi. Trung bình, mỗi gia đình của nạn nhân bị mua bán có 5,3 người, trong khi số lượng thành viên trung bình của một hộ gia đình theo Tổng điều tra dân số năm 2009 của TCTK ở Việt Nam là 3,8. Trong số 82 nạn nhân (phần lớn các em đều dưới 18 tuổi tại thời điểm bị mua bán), 22 nạn nhân trên 18 tuổi và 4 em đã có gia đình tại thời điểm nghiên cứu, trong khi tại thời điểm bị mua bán, chưa em nào lập gia đình.

Phần lớn nạn nhân (59 em) là dân tộc Kinh và 23 em còn lại thuộc về các dân tộc thiểu số. Hầu hết các em bỏ học trước khi bị mua bán, và chỉ một số ít (4 em) vừa đi học vừa hoạt động mại dâm. Các em chủ yếu học cấp 2 tại thời điểm rời nhà ra đi. Ngoại trừ trẻ sơ sinh và các trường hợp bị bắt cóc, các nạn nhân không có kinh nghiệm làm việc và không đi làm trước khi di cư.

Các thủ đoạn tuyển dụng, vận chuyển và bóc lột:

Nghiên cứu đánh giá trên 82 trường hợp nạn nhân là trẻ em trai, trong đó 30 em bị bóc lột lao động, 5 em bị bóc lột để bán hàng rong, 24 trường hợp bị bóc lột tình dục, 10 trường hợp bị bắt cóc, 10 trường hợp nhận nuôi trẻ sơ sinh và 3 trường hợp không rõ mục đích hoặc “đang trong quá trình chuẩn bị mua bán”.

Các yếu tố góp phần đẩy trẻ em trai vào quá trình di cư và làm tăng nguy cơ các em bị mua bán là: nhu cầu kiếm thêm thu nhập và thiếu cơ hội việc làm ở địa phương, thiếu cơ hội học tập và thiếu hỗ trợ từ phía gia đình. Bên cạnh đó, cha mẹ và các em đều thiếu hiểu biết về di cư an toàn cũng như tình hình mua bán trẻ em, đồng thời nhận thức về các quyền của họ với tư cách là nạn nhân đã khiến các em rơi vào cạm bẫy của những kẻ mua người. Với các trường hợp bị bắt cóc và mua bán trẻ sơ sinh, có nhiều yếu tố thúc đẩy, như tình trạng mất cân bằng giới kéo dài có thể coi là một trong những nguyên nhân tiềm ẩn của tình trạng mua bán trẻ sơ sinh trong nước cũng như ra nước ngoài. Các yếu tố này bao gồm phân biệt nam nữ, trọng nam khinh nữ và hậu quả là vị thế của phụ nữ và trẻ em gái không cân bằng với nam giới.

Hầu hết trẻ em trai bị mua bán cho mục đích bóc lột lao động và tình dục thường bị dụ dỗ bằng việc hứa hẹn sẽ có được công việc tốt với lương cao, thông qua mối quan hệ gia đình hoặc cộng đồng (không chính thức). Khác với hình thức mua bán trẻ em trai khác, những mảnh khõe của kẻ bắt cóc trẻ em thường là sử dụng vũ lực để kiểm soát người lớn, thậm chí đe dọa giết cha mẹ của trẻ và bắt đưa trẻ khỏi gia đình. Họ hàng hoặc thành viên thân thích trong gia đình cũng bị lợi dụng để lừa bắt cóc nạn nhân.

Xe buýt là phương tiện giao thông chính được những kẻ môi giới hoặc kẻ mua bán người sử dụng để di chuyển. Trong khi các trường hợp bóc lột lao động thường là sự di chuyển theo nhóm thì trẻ sơ sinh thường bị cá nhân mang đi đơn lẻ để tránh nghi ngờ từ chính quyền địa phương và công an. Kẻ vận chuyển trẻ sơ sinh thường là những phụ nữ đang cho con bú. Nạn nhân bị mua bán ra nước ngoài thường bị những kẻ môi giới hoặc mua bán dẫn qua biên giới một cách bất hợp pháp mà không có giấy tờ tùy thân.

Với các trường hợp trẻ em trai bị mua bán cho mục đích bóc lột lao động, không những bị mua bán qua biên giới, các em còn bị mua bán trong nước để làm ăn xin, làm việc trong các xưởng may tư nhân, hoặc các lò gạch. Phần lớn các em bị bóc lột lao động phải làm việc từ 6 đến 7 ngày một tuần và mỗi ngày làm hơn 8 tiếng, một số trường hợp phải làm 12 đến 16 tiếng mỗi ngày. Một số em tự nguyện chấp nhận nếu được trả lương. Các em cho rằng chỉ khi không được trả tiền ngoài giờ thì mới bị coi là mình bị bóc lột. Điều kiện làm việc hết sức khắc nghiệt, nhưng không ai trong số các em được trả thêm thù lao. Một số em còn kể rằng thậm chí các em không được phép ăn trưa, hoặc chỉ được ăn trong thời gian rất ngắn, hay chỉ thỉnh thoảng được ăn bữa tối (mì gói). Phần lớn các em phải ngủ trên sàn nhà, ngay tại chỗ làm việc.

Với nhóm các em trai bị mua bán vì mục đích bóc lột tình dục, hầu hết các em đã di cư đến những thành phố lớn mà chưa xác định được sẽ làm công việc gì. Các em bị lừa gạt và ép buộc tham gia vào các hoạt động mại dâm và sau đó là bị đưa đến và bán hoặc giới thiệu

cho các nhà chứa. Các em trai làm nghề mại dâm phải làm 7 ngày trong tuần, và sẵn sàng phục vụ khách trong 24 tiếng. Trung bình một ngày, mỗi em phục vụ từ 2 đến 4 khách hoặc hơn.

Các hình thức bạo lực như bạo lực thể chất, lạm dụng, hạn chế tự do đi lại, lao động gán nợ, không trả lương, điều kiện sống và làm việc có tính chất bóc lột – làm tăng thêm nguy cơ mắc bệnh và đẩy các em vào tình trạng bị mua bán.

Trải nghiệm của nạn nhân trong quá trình bị mua bán, trở về, phục hồi và tái hòa nhập:

Phần lớn trẻ em trai bị mua bán được các cơ quan chính quyền (các cơ quan làm về phòng chống mua bán người cũng như bảo trợ trẻ em) hoặc các dự án phòng chống lao động trẻ em phát hiện và giải cứu. Chỉ có các trường hợp ở Lào Cai (5 em) và Hà Giang (5 em) là các em tự trở về. Một số em kể rằng các em bị cấm không cho đi bằng cách dọa dùng vũ lực, hoặc dọa không trả lương, gán nợ, về tình trạng bất hợp pháp và không quen biết ai để tìm sự giúp đỡ.

Tất cả nạn nhân được giải cứu đều được hỗ trợ tiền để trở về nhà như tiền đi lại và tiền ăn. Hầu hết các trường hợp mua bán trong nước cho mục đích bóc lột lao động được chuyển đến Trung tâm Bảo trợ Xã hội, hoặc Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề cho Thanh niên, cũng như các Trung tâm Tiếp nhận và Đánh giá nạn nhân. Ở những trung tâm này, nạn nhân sẽ được ở chỗ an toàn, được khám sức khỏe và tư vấn cũng như được ăn uống trước khi họ trở về nhà.

Tất cả các trường hợp mua bán trong nước từ Huế đều được nhận hỗ trợ để tiếp tục đi học, như học phí, sách vở, trợ cấp và gạo. Trẻ trên 16 tuổi được đào tạo dạy nghề. Năm trường hợp ở Lào Cai đã được nhận hỗ trợ đầy đủ cho nạn nhân bị mua bán trở về, bao gồm tiền trợ cấp cho khó khăn ban đầu, hỗ trợ dạy kỹ năng giao tiếp, trồng trọt và chăn nuôi gia súc, cũng như được tư vấn tâm lý, khám sức khỏe và xét nghiệm HIV tự nguyện. Tuy nhiên, các lựa chọn nghề nghiệp và kỹ năng cần thiết khác nhau cho các em hiện chưa phù hợp với thị trường việc làm. Phần lớn các em nạn nhân tự trở về hầu như không nhận được hỗ trợ ban đầu từ các cơ quan nhà nước.

Các vấn đề về giới:

Trẻ em trai thường được cho là có tính phiêu lưu hơn, mạnh mẽ hơn, dũng cảm hơn và ít có nguy cơ bị mua bán hơn các em gái. Tuy nhiên, các em trai lại không ý thức được về nguy cơ bị lạm dụng hoặc bóc lột tình dục hay lao động. Những yếu tố này đã khiến cho trẻ em trai dễ bị bóc lột và mua bán, vì các em thường có xu hướng đi chơi nhiều hơn các em gái và đi ra khỏi khu vực sinh sống để đến những nơi khác mà không có sự chuẩn bị chu đáo. Khi các em trai bị mua bán, các em ít bị người dân cộng đồng phân biệt hơn các em nữ vì mua bán người vẫn được cho là chỉ cho mục đích bóc lột tình dục, khi ấy người ta không cho rằng trẻ em trai cũng có nguy cơ bị bóc lột tình dục.

Những kết luận chính:

- Nhận thức của chính quyền địa phương ở cấp cơ sở và cộng đồng về mua bán trẻ em trai, đặc biệt là cho mục đích bóc lột lao động và tình dục còn hạn chế;
- Trẻ em trai cũng đối mặt với những nguy cơ bị bóc lột và mua bán. Mua bán trẻ em trai có xảy ra ở Việt Nam cả ở trong nước và ra nước ngoài. Trẻ em trai bị mua bán cho mục đích bóc lột lao động, làm ăn xin và bán rong trên đường phố, tham gia hoạt động mại dâm/ bóc lột tình dục và cho làm con nuôi;
- Còn những hạn chế trong việc xác định và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trong nước và nạn nhân bị bán ra nước ngoài tự trở về, về mặt cơ sở hạ tầng, tài chính, đào tạo và nguồn lực cho các trường hợp chuyển tuyến khẩn cấp.

Để đảm bảo khung pháp lý, chính sách và thể chế, để giải quyết được tình trạng và sự tổn thương của nạn nhân trẻ em trai bị mua bán nói riêng và phụ nữ, trẻ em gái và nam giới nói chung ở Việt Nam một cách thấu đáo, chúng tôi đề xuất một số các khuyến nghị sau đây:

Các khuyến nghị:

- **Tăng cường chương trình truyền thông và giáo dục để phòng chống mua bán người và tăng cường di cư an toàn:** các chiến dịch truyền thông tại các cộng đồng điểm đi được thiết kế nhằm thúc đẩy và đẩy mạnh di cư an toàn. Các chiến dịch truyền thông nâng cao nhận thức cần tránh cụm từ “mua bán” vì nó thường được hiểu rộng rãi là chỉ bao gồm trẻ em gái và các yếu tố vận chuyển ra ngoài biên giới... Bên cạnh đó, kiến thức về di cư an toàn để tránh bị bóc lột lao động và tình dục cần tập trung vào đối tượng là trẻ em trai và gia đình (đặc biệt là các em bỏ học) từ những vùng kinh tế xã hội yếu kém và đặc biệt chú ý tới các cộng đồng dân tộc thiểu số. Cần phải giúp trẻ em và gia đình hiểu về Quyền lợi của người lao động/Luật lao động và bình đẳng giới. Tổ chức giáo dục và tập huấn cho thanh niên là cần thiết để giải quyết vấn đề về di cư an toàn và mua bán người. Cần xây dựng các dự án/can thiệp cụ thể, theo dân tộc để giải quyết những nguy cơ cho nhóm dân tộc thiểu số liên quan đến di cư và các loại hình nguy cơ bị mua bán khác. Nhiều phụ nữ khi mang thai ngoài ý muốn không biết làm thế nào để cho con nuôi. Các thông tin và dịch vụ tư vấn về các phương án thay thế cho việc cho nhận con nuôi hợp pháp cần phải được cung cấp đầy đủ hơn tại các bệnh viện.
- **Tăng cường giáo dục và đẩy mạnh việc thực thi Luật mới về phòng, chống mua bán người:** Cần tổ chức truyền thông nhiều hơn nữa tới đối tượng là các cán bộ nhà nước để họ có thể hiểu về mục đích của mua bán người, phải kể đến yếu tố mục đích bóc lột của mua bán người thường là cho các trường hợp mua bán người trong nước nói chung và nạn nhân là trẻ em trai nói riêng. Hệ thống giám sát thường xuyên về Luật lao động ở điểm đến để phòng chống bóc lột trẻ em. Cần có hệ thống biểu mẫu báo cáo thống nhất để thu thập số liệu của từng trường hợp cụ thể để cung cấp cho các Bộ, ban ngành có liên quan. Vai trò và trách nhiệm cần phải làm rõ.
- **Tăng cường hệ thống bảo vệ trẻ em tại điểm đến:** Cần có sự tham gia của cộng đồng vào quá trình giám sát và phát hiện các trường hợp lao động trẻ em và bóc lột lao động như trẻ em bị bóc lột trong các xưởng sản xuất may tư nhân hoặc các xưởng khác. Cần giám sát chặt chẽ tại địa phương để phát hiện và giải cứu trẻ em bị mua bán nói chung và trẻ em trai sơ sinh nói riêng.
- **Xây dựng chương trình hồi hương và tái hòa nhập cùng các dịch vụ để giải quyết các nhu cầu của nạn nhân là trẻ em trai:** Với từng trường hợp bị mua bán trở về, cần phải tiến hành đánh giá toàn bộ, và chuyển tuyến tới các dịch vụ phù hợp nhằm đảm bảo hỗ trợ cho trẻ em trai bị mua bán là phù hợp với nhu cầu của các em. Các chính sách về hỗ trợ nạn nhân tự trở về cũng cần được xem xét xây dựng. Cán bộ làm công tác hỗ trợ các em trai bị mua bán trở về và tái hòa nhập về các vấn đề nhạy cảm, văn hóa và tâm lý của các em cần được tập huấn nâng cao nghiệp vụ chuyên môn trong việc giải quyết đúng nhu cầu cho các em trai. Cần thiết lập một giải pháp dễ tiếp cận và nhanh chóng để hỗ trợ, giải cứu và chuyển tuyến cho nạn nhân bị mua bán, ví dụ như thiết lập đường dây nóng. Thông tin về đường dây nóng cần được truyền tải rộng rãi để người dân và trẻ em biết đến và nhớ được số điện thoại. Đường dây nóng cũng cần có nguồn lực và mạng lưới phù hợp để cung cấp hỗ trợ và chuyển tuyến nạn nhân kịp thời khi cần.
- **Xây dựng chương trình phòng chống HIV và các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục, lạm dụng và nghiện ma túy trong nhóm mại dâm nam:** Tập trung vào nhóm đối tượng mại dâm nam, đặc biệt là thanh niên và trẻ em trai, có thể thông qua các chương trình giáo dục đồng đẳng để nâng cao hiểu biết của các em về HIV, các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục, lạm dụng và nghiện ma túy. Các dịch vụ tư vấn tự nguyện, dịch vụ xét nghiệm và xử lý các bệnh lây qua đường tình dục cần được tăng cường hơn nữa để có thể tiếp cận và hỗ trợ nhóm mại dâm nam, đặc biệt là những em đang ở trong tình trạng bị bóc lột.
- **Các lĩnh vực nghiên cứu thêm:** Cần có thêm một nghiên cứu trong đó việc chọn mẫu mang tính đại diện hơn đối với các đối tượng đã bị mua bán cho mục đích bóc lột tình dục để tìm hiểu thêm về vấn đề này. Cần tiến hành nghiên cứu sâu hơn nhằm

hiểu rõ lý do/nguyên nhân thúc đẩy các em nam làm mại dâm, làm thế nào và vì sao các em lại chọn công việc này. Nghiên cứu này chưa bao gồm nhóm đối chứng (so sánh) - Nhóm các trẻ em di cư nhưng không bị mua bán hoặc các em không di cư, nên chưa so sánh được các yếu tố thúc đẩy và (được hiểu) hoàn cảnh kinh tế-xã hội với những trẻ bị mua bán. Vì vậy nghiên cứu thêm cần tập trung vào vấn đề này. Bên cạnh đó, nghiên cứu thêm là cần thiết, đồng thời tiến hành theo từng dân tộc, thay vì gộp các nhóm dân tộc thiểu số thành một nhóm đồng nhất. Nghiên cứu và phân tích các văn bản pháp luật và chính sách có liên quan đến mua bán trẻ em để góp phần xây dựng khuyến nghị và chính sách cho việc phát hiện theo dõi và hỗ trợ các trường hợp bị mua bán hiện chưa được hỗ trợ từ các chính sách hiện hành.

I. GIỚI THIỆU

Nghị định thư về phòng ngừa, trấn áp và trừng trị hành vi mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em năm 2000 (Nghị định thư Palermo) chỉ ra rằng “*trẻ em bị mua bán là trẻ bị tuyển dụng, vận chuyển hay tiếp nhận vì mục đích bóc lột*”. Khác với định nghĩa mua bán người ở người lớn, hành vi mua bán trẻ em không tính đến việc có sử dụng vũ lực hay các hình thức ép buộc hay không. Điều này phản ánh sự khác nhau về mức độ dễ bị tổn thương giữa mua bán trẻ em và mua bán người lớn. Thêm vào đó, động cơ và mục đích của hành vi mua bán cũng có thể khác nhau với đối tượng trẻ em và người lớn. Mặc dù vậy, rất ít nghiên cứu tập trung vào tình trạng mua bán trẻ em được tiến hành. Phần lớn các dữ liệu và nghiên cứu hiện có về mua bán người đều không phân biệt hai đối tượng trẻ em và người lớn, cũng như không phân tích riêng trẻ em trai và trẻ em gái. Thay vào đó, phụ nữ, trẻ em trai và trẻ em gái thường được gộp chung vào một nhóm đối tượng, theo như thuật ngữ “phụ nữ và trẻ em”, và do đó, mỗi nhóm đối tượng đều bị thiệt thòi, không được nghiên cứu riêng biệt.

1.1: Nghiên cứu tài liệu

Theo báo cáo của Bộ Công an (BCA, 2007), phụ nữ và trẻ em Việt Nam chủ yếu bị mua bán sang Trung Quốc và Campuchia. Một số trường hợp khác bị bán sang các nước thứ ba như Thái Lan hay Malaysia (Báo Thanh niên, 2007). Một nghiên cứu do Bộ Công an tiến hành cũng khẳng định rằng “*Những kẻ mua bán người thường dụ dỗ nạn nhân trực tiếp hoặc thông qua gia đình, họ hàng bằng việc hứa hẹn về việc làm ổn định với mức lương cao ở thành phố, hoặc kết hôn với người nước ngoài giàu có. Mục tiêu của chúng là những phụ nữ và trẻ em ở vùng nông thôn, gặp khó khăn về kinh tế và đang tìm việc làm để nâng cao thu nhập. Hành vi mua bán người cũng được thực hiện dưới hình thức du lịch, xuất khẩu lao động, kết hôn với người nước ngoài hoặc cho nhận con nuôi. Nạn nhân hoặc gia đình thường nhận được một khoản tiền trả trước, vì vậy những kẻ mua bán có thể dễ dàng kiểm soát họ. Ở thành thị, kẻ mua bán người thường tiếp cận những cô gái trẻ đang tìm việc, hứa hẹn sẽ cho họ cơ hội làm việc trong lĩnh vực giải trí và du lịch ở nước láng giềng. Đến khi nạn nhân đã qua biên giới, chúng sẽ bán họ cho những kẻ môi giới, và những kẻ này lại tiếp tục bán họ cho những nhà chứa hoặc dân địa phương để ép làm vợ hoặc làm người giúp việc trong nhà*” (2004).

Bên cạnh báo cáo của Bộ Công an đã cung cấp những thông tin về mua bán phụ nữ và trẻ em qua biên giới, một nghiên cứu của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) tiến hành ở Lào Cai (2009) cũng chỉ ra rằng những người di cư có trình độ lao động thấp thường tìm kiếm cơ hội việc làm ở những nước láng giềng và bị lừa bán hoặc ép làm những việc trái pháp luật, bị bóc lột hoặc làm những công việc độc hại.

Trong khi các cơ quan nhà nước Việt Nam hiện chưa có báo cáo nào về tình trạng mua bán người trong nước, báo cáo của Rushing cho thấy những phụ nữ trẻ thường bị bạn, người cùng làng hoặc những kẻ môi giới lừa gạt và rời khỏi nhà để đi làm phục vụ, sau đó họ nhận ra rằng mình đã bị lừa bắt phải bán dâm. Báo cáo về tình hình Buôn bán người của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ chỉ ra rằng Việt Nam là điểm đi, từ đó các đối tượng là nam nữ và trẻ em bị buôn bán vì mục đích bóc lột tình dục và các hình thức bóc lột sức lao động. Nói về tình hình buôn bán trẻ em, báo cáo cho thấy “*một số trẻ em Việt Nam bị buôn bán trong nước cũng như ra nước ngoài vì mục đích lao động cưỡng ép*.” Báo cáo này cũng đề cập tới việc “*một số trẻ em nông thôn Việt Nam thường bị bóc lột tình dục vì mục đích thương mại, bị bắt đi bán hàng rong, ép đi ăn xin ở các thành phố lớn, và một số trẻ em Việt Nam là nạn nhân*

của tình trạng bóc lột sức lao động và lao động gán nợ trong các xưởng sản xuất tại nhà ở các vùng đô thị, (Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, 2010).

Tại Việt Nam cũng như từ nhiều khu vực trên thế giới đã có rất nhiều báo cáo nghiên cứu về tình hình mua bán phụ nữ và trẻ em, tuy nhiên, có rất ít nghiên cứu về mua bán nam giới đã được thực hiện trên phạm vi toàn cầu. Cho tới nay, chưa có nghiên cứu nào được thực hiện ở Việt Nam về tình trạng mua bán nam giới và trẻ em trai. Nghiên cứu về buôn bán nam giới đã được thực hiện ở khu vực Đông-Nam Âu, cụ thể là ở Belarus và Ukraine (IOM, 2008) trong đó số liệu cho thấy số nạn nhân nam chiếm tới 28,3 phần trăm (Belarus) và 17,6 phần trăm (Ukraine) trong tổng số ca được Tổ chức Di cư Quốc tế (IOM) hỗ trợ từ năm 2004 đến năm 2006. Nghiên cứu này cũng cho thấy đa số nạn nhân bị buôn bán là người lớn, tuổi từ 18 đến 44. Ở khu vực tiểu vùng sông Mekong, nghiên cứu đã cho thấy rằng nam giới bị buôn bán để làm việc tại công trường xây dựng hoặc làm ở nông trại ở Thái Lan (Surtees, 2008). Với đối tượng trẻ em trai, theo báo cáo của UNICEF số trẻ em trai bị buôn bán vì mục đích bóc lột tình dục và lao động đang ngày càng gia tăng ở khu vực Đông Nam Á (2009). Tuy nhiên, hiện vẫn chưa có nghiên cứu nào tập trung vào mua bán trẻ em trai và nam giới ở Việt Nam. Những bằng chứng chưa chính thống từ các bài viết trên các tờ báo viết và tạp chí đã phản ánh các trường hợp trẻ em trai bị mua bán. Về tình hình mua bán trẻ em trai, phân tích từ nhiều tài liệu cho thấy trẻ em trai thường bị mua bán cho những mục đích sau đây: 1) Bóc lột sức lao động; 2) Bắt đi ăn xin và bán hàng rong trên đường phố; 3) hành nghề mại dâm/ bóc lột tình dục và 4) Cho làm con nuôi.

Bóc lột sức lao động

Đã có những bằng chứng đầu tiên cho thấy trẻ em trai Việt Nam bị buôn bán không chỉ trong nước và sang các nước láng giềng mà còn sang cả các nước khác trên thế giới. Trong số 287 trẻ em được xác định là nạn nhân hoặc đối tượng có nguy cơ bị buôn bán sang Vương quốc Anh, số nạn nhân trẻ em Việt Nam là 58, cao nhất trong số các quốc gia là điểm đi (47 quốc gia). Phần lớn các trường hợp của Việt Nam (37 em) được tìm thấy đang làm việc trong các trang trại trồng cần sa, trong khi chỉ có 3 em trai bị bóc lột tham gia vào các tội phạm đường phố, và 4 em nữ bị bóc lột lao động (ở các cửa hàng làm móng tay). Các nạn nhân chủ yếu bị buôn bán từ Việt Nam sang bằng xe tải và nhập cảnh vào Anh thông qua cảng biển. Trong số 58 nạn nhân Việt Nam, 74 phần trăm (43 em) là trẻ em trai (Trung tâm khai thác và bảo vệ trực tuyến trẻ em - CEOP, 2010). Các bằng chứng từ báo chí chỉ ra rằng trẻ em trai cũng bị buôn bán sang Trung Quốc để làm việc trong các lò gạch (Việt Nam Net, 2007).

Đối với tình hình mua bán trong nước, mặc dù chưa chính thức được coi là bị mua bán, trẻ em trai bị dụ dỗ đi làm ăn xa và rồi bị bóc lột sức lao động, như trong các vụ đào vàng ở Quảng Nam, trẻ em trai phải lao động cực nhọc như nô lệ (Việt Nam Net, 2008). Các tờ báo cũng đưa thông tin rằng trẻ em trai làm việc trong các xưởng may tự nhân hoặc xưởng may gia đình ở thành phố Hồ Chí Minh (TP. HCM) cũng bị bóc lột, phải làm việc quá thời gian qui định từ 6 giờ sáng đến 23 giờ đêm hàng ngày (Thanh Niên, 2008).

Bán hàng rong/ ăn xin trên đường phố

Báo chí đã đưa tin rất nhiều về việc trẻ em trai và gái bị ép làm ăn xin. Hai trường hợp đã được Công An phát hiện tại Hà Nội vào tháng 6 năm 2008 (Vnexpress, 2008). Ở khu phố đông khách du lịch tại TP.HCM, năm 2007 đã phát hiện hai mươi một vụ (21) trẻ em và người già đã bị ép phải đi ăn xin (Việt Nam Net, 2007). Các vụ việc tương tự cũng được phát hiện ở Bình Dương, TP. HCM vào năm 2008, trong đó trẻ em bị đem bán và bắt phải đi ăn xin nhiều giờ để kiếm tiền đưa cho chủ. Nếu không kiếm được số tiền qui định, các em sẽ bị đánh. Tình trạng trẻ em bị ép đi làm ăn xin đã được bàn luận rộng rãi trên các mặt báo vào năm 2008 (Việt Nam Net, 2007; Người lao động online, 2008). Nghiên cứu của IOM về tình hình mua bán người ở Thanh Hóa năm 2009 cũng đề cập đến tình trạng trẻ em ở huyện Quảng Xương, Thanh Hóa bị ép đi làm ăn xin ở TP.HCM (Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và IOM, 2010).

Nghiên cứu của IOM “Di cư và Buôn bán người từ tỉnh Svay Rieng, Campuchia tới Việt Nam làm ăn xin” (2004) chỉ ra rằng những kẻ buôn bán người thường lợi dụng những chức danh

như cô, chú, anh, chị, anh chị em họ, bà... kể cả khi chúng không “thực sự có liên hệ về máu thịt hay hôn nhân” để ép buộc, hoặc “thuê” trẻ em từ Campuchia sang Thái Lan hoặc Việt Nam để bắt các em đi ăn xin hoặc bán hàng rong. Phần lớn nạn nhân là những trẻ em nhỏ hoặc trẻ em bị tàn tật, phụ nữ có con nhỏ và người già bị bắt đi bán hoa, kẹo cao su hoặc bán vé số.

Hành nghề mại dâm/ bóc lột tình dục

Trong số đối tượng làm nghề mại dâm tại Campuchia, nhóm phụ nữ Việt Nam là nhóm có số lượng đông thứ hai, đồng thời cả đàn ông và trẻ em trai cũng tham gia hành nghề này. (Derks và cs, 2006). Trong khi các nước láng giềng như Campuchia đã có báo cáo về tình hình buôn bán trẻ em nam cho mục đích bóc lột tình dục, hiện vẫn chưa có nghiên cứu nào tương tự tại Việt Nam. Hilton báo cáo về tình hình ở Campuchia như sau: “*Tình trạng bóc lột tình dục ở trẻ em trai, mặc dù không phổ biến trong khu vực như với trẻ em gái, vẫn là một vấn đề chưa được công nhận về mặt pháp lý cũng như về nhận thức xã hội ở một số quốc gia. Trẻ em trai được cho là không cần phải giữ trình tiết và phẩm giá như trẻ em nữ, đồng nghĩa với việc những hành vi thực hiện với các em trai thường bị cho là không nguy hại hoặc không nghiêm trọng. Người ta quan niệm rằng trẻ em trai thì phải biết cách tự bảo vệ mình và/hoặc các em có vượt qua những vấn đề này một cách nhanh chóng, trong khi đó lại đặt nặng vấn đề trình tiết và phẩm giá lên phụ nữ và trẻ em gái, điều này dẫn đến việc nạn nhân là trẻ em trai phải cam chịu dù ở trong điều kiện tương tự.*” (2008). Nghiên cứu về tình hình lạm dụng và bóc lột tình dục trẻ em trai ở Campuchia này cũng cho thấy “*trẻ em gái thường được coi là có nguy cơ cao hơn, nhưng chính sự nhận thức không đầy đủ ấy đã dẫn đến tình trạng lạm dụng trẻ em trai ít bị phát hiện hơn... Một khi tình trạng trẻ em trai bị người địa phương lạm dụng tình dục ít được biết đến, các em lại càng ngại ngùng khi nói ra, và cán bộ địa phương lại hiếm khi hỏi các em về chuyện đó... Những quan niệm trong xã hội về giới, xu hướng thể hiện về nam tính và việc hạn chế biểu hiện cảm xúc cũng góp phần tạo nên những khó khăn cho các em*” (Hilton, 2008).

Ở Việt Nam, gần như không có thông tin về tình hình trẻ em trai làm nghề mại dâm; Đánh giá nhanh của ILO đã xác định được một vài trường hợp như vậy (5 trường hợp) ở địa điểm du lịch sầm uất tại TP.HCM (Lê, 2008). Đánh giá cũng xác định những yếu tố góp phần vào thực trạng này là sự nghèo đói và gán nợ. Vì muốn phụ giúp gia đình thoát khỏi cảnh nghèo đói và nợ nần, các em đã rời nhà đi tìm việc ở những thành phố lớn rồi từ đó tự nguyện tham gia hoặc bị ép buộc trở thành đối tượng mại dâm (Lê, 2008).

Cho làm con nuôi

Các báo cáo cho thấy có tình trạng trẻ sơ sinh bị mua bán sang Trung Quốc cũng như bị mua bán trong phạm vi nước này để làm con nuôi; các nguyên nhân có thể là do quan niệm trọng nam khinh nữ, thêm vào đó là chính sách mỗi gia đình chỉ được có 1 con (ILO, 2002; BCA, 2010; UNICEF, 2009). Trẻ em trai bị buôn bán từ Việt Nam sang Trung Quốc để làm con nuôi bất hợp pháp (UNICEF, 2009). Các bài báo đã đưa tin về tình trạng cha mẹ ở tỉnh Hà Giang bán con mình sang Trung Quốc (TTXVN, 2008). Trẻ em nhỏ thường bị cha mẹ bán đi làm con nuôi, trẻ sơ sinh thường bị buôn bán theo đường biên giới Việt Trung (ABC News, 2008).

1.2: Luật pháp và chính sách liên quan đến mua bán người

Chương trình hành động quốc gia

Ở Việt Nam, Chính phủ Việt Nam đã nhận thức được tình trạng mua bán phụ nữ và trẻ em từ đầu những năm 2000 và đã có những biện pháp quyết liệt kể từ khi: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình hành động quốc gia về phòng chống mua bán phụ nữ và trẻ em giai đoạn 2004-2010 của Chính phủ” (CTHĐQG) theo Quyết định số 130/2004/QĐ-TTg ban hành năm 2004 (sau đây gọi tắt là Chương trình 130/CP). Tuy nhiên, theo báo cáo về việc thực hiện chương trình phòng chống mua bán người sau năm năm của các tổ chức Quốc tế: Chương trình Hành động quốc gia vẫn bị hạn chế về phạm vi: chỉ có tình trạng mua bán phụ nữ và trẻ em qua biên giới là được chú trọng giải quyết, tình hình mua bán trong nước và mua bán đối tượng là nam giới chưa được đề cập đến (UNIAP, 2009).

Bộ luật Hình sự

Nghiên cứu về mua bán trẻ em trai tại Việt Nam

Năm 2010, chính phủ Việt Nam đã sửa đổi Bộ luật hình sự liên quan đến mua bán người, trong đó đã gộp chung tất cả các đối tượng thành đối tượng là “người”, không chỉ là “phụ nữ và trẻ em” như trước đây (xem Phụ lục 1). Tuy nhiên, Công ước Quốc tế của Liên hợp quốc về Quyền trẻ em (CRC) cũng như Nghị định thư Palermo quy định trẻ em là người dưới 18 tuổi còn theo Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em Việt Nam, trẻ em là những người dưới 16 tuổi. Vì thế, chỉ những trường hợp trẻ em dưới 16 tuổi bị mua bán mới được coi là nạn nhân của mua bán trẻ em ở Việt Nam.

Cho đến tháng 1 năm 2010, định nghĩa mua bán người vẫn được hiểu là cho đối tượng phụ nữ và trẻ em. Theo Nghị quyết số 04 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “tội mua bán trẻ em được hiểu là hành vi mua và bán trẻ em vì mục đích tư lợi”. Trong thực tế, chứng minh được yếu tố “tư lợi” là không dễ dàng (Bộ Tư pháp, 2008). Việc có được bằng chứng chứng minh hành vi mua và bán là rất khó vì những kẻ mua bán người thường rất ít khi thực hiện hành vi trước mặt nạn nhân. Theo điều luật hiện hành của Bộ luật Hình sự, việc nạn nhân có nguy cơ bị lạm dụng hay bóc lột hay không đều không có giá trị để kết án. Trong khi đó, theo luật quốc tế, buôn bán trẻ em là tội phạm trong đó có yếu tố vận chuyển trẻ em vì mục đích bóc lột. “*Trẻ bị buôn bán là trẻ bị vận chuyển trong phạm vi quốc gia, hoặc ra ngoài biên giới, kể cả có bị ép buộc hay không, cho mục đích bóc lột trẻ.*”¹

Việc chưa đưa vào yếu tố mục đích của hành vi mua bán người, cũng như chỉ tập trung vào yếu tố “mua và bán” là rào cản trong việc báo cáo các vụ việc mua bán trẻ em tại Việt Nam.

Luật phòng, chống mua bán người

Tại Việt Nam, các văn bản pháp luật hiện hành không sử dụng khái niệm **buôn bán người** mà sử dụng cụm từ **mua bán người**.

Luật Phòng, chống mua bán người được Quốc Hội khóa XII thông qua ngày 29-3-2011 không đưa ra khái niệm mua bán người nhưng tại Điều 2 “Giải thích từ ngữ”, Điều 3 “các hành vi bị nghiêm cấm” đưa ra “mua bán, vận chuyển, tuyển dụng... cho mục đích bóc lột tình dục, lao động cưỡng bức ...” và giải thích các hành vi đặc thù, liên quan đến trực tiếp đến tội buôn bán người.

Trước đây, theo Nghị quyết số 04/HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự 1985, thì mua bán trẻ em được hiểu là “việc mua hoặc bán trẻ em vì mục đích tư lợi, dù là mua của kẻ đã bắt trộm hay mua của chính người có con đem bán.

Thực tiễn đấu tranh, điều tra, xét xử tội phạm, thì mua bán phụ nữ, trẻ em được hiểu là việc chuyển giao phụ nữ, trẻ em từ một người hoặc một nhóm người sang một người hoặc một nhóm người khác để đổi lấy tiền hoặc lợi ích vật chất, đây có thể coi là cách hiểu chung nhất về khái niệm mua bán phụ nữ, trẻ em ở Việt Nam. Hiện nay, theo trình tự truy tố hiện hành, Công an (CA) và cơ quan truy tố thường căn cứ vào Bộ Luật hình sự. Vì vậy, để Luật Phòng, chống mua bán người được đưa vào thực thi, cần phải có sự hướng dẫn và phối hợp hiệu quả.

Đồng thời, theo Pháp luật Việt nam thì trẻ em là người dưới 16 tuổi, trong khi theo Nghị định thư thì trẻ em là người dưới 18 tuổi.

Mua bán trẻ em để làm con nuôi

Mua bán trẻ em để làm con nuôi không được đề cập trong Nghị định thư Palermo, định nghĩa này cũng không được hình thành một cách rõ ràng trong văn bản hoặc các điều luật quốc gia (Surtees, 2008: 102). Theo nhận xét của Smolin, văn bản quốc tế đầu tiên công nhận trực tiếp việc nhận con nuôi xuyên quốc gia là một hành vi buôn bán người là Nghị định thư bổ sung - (OP)-CRC. Nghị định thư bổ sung định nghĩa việc “bán trẻ em” là “một hành vi hoặc sự trao đổi trong đó trẻ em bị một người hoặc một nhóm người vận chuyển cho một người khác nhằm có được tiền hoặc các hình thức khác” ... Mặc dù không có định nghĩa riêng về “buôn bán trẻ em”, khái niệm này có khả năng bao gồm bất cứ hình thức bán trái phép trẻ em, đặc biệt khi trẻ bị di chuyển về địa lý (2004). Như vậy, theo luật quốc tế, việc nhận con nuôi xuyên quốc gia cấu thành tội mua bán trẻ em trái phép và buôn bán trẻ em khi

Nghiên cứu về mua bán trẻ em trai tại Việt Nam

có đối tượng trung gian dụ dỗ lừa gạt để có được sự đồng ý giao nhận con nuôi, vi phạm những tiêu chuẩn của Công ước Hague, và khi trẻ bị chuyển giao vì mục đích kiếm tiền (Smolin, 2004). Rõ ràng hành vi cho nhận con nuôi, bất kể hợp pháp hay trái phép, đều là buôn bán trẻ em khi có đối tượng có được lợi nhuận từ hành vi đó. Vì vậy, trong trường hợp bắt cóc hoặc mua trẻ em từ cha mẹ và bán cho người khác nhằm mục đích kiếm lời, hành vi cho nhận con nuôi được coi là buôn bán trẻ em.

Các chính sách hồi hương và tái hòa nhập

Quyết định số 17/2007/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 29 tháng 1 năm 2007, (sau đây gọi tắt là Quyết định 17) qui định rằng việc tiếp nhận và hỗ trợ phụ nữ và trẻ em bị mua bán từ nước ngoài trở về bao gồm:

Hỗ trợ về tâm lý – xã hội cho nạn nhân bị mua bán trở về, bao gồm tư vấn cho những đối tượng trở về để giúp họ ổn định tâm lý ngay khi trở về và trong suốt thời gian họ tái hòa nhập với cộng đồng.

Trợ giúp pháp lý: Những nạn nhân trở về được hỗ trợ để được đăng ký thường trú và hộ khẩu, giấy chứng minh thư, và giấy khai sinh cho con.

Hỗ trợ giáo dục và dạy nghề: Hỗ trợ về giáo dục, dạy nghề và hỗ trợ về kinh tế cho nạn nhân trở về được nêu rõ trong Phụ lục 2.

Theo Quyết định 19 do Thủ tướng Chính phủ ban hành năm 2004,² nếu trẻ em (được quy định là người dưới 16 tuổi) là đối tượng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm hại tình dục và trẻ em tham gia vào các công việc nặng nhọc và nguy hiểm, thì những trẻ em này sẽ được hưởng chế độ hỗ trợ từ Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTB&XH) trong việc trở về và tái hòa nhập cộng đồng.

Theo quyết định 17, Các trung tâm bảo trợ xã hội được thành lập dưới sự bảo trợ của Bộ LĐTB&XH thường tiếp nhận và hỗ trợ chăm sóc ban đầu cho những nạn nhân bị mua bán từ nước ngoài trở về. Những trung tâm tiếp nhận ở cửa khẩu của lực lượng biên phòng cũng hỗ trợ chỗ ăn ở tạm thời cho nạn nhân sau khi được giải cứu. Theo Văn phòng Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc (UNODC), có hơn 100 Trung tâm Bảo trợ Xã hội ở Việt Nam, nhưng chỉ một số ít trung tâm ở các vùng biên giới là có chỗ cho nạn nhân bị mua bán nói chung (UNODC, 2009).³

Yếu tố “nước ngoài” trong việc xác định nạn nhân:

Theo những hướng dẫn về thủ tục xác định và tiếp nhận nạn nhân là phụ nữ và trẻ em bị mua bán từ nước ngoài trở về, chỉ những trường hợp có yếu tố vận chuyển qua biên giới mới được coi là trường hợp mua bán người (kèm theo Thông tư liên tịch số 3/2008 do Bộ Công An, Bộ Quốc Phòng, Bộ Ngoại giao và Bộ LĐTB&XH ban hành ngày 8 tháng 5 năm 2008). Hiện không có hướng dẫn hay quy định nào về các chính sách tiếp nhận và hỗ trợ cho nạn nhân bị mua bán trong nước hoặc nạn nhân bị lừa bán qua biên giới nhưng được giải cứu khi vẫn còn ở lãnh thổ Việt Nam. Việc này hạn chế nạn nhân bị mua bán trong việc nhận được hỗ trợ và giúp đỡ trong việc tái hòa nhập với cộng đồng.

II. PHẠM VI VÀ MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

2.1: Phạm vi nghiên cứu

Trong khuôn khổ Chương trình chung 3 năm về Bình đẳng giới, mười hai cơ quan và chương trình Liên hợp quốc⁴ là đối tác của Chính phủ Việt Nam đã hỗ trợ kỹ thuật mang tính đa ngành, liên kết và chiến lược nhằm xây dựng năng lực cho những chủ thể chịu trách nhiệm giúp họ có thể thực hiện, giám sát, đánh giá và báo cáo tốt hơn về Luật Bình đẳng giới và Luật phòng chống Bạo lực gia đình giai đoạn 2009-2011.

Đầu ra số 3.3 của Chương trình này thuộc lĩnh vực “Thu thập dữ liệu và thông tin để tăng cường đối thoại cấp quốc gia về bình đẳng giới cho những nhóm dễ bị tổn thương”. Tổng cục Thống kê (TCTK) và IOM,⁵ đã góp phần đạt được đầu ra này bằng việc đánh giá tình

hình mua bán trẻ em trai để nâng cao nhận thức, khắc phục những hạn chế của nghiên cứu, và vận động cải thiện chính sách về phòng chống mua bán người.

Nghiên cứu này nhằm mục đích thu thập những thông tin ban đầu về tình hình trẻ em trai bị mua bán cho những mục đích khác nhau. Như đã đề ra trước đó, những nghiên cứu, bằng chứng và tài liệu truyền thông đã nhận định rằng trẻ em trai bị mua bán trong phạm vi Việt Nam hoặc từ Việt Nam sang các nước khác vì mục đích bóc lột tình dục, cho nhận con nuôi cũng như cưỡng bức lao động, ví dụ như làm việc tại lò gạch. Bằng cách tổng hợp những bằng chứng ấy, nghiên cứu này nhằm điều tra tình hình mua bán trẻ em trai cũng như tìm hiểu nguyên nhân vì sao tình trạng này được nhìn nhận và xem xét khác so với mua bán trẻ em gái.

2.2: Mục tiêu và mục đích nghiên cứu

Mục tiêu của nghiên cứu là nhằm góp phần vào mục tiêu lớn hơn, đó là đảm bảo tình trạng và nguy cơ của trẻ em trai bị mua bán được thừa nhận và đáp ứng một cách tương xứng trong các khung pháp lý, chính sách và thể chế liên quan đến mua bán người của Việt Nam và Chương trình hành động quốc gia.

Nghiên cứu nhằm đạt được những mục đích sau đây:

- Đánh giá nhận thức của chính quyền địa phương về vấn đề mua bán và bóc lột trẻ em trai;
- Đánh giá nhận thức của cộng đồng về vấn đề mua bán và bóc lột trẻ em trai;
- Xác định hình thức mua bán và bóc lột trẻ em trai bao gồm các cách thức ở đó trẻ được tuyển dụng hoặc bị ép buộc vào tình thế bị mua bán và bóc lột;
- Xác định các yếu tố gia tăng nguy cơ bị mua bán và bóc lột (đặc biệt là quan niệm về giới);
- Xác định các loại hình mua bán trẻ em trai;
- Ghi chép lại trải nghiệm bị mua bán, bóc lột, quá trình hồi hương, phục hồi và tái hòa nhập.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1: Các định nghĩa

Trẻ em:

Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em (CRC) định nghĩa trẻ em là những người dưới 18 tuổi trừ khi luật pháp của quốc gia qui định khác. Ở Việt Nam, Điều 1 trong Luật chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em Việt Nam quy định trẻ em là những công dân Việt Nam dưới 16 tuổi. Để phục vụ cho mục đích nghiên cứu, chúng tôi sử dụng định nghĩa trong CRC để phù hợp với Nghị định thư của Liên hợp quốc.⁶ Đối tượng phỏng vấn được lựa chọn là những người đã từng hoặc đang là nạn nhân bị mua bán tính theo tuổi của họ tại thời điểm bị mua bán (lúc đó dưới 18 tuổi).

Buôn bán người và buôn bán trẻ em:

Định nghĩa buôn bán trẻ em sử dụng trong báo cáo này dựa theo Nghị định thư về phòng ngừa, trấn áp và trừng trị hành vi mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em năm 2000 (Nghị định thư Palermo)⁷ trong đó quy định:

(a) *Buôn bán người gồm các hành vi **tuyển dụng, vận chuyển, chuyển giao, chứa chấp, hoặc tiếp nhận người bằng cách đe dọa, sử dụng vũ lực** hoặc các hình thức ép buộc như bắt cóc, lừa gạt, man trá lạm dụng quyền lực hoặc hoàn cảnh dễ bị tổn thương, đưa hay nhận tiền hoặc các lợi ích khác để đạt được sự đồng ý của một người để kiểm soát, quản lý một người khác nhằm mục đích bóc lột. **Bóc lột** có thể bao gồm việc bóc lột mại dâm người khác hoặc các hình thức bóc lột tình dục khác,*

lao động hoặc dịch vụ cưỡng bức, nô lệ hoặc các công việc tương tự như nô lệ, hay lấy đi các bộ phận của cơ thể.

(b) Sự đồng ý của nạn nhân của buôn bán người với sự bóc lột được ghi trong đoạn (a) của điều này sẽ không có ý nghĩa nếu như một trong các thủ đoạn được ghi trong đoạn (a) của điều này được sử dụng (c) **Tuyển dụng, vận chuyển, chuyển đổi, xuất cảng hoặc tiếp nhận trẻ vì mục đích bóc lột sẽ được coi là “ bán người” thậm chí cả khi không sử dụng bất cứ thủ đoạn nào được ghi trong đoạn (a) của điều này.**

(d) **“trẻ em” được hiểu là bất cứ ai dưới 18 tuổi.**

Theo Nghị định thư Palermo, một **trẻ em bị mua bán nếu trẻ đó được di chuyển trong phạm vi quốc gia hoặc qua biên giới, bất kể có sử dụng vũ lực hay không, cho mục đích bóc lột.**⁸

BẢNG 1: TÓM TẮT ĐỊNH NGHĨA BUÔN BÁN NGƯỜI

Hành vi	Thủ đoạn	Mục đích
Thực hiện một trong số các hành vi sau đây: - Tuyển dụng - Vận chuyển - Chuyển giao - Che giấu - Tiếp nhận một người	- Đe dọa - Sử dụng vũ lực - Ép buộc - Bắt cóc - Lừa đảo - Man trá - Lạm dụng quyền lực - Đưa hay nhận tiền hoặc các lợi ích khác...	Các hình thức bóc lột gồm: - Lao động hoặc dịch vụ cưỡng bức - Lấy đi các bộ phận của cơ thể - Các hình thức bóc lột tình dục khác
	+	=
		BUÔN BÁN NGƯỜI
Thực hiện một trong số các hành vi sau đây: - Tuyển dụng - Vận chuyển - Chuyển giao - Che giấu - Tiếp nhận một người		Các hình thức bóc lột gồm: - Lao động hoặc dịch vụ cưỡng bức - Lấy đi các bộ phận của cơ thể - Các hình thức bóc lột tình dục khác
	+	=
		BUÔN BÁN TRẺ EM

Nghị định thư Palermo cũng lưu ý tính đến các hình thức bóc lột khác như bóc lột lao động hoặc lao động trẻ em.

Lao động trẻ em:

Trong nghiên cứu này, lao động trẻ em bao gồm tất cả các loại hình công việc bóc lột trẻ em. Nó được hiểu là tình trạng trẻ em tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào những công việc nặng nhọc, độc hại và nguy hiểm, có nguy cơ gây tổn hại cho sự phát triển về thể chất, tinh thần, đạo đức và xã hội của trẻ; hoặc trẻ phải lao động quá sớm (dưới 16 tuổi),⁹ trước độ tuổi thơ, cơ hội và thời gian cần thiết cho học tập và vui chơi giải trí của các em.¹⁰ Thông tin chi tiết về định nghĩa bóc lột sức lao động trẻ em được ghi rõ trong Phụ lục 3.

Di cư và di cư an toàn

Theo định nghĩa của Tổ chức IOM khái niệm di cư và di cư an toàn được hiểu là:

Di cư: là các trường hợp con người tự chọn lựa di cư nhằm có được cuộc sống thuận tiện hơn. Di cư có thể là di chuyển sang một nước khác hoặc sang một vùng khác để nhằm cải thiện cuộc sống vật chất hay xã hội của cá nhân và gia đình họ.¹¹ **Di cư an toàn** được hiểu là một quá trình và kết quả của cuộc di chuyển nội địa hay ra nước ngoài dựa trên quyết định đã được thông tin đầy đủ và vì thế mà giảm các nguy cơ và bị bóc lột.

DI CƯ AN TOÀN ¹²		
<i>Trước khi di cư</i>	<i>Trong quá trình di cư:</i>	<i>Nơi đến:</i>
- Có kế hoạch và chuẩn bị trước	- Luôn mang giấy tờ tùy thân bên mình	- Thông báo địa điểm nơi ở cho người thân gia đình;
- Có đầy đủ các thông tin chính xác về điểm đến	- Cảnh giác với những lời hứa hẹn	- Đăng kí tạm trú;
- Hiểu được các thông tin cần thiết như luật lao động, hợp đồng lao động, các quyền lợi và nghĩa vụ cũng như các kĩ năng cần thiết của họ tại nơi đến	- Không mang theo nhiều tiền tránh cướp giật, lừa gạt	- Thảo luận và thống nhất về hợp đồng và điều kiện lao động để ký kết hợp đồng.
- Nhận thức đầy đủ được các yếu tố có thể có nguy cơ cho họ tại điểm trung chuyển cũng như điểm đến và cách tìm kiếm sự giúp đỡ nếu cần thiết.	- Mang trong mình địa chỉ hỗ trợ tin cậy	

3.2: Địa bàn nghiên cứu

Nghiên cứu thực địa được tiến hành ở các tỉnh, thành phố có nhiều trường hợp mua bán người và/hoặc bóc lột, ví dụ điểm đến của những người đi làm ăn xa và nạn nhân bị mua bán, những tỉnh trọng điểm là điểm đi của những người đi làm ăn xa, và các tỉnh biên giới có số lượng lớn người bị mua bán trở về.

12 tỉnh thành phố tiến hành nghiên cứu này gồm:

- Điểm đến: Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh;
- Điểm đi: Bắc Giang, Thanh Hóa, Nghệ An, Huế và Cần Thơ;
- Các tỉnh biên giới có báo cáo của trung chuyển ra nước ngoài và hồi hương của mua bán trẻ em trai: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Lào Cai, Hà Giang và An Giang.

3.3: Đối tượng nghiên cứu

Do nhận thức về tình hình mua bán trẻ em trai còn hạn chế, nghiên cứu này có tính chất thăm dò đề tài này cũng như để tìm hiểu rõ hơn tại sao mua bán trẻ em trai có thể được đánh giá hay xử lý khác so với mua bán trẻ em gái. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện với nhiều nhóm đối tượng từ cấp Trung ương tới địa phương, bao gồm cán bộ ban ngành Nhà nước, cơ quan phi chính phủ và tổ chức quốc tế, người dân cộng đồng cũng như các em trai là nạn nhân, để có cái nhìn sâu sắc hơn về tình hình thực tế và đánh giá nhận thức về tình hình mua bán trẻ em trai.

Đối tượng thu thập thông tin chung và đánh giá nhận thức ở cấp Trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện:

- Đại diện cơ quan Công an, Biên phòng, Hội Phụ nữ, Bộ LĐTBXH, Bộ Tư pháp;

- Cán bộ các tổ chức phi chính phủ quốc tế và Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực phòng chống mua bán người;
- Cán bộ xã hội. Cán bộ các trung tâm bảo trợ xã hội, các Trung tâm tiếp nhận và đánh giá nạn nhân, Nhà tạm lánh và các trung tâm/tổ chức Bảo vệ trẻ em.

Đối tượng đánh giá nhận thức cấp xã:

- Người dân cộng đồng và những trẻ em trai di cư;
- Cán bộ chính quyền xã và thành viên của các tổ chức đoàn thể, Công an, cán bộ LĐTBXH, cán bộ tư pháp, cán bộ Giáo dục và đào tạo, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên;
- Cán bộ xã hội, thành viên và cán bộ của các tổ chức bảo vệ và chăm sóc trẻ em.

Đối tượng đánh giá về hoàn cảnh và trải nghiệm của trẻ bị mua bán và bóc lột:

- Nạn nhân nam là trẻ em tại thời điểm bị mua bán và/hoặc bóc lột (dưới 18 tuổi);
- Anh chị em, cha mẹ hoặc họ hàng của những em trai bị mua bán - những người hiểu rõ về trải nghiệm của các em;
- Cán bộ chính quyền và người dân địa phương - những người biết rõ về từng trường hợp cụ thể mà trẻ em trai bị mua bán và/hoặc bóc lột.

3.4: Nhóm nghiên cứu

Nghiên cứu do nhóm chuyên gia nghiên cứu Việt Nam thuộc Công ty Cổ phần Tư vấn phát triển sức khỏe cộng đồng (CHDC, JSC) thực hiện, là những người có hiểu biết sâu sắc về tình hình mua bán người nói chung và mua bán trẻ em và mua bán trẻ em trai nói riêng (Có thể xem Phụ lục 4 để biết thêm chi tiết). Thành viên nhóm nghiên cứu có kỹ năng phỏng vấn, hiểu rõ về nguyên tắc bảo vệ nạn nhân và nguyên tắc đạo đức khi làm việc với trẻ em. Ba cán bộ của tổ chức IOM, hai chuyên viên cao cấp và lãnh đạo Vụ Thống kê xã hội và môi trường thuộc Tổng Cục thống kê có trách nhiệm hỗ trợ kỹ thuật và hậu cần cho nhóm nghiên cứu để thực hiện nghiên cứu này. Một chuyên gia tư vấn quốc tế đã hỗ trợ kỹ thuật cho nhóm nghiên cứu trong việc xây dựng đề cương và phân tích các phát hiện và góp ý dự thảo báo cáo. Công tác thu thập thông tin được thực hiện từ tháng 10 năm 2010 đến tháng 1 năm 2011.

3.5: Phương pháp thu thập thông tin

Để thực hiện nghiên cứu này, nhiều phương pháp đã được sử dụng như rà soát các tài liệu, thảo luận nhóm tập trung (TLN) và phỏng vấn sâu (PVS).

Chúng tôi sử dụng các phương pháp lựa chọn đối tượng nghiên cứu, theo hướng: thuận tiện, chủ ý và hòng tuyệt lẩn, phụ thuộc vào từng nhóm đối tượng:

- Phương pháp thuận tiện và chủ ý được sử dụng để lựa chọn các thành viên từ cộng đồng như bạn bè, người hỗ trợ, bố mẹ của nạn nhân, thành viên cộng đồng và chính quyền địa phương cũng như các cán bộ chính phủ. Hai phương pháp này cho phép nhóm nghiên cứu lựa chọn đối tượng cung cấp thông tin có quan hệ gần gũi với nạn nhân là trẻ em trai nhất, biết và hiểu những vấn đề và hoàn cảnh của các em, có thể giúp nhóm nghiên cứu liên hệ và phỏng vấn nạn nhân.
- Phương pháp hòng tuyệt lẩn (từ đối tượng này có thể tìm thêm đối tượng khác) được sử dụng để tìm nạn nhân sao cho có được số lượng lớn nhất nạn nhân là trẻ em trai.

Trong vòng thu thập số liệu đầu tiên tại thực địa, nhóm nghiên cứu phối hợp với IOM và Tổng cục thống kê đã lựa chọn, liên hệ và tiến hành các cuộc PVS và TLN với các cơ quan liên quan chính và những người cung cấp thông tin, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức tại địa phương, cán bộ xã hội và những người đang hỗ trợ nạn nhân bị mua bán, bóc lột tình dục và lạm dụng trẻ em ở mỗi địa bàn nghiên cứu cũng để qua đó nhóm nghiên cứu có thể tìm hiểu và liên hệ với các nạn nhân.

Tất cả các đối tượng tiềm năng được xác định trong vòng đầu tiên đã được xem xét kỹ càng để đưa vào nghiên cứu vòng hai, tuy nhiên chỉ những cá nhân có thể cung cấp thêm thông

tin được lựa chọn. Nhóm nghiên cứu cũng phỏng vấn gia đình và bạn bè của nạn nhân để tiếp cận các em. Ngay sau khi nạn nhân đã được xác định và đồng ý phỏng vấn, phương pháp chọn mẫu hoàn toàn ngẫu nhiên được sử dụng để xác định nạn nhân tiếp theo.

Tiêu chí lựa chọn đối tượng nghiên cứu

Nạn nhân là trẻ em trai bị mua bán được lựa chọn dựa vào các tiêu chí sau đây:

- Theo định nghĩa mua bán trẻ em;
- **Là trẻ em trai dưới 18 tuổi** tại thời điểm bị mua bán; và **trẻ em trai từ 10 đến 25 tuổi tại thời điểm phỏng vấn.**¹³

Xin xem thông tin chi tiết về tiêu chí lựa chọn ở Phụ lục 5. Trong nghiên cứu này, chúng tôi đã phỏng vấn 82 trẻ em trai là nạn nhân. Những trường hợp được lựa chọn đại diện cho các hình thức mua bán và bóc lột khác nhau. 70 trả lời phỏng vấn, bao gồm cha mẹ, họ hàng, thầy cô giáo và bạn bè của nạn nhân, nhằm có được bức tranh tổng thể và tìm hiểu sâu về từng trường hợp cụ thể.

Tổng hợp dữ liệu

Một số trường hợp đã được phỏng vấn nhưng không được đưa vào báo cáo này vì những lý do sau đây:

- Các em ở độ tuổi trên 18 tại thời điểm bị mua bán, các trường hợp thông tin cung cấp chưa đủ, hoặc các trường hợp chưa được coi là mua bán người (như nhận con nuôi hợp pháp).

Hai mươi hai cuộc TLN và 214 PVS được thực hiện với các đối tượng nghiên cứu khác nhau, bao gồm người dân cộng đồng, trẻ em di cư, lãnh đạo và thành viên của Chương trình Phòng chống mua bán người ở cấp xã và cấp tỉnh, Ủy ban Nhân dân (UBND), Sở Công An, Sở LĐTBXH, Sở Giáo Dục, Hội Phụ Nữ, Đoàn Thanh niên và cán bộ của các tổ chức xã hội và Trung tâm Bảo trợ xã hội, các trung tâm tiếp nhận và đánh giá nạn nhân cũng như cán bộ các tổ chức phi chính phủ và Liên Hợp Quốc (LHQ) ở cấp Trung ương.

Bảng 2 dưới đây là tổng hợp những phương pháp nghiên cứu với các nhóm đối tượng đích ở các cấp khác nhau.

BẢNG 2: TỔNG HỢP PVS VÀ TLN Ở CÁC ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

Tổng hợp PVS và TLN ở các địa bàn nghiên cứu					
Cấp	PVS		TLN		
	Cơ quan/tổ chức	Số người	Cơ quan/tổ chức	Số cuộc	Số người
Trung ương- Hà Nội	Tổ chức Quốc tế và LHQ	7		0	
	Cán bộ ban ngành Nhà nước	15		0	
	Cán bộ xã hội, trung tâm bảo trợ trẻ em...	3		0	
Tỉnh	Tổ chức Quốc tế và LHQ	8	Cán bộ ban ngành Nhà nước, gồm Bộ đội biên phòng, công an, và cán bộ xã hội	5	37
	Cán bộ ban ngành Nhà nước	28		0	
	Cán bộ xã hội, trung tâm bảo trợ trẻ em...	15		0	
Huyện	Cán bộ ban ngành Nhà nước	2	Cán bộ ban ngành Nhà nước, gồm Bộ đội biên phòng, công an, và cán bộ xã hội	3	29
Xã	Cán bộ ban ngành Nhà nước	2	Cán bộ ban ngành Nhà nước, gồm Bộ đội biên phòng, công an, và cán bộ xã hội	4	24
	Cán bộ xã hội, trung tâm bảo trợ trẻ em...	0	Cộng đồng	5	30
	Cha mẹ/ Họ hàng/ Bạn bè	52		0	
	Nạn nhân là trẻ em trai	82	Trẻ em có nguy cơ cao/ Nhóm trẻ em di cư	5	33
Tổng	Người tham gia:	214	Tổng số TLN:	22	153

3.6: Công cụ nghiên cứu

Công cụ nghiên cứu gồm:

- Hướng dẫn phỏng vấn sâu dành cho cha mẹ, họ hàng, hàng xóm/người dân cộng đồng hoặc bạn bè của trẻ em trai bị mua bán;
- Hướng dẫn phỏng vấn sâu dành cho cán bộ ban ngành Nhà nước và các tổ chức phi chính phủ;
- Hướng dẫn phỏng vấn sâu dành cho cơ quan cung cấp dịch vụ hỗ trợ, các tổ chức làm về trẻ em và cán bộ xã hội;
- Hướng dẫn phỏng vấn sâu dành cho trẻ em nam là/có nguy cơ là nạn nhân bị mua bán và bóc lột;

- Hướng dẫn Thảo luận nhóm tập trung dành cho đại diện chính quyền địa phương, cơ quan đoàn thể và tổ chức phi chính phủ, v.v.;
- Hướng dẫn Thảo luận nhóm tập trung dành cho người dân cộng đồng.

Các thành viên nhóm nghiên cứu được tập huấn về đề cương và phương pháp nghiên cứu, gồm kĩ thuật phỏng vấn trẻ em trai là nạn nhân bị mua bán và nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu. Công cụ nghiên cứu được điều chỉnh ngay sau tuần làm việc đầu tiên mà nhóm thực hiện phỏng vấn với các tổ chức NGO, cán bộ ban ngành và nạn nhân. Công cụ nghiên cứu được thiết kế dưới dạng bảng hỏi/danh sách kiểm tra để người phỏng vấn có thể dễ dàng rà soát lại sau mỗi cuộc phỏng vấn, xác định các thông tin thiếu hụt cần được tiếp tục tìm hiểu thu thập thêm thông tin trong quá trình phỏng vấn.

3.7: Xử lý và phân tích dữ liệu

Sau khi người trả lời phỏng vấn đồng ý, các cuộc PVS và TLN được ghi âm và sau đó gõ bằng (nghe và đánh máy thành văn bản). Số liệu sẽ được lưu trữ dưới định dạng Microsoft Word. Thông tin của các trường hợp bị mua bán được các nghiên cứu viên sắp xếp và phân loại theo mẫu sau đó phân tích theo nhóm chủ đề. Thông tin cơ bản về nạn nhân được nhập và phân tích bằng phần mềm SPSS.

3.8: Những hạn chế

Như đã đề cập, nhận thức về tình trạng mua bán trẻ em trai tại Việt Nam còn hạn chế, đồng thời đây là nghiên cứu khoa học đầu tiên về đề tài này. Phương pháp chọn mẫu chủ ý và thuận tiện được sử dụng để xác định những đối tượng trả lời là cán bộ các cơ quan ban ngành. Việc lựa chọn mẫu này có thể bị thiên lệch do những người có hiểu biết tốt về mua bán người có xu hướng được chọn (những người đã từng tham dự các hội thảo, tập huấn gần đây) – vì vậy mẫu không đại diện cho toàn bộ các cán bộ ban ngành nói chung. Tương tự, người dân và trẻ em trai di cư được lựa chọn từ cộng đồng nơi có nhiều trường hợp bị mua bán. Do vậy, hiểu biết và nhận thức của họ về tình trạng này có thể tốt hơn so với những thành viên cộng đồng nơi không có tình trạng mua bán người. Phương pháp chọn mẫu hoàn toàn cũng được sử dụng để có được số lượng nạn nhân là trẻ em trai nhiều nhất. Tuy nhiên, phương pháp này khó áp dụng với nhóm đối tượng nạn nhân trong nghiên cứu này hơn so với các nhóm đối tượng nghiên cứu khác, vì tính mạng lưới trong nhóm đối tượng nạn nhân này khá hạn chế, đặc biệt là các em nhỏ tuổi. Chỉ có 3 trẻ em trai ở mỗi nơi, thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) và Thanh Hóa được xác định nhờ vào phương pháp này.

Có một sự khác nhau giữa định nghĩa quốc tế về mua bán trẻ em (Nghị định thư Palermo) với Bộ luật hình sự và Luật Phòng, chống mua bán người mới ban hành. Hơn nữa, thuật ngữ “trafficking in persons” trong tiếng Việt là “mua bán” nghĩa là “mua hoặc bán” – như vậy, khi dịch thuật ngữ này ra tiếng Việt thì nghĩa của nó đã khiến người ta nghĩ tới việc có hành động giao dịch trong khi nghĩa được mô tả chính xác hơn khi đề cập tới nô lệ và bóc lột người (UNODC, 2009). Chương trình buôn bán người trước đây chủ yếu tập trung vào nhóm đối tượng phụ nữ và trẻ em. Luật Việt Nam cũng quy định trẻ em là người dưới 16 tuổi. Do sự khác nhau về định nghĩa và giới hạn tuổi như vậy, nhóm nghiên cứu cũng khá khó khăn trong việc xác định nạn nhân trẻ em trai ở những nhóm đối tượng bị bóc lột với mục đích khác nhau.

Do nghiên cứu chủ yếu mang tính chất thăm dò, không có tính đại diện, nhóm nghiên cứu đã cố gắng tiếp cận tối đa các trường hợp bị bóc lột khác nhau. Vì vậy, phạm vi nghiên cứu theo kế hoạch ban đầu là 5 tỉnh đã được mở rộng thành 12 tỉnh. Tuy nhiên, dữ liệu thu thập được cũng phụ thuộc vào việc cung cấp dữ liệu hoặc nguồn dữ liệu của những cơ quan liên quan đã được phỏng vấn để xác định được số lượng nạn nhân là trẻ em trai trong thời gian ngắn. Việc này, cùng với những hạn chế về tài chính và thời gian, đã giới hạn số lượng trẻ em trai được tiếp cận và số lần phỏng vấn lần 2 các nạn nhân. Mặt khác, nhóm nghiên cứu không thể thu thập thêm thông tin của một số nạn nhân do không có thông tin liên lạc, hoặc cha mẹ không biết địa chỉ nơi trẻ đến, hoặc không thể liên lạc với trẻ bằng điện thoại di động (một số em liên tục thay đổi số điện thoại), vì vậy, một số khía cạnh của nghiên cứu chưa được phân tích sâu như dự kiến.

Nhóm nghiên cứu không có khả năng thực hiện nghiên cứu ở nước ngoài. Vì vậy, nhóm không thể tiếp tục với các trường hợp được cho là trẻ bị mua bán ra nước ngoài, như sang Trung Quốc hoặc Anh Quốc.

Một khó khăn nữa trong việc thu thập thông tin từ nạn nhân trở về tại điểm đi là một số nạn nhân lại tiếp tục đi làm ăn xa và không thể trở về đúng thời điểm thu thập thông tin tại thực địa (5 trường hợp). Vì vậy, thay vào đó, nhóm đã phỏng vấn cha mẹ các em. Tuy nhiên thông tin từ cha mẹ có thể không đầy đủ về trẻ hoặc/và họ không hiểu kĩ về tình hình của trẻ, do trẻ không chia sẻ hoặc không kể hết với cha mẹ.

Nhóm nghiên cứu cũng gặp phải một số hạn chế khi tìm hiểu các trường hợp trẻ sơ sinh được cho làm con nuôi, hay trường hợp bắt cóc, có đầy đủ yếu tố để coi là mua bán người. Với các trường hợp nhận con nuôi trẻ sơ sinh, nhóm nghiên cứu không thể phỏng vấn được cả cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi, nhóm thường không liên lạc được cha mẹ đẻ do địa chỉ được cung cấp thường là địa chỉ không chính xác, địa chỉ giả, còn cha mẹ nuôi thì không muốn liên hệ về việc nhận con nuôi nhằm bảo vệ trẻ hoặc tránh rắc rối trong trường hợp thủ tục pháp lí của họ chưa hoàn toàn hợp lệ. Bên cạnh đó, thông tin như hoàn cảnh xã hội hay kinh tế do cán bộ xã hội hoặc cơ quan công an cung cấp có thể mang tính chủ quan và chưa đầy đủ do cán bộ xã hội, công an và nhóm nghiên cứu có phương pháp thu thập dữ liệu khác nhau.

Với trường hợp các em trai bị mua bán vì mục đích bóc lột tình dục, nhóm gặp phải những khó khăn khác. Phần lớn những em là nạn nhân được phỏng vấn vẫn tiếp tục làm mại dâm. Mại dâm không được pháp luật Việt Nam cho phép nên các em thường cần trọng hơn các nhóm đối tượng khác. Thêm vào đó, nhóm nghiên cứu không muốn liên lạc với cha mẹ hoặc bạn bè để đảm bảo an toàn cũng như để tránh có thể gây kỳ thị. Do vậy, trong trường hợp phù hợp nhóm đã phỏng vấn những đồng đẳng viên để thu thập và đối chứng thông tin.

Hai trường hợp mua bán trẻ em trai và một trường hợp cho làm con nuôi đã bị loại do thông tin không đầy đủ và/hoặc không kiểm chứng được. Rất nhiều trường hợp được cho là mua bán trẻ sơ sinh sang Trung Quốc (30 trường hợp, phần lớn là trẻ em trai¹⁴) bị loại trừ khỏi dữ liệu phân tích do không có thông tin cơ bản chi tiết, không có thông tin liên quan, các trường hợp này vẫn đang trong quá trình điều tra và kẻ bị mua bán chưa bị bắt tại thời điểm nghiên cứu.

Do đây là một nghiên cứu mang tính chất thăm dò, rất nhiều trường hợp được xác định thông qua các Trung tâm tiếp nhận và đánh giá nạn nhân hoặc các Trung tâm bảo trợ xã hội hoặc Sở Lao động Thương binh và Xã hội. Vì vậy các trường hợp đã được xác định và hỗ trợ chiếm một phần đáng kể trong các trường hợp đã được nghiên cứu. Phương pháp chọn mẫu này có thể dẫn đến trong nghiên cứu này, một tỉ lệ khá lớn các nạn nhân đã từng được xác định và được nhận hỗ trợ. Có thể cho rằng nhóm nạn nhân trong nghiên cứu này chỉ đại diện một phần nhỏ và phần lớn các trường hợp khác vẫn chưa được phát hiện và hỗ trợ. Vì vậy, kết quả nghiên cứu này có thể không đại diện cho các nạn nhân chưa từng được hỗ trợ. Tuy nhiên việc đánh giá các hỗ trợ hiện thời cho nạn nhân trẻ em trai cũng rất có ích, dựa trên kinh nghiệm của các em trai đã từng được hưởng các hỗ trợ này. Thêm vào nữa, nhóm nghiên cứu chỉ tiếp cận được một dự án duy nhất chỉ hỗ trợ cho các trường hợp trẻ em trai bị mua bán trong nước.

3.9: Đạo đức nghiên cứu

Mỗi đối tượng tham gia phỏng vấn đều được phát tài liệu tóm tắt về dự án nghiên cứu này. Trong tài liệu có thông tin liên hệ của cán bộ tổ chức IOM để người được phỏng vấn có thể liên hệ khi muốn được giải thích thêm hoặc có ý kiến về các nguyên tắc của nghiên cứu, cũng như hỏi thêm thông tin. Các điều kiện cũng được nêu rõ trong bản tóm tắt này, đó là: đảm bảo dữ liệu được giấu tên và bảo mật, có thể dừng cuộc phỏng vấn bất kì lúc nào nếu cần thiết, có thể không cần trả lời bất cứ câu hỏi nào nếu không muốn. Luôn phải có sự đồng thuận của nạn nhân là trẻ em trai tham gia vào nghiên cứu trước khi phỏng vấn và ghi âm lại trong quá trình phỏng vấn. Trong tất cả các cuộc phỏng vấn, trẻ luôn được khuyến khích đặt câu hỏi để có thể được giải thích thêm và có thể dừng cuộc phỏng vấn bất cứ khi nào trẻ cảm thấy không thoải mái hoặc ngần ngại tiếp tục.

Trẻ dưới 16 tuổi chưa có đủ năng lực cho sự đồng ý, bố mẹ và người giám hộ phải thay trẻ đồng ý trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích tốt nhất cho trẻ. Trong các trường hợp trẻ sống với nhau, hoặc vị thành niên hoặc trẻ đóng vai trò như người chủ trong gia đình, hoặc trường hợp trẻ không ở cùng người thân hoặc sống cô đơn thì trẻ sẽ là người đứng ra đồng ý. Chúng tôi luôn xem xét tuổi của trẻ, năng lực về tinh thần và thể chất, sang chấn và nguy hiểm về thể chất và tinh thần có thể xảy đến với trẻ. Nhóm nghiên cứu cũng đã liên hệ với một cán bộ xã hội hoặc một tổ chức làm về trẻ em để sẵn sàng hỗ trợ cũng như tư vấn kịp thời nếu trẻ cảm thấy căng thẳng, quá xúc động hoặc cần trợ giúp trong quá trình phỏng vấn.

Nhóm nghiên cứu đảm bảo nguyên tắc không gây hại tổn hại cho nhóm đối tượng, đảm bảo an toàn và an ninh cũng như bảo mật thông tin và giữ bí mật danh tính cho những người tham gia nghiên cứu. Khi phỏng vấn bạn bè và cha mẹ của nạn nhân, tính bảo mật luôn được đảm bảo. Hơn nữa, quá trình nghiên cứu luôn được kiểm soát để tránh các cuộc phỏng vấn đưa ra các câu hỏi liên quan tới mục đích xâm hại và bóc lột vì những câu hỏi như vậy có thể gây ra nguy cơ trẻ bị kì thị hay phân biệt đối xử. Các cuộc phỏng vấn đều được thực hiện với nguyên tắc đảm bảo tôn trọng nhân phẩm và năng lực cũng như bí mật riêng tư của người được phỏng vấn. Tên và thông tin cá nhân của người được phỏng vấn được bảo mật: phần ghi âm các cuộc phỏng vấn được mã hóa và thông tin nhân thân của họ được lưu trữ độc lập.

Bạn bè, cha mẹ và những người có quan hệ gần gũi với các em là một nguồn cung cấp thông tin quý báu, chúng tôi luôn đảm bảo tính bảo mật khi tiếp cận với các đối tượng này.

Tên của các cơ quan và cán bộ cung cấp dịch vụ tham gia vào nghiên cứu được giữ bí mật. Thông tin cá nhân như tên, tuổi, nơi ở đều được xóa bỏ.

IV. HIỂU BIẾT VỀ MUA BÁN TRẺ EM TRAI CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VÀ CỘNG ĐỒNG

4.1: Tình trạng mua bán trẻ em trai

Ở Việt Nam, hầu hết các trường hợp mua bán người được xác định và hỗ trợ đều liên quan tới phụ nữ và trẻ em gái. Như đã mô tả trong phần giới thiệu ở trên, trong những năm gần đây, các báo cáo và bằng chứng không chính thức cho thấy sự gia tăng của nạn mua bán người ở nam giới, đặc biệt là trẻ em trai bị mua bán trong nước và ra nước ngoài vì mục đích bóc lột tình dục và lao động. Tuy nhiên, chưa có báo cáo nào của Nhà nước công bố chính thức số liệu về mua bán trẻ em trai.

Theo kết quả thảo luận nhóm tập trung và phỏng vấn sâu với cán bộ các ban ngành đoàn thể, hiểu biết về mua bán người hiện nay thường chỉ dừng lại ở các vụ mua bán phụ nữ và trẻ em gái. Những người được hỏi đều cho rằng mua bán trẻ em trai hiếm và không phổ biến bằng mua bán phụ nữ và trẻ em gái vì thường mục đích mua bán trẻ em trai ít được biết đến. Trong hệ thống báo cáo và số liệu hiện nay, số lượng phụ nữ và trẻ em bị mua bán (trẻ em gái và trẻ em trai được nhóm lại cùng nhau) được cấu thành cụm từ chung là “phụ nữ và trẻ em”. Hầu hết lãnh đạo và cán bộ chính quyền địa phương khi được hỏi đều cho biết không có trường hợp trẻ em trai nào bị mua bán và cũng không có số liệu thống kê các vụ mua bán trẻ em trai tại địa phương.

“Ở Việt Nam cũng có những trường hợp mua bán, bóc lột trẻ em trai nhưng không nhiều, căn cứ trên những số liệu thống kê được báo cáo thì mức độ xảy ra không phổ biến, không thường xuyên như phụ nữ và trẻ em”

(PVS, nam, cán bộ biên phòng tỉnh Hà Giang)

Điều này phù hợp với các dữ liệu quốc gia từ các chương trình 130/CP, trong đó hầu hết các trường hợp mua bán báo cáo là phụ nữ và trẻ em gái.

Theo một số tài liệu về mua bán trẻ em trai tại các địa phương được khảo sát, mua bán trẻ em trai trở thành một vấn đề ngày càng được công nhận trong những năm gần đây tại các địa bàn nghiên cứu. Tại tỉnh Lào Cai (tỉnh biên giới), năm (5) trường hợp mua bán các bé trai

và nam thanh niên sang Trung Quốc đã chính thức được phát hiện.¹⁵ Tại tỉnh Thừa Thiên Huế, 25 nạn nhân trẻ em trai bị mua bán nhằm mục đích bóc lột lao động được giải cứu và báo cáo.¹⁶ Chín (9) trẻ em trai nạn nhân bị mua bán để khai thác lao động từ Nghệ An (6 trường hợp), Bắc Giang (1 trường hợp) và Vũng Tàu (1 trường hợp) đã được cứu và hỗ trợ.¹⁷ Ngoài ra, 16 trẻ em trai nạn nhân đến từ một huyện của tỉnh Thanh Hóa bị bán để đi ăn xin đã được công an phát hiện và giải cứu tại thành phố Hồ Chí Minh.

Theo các dữ liệu không chính thức do công an thành phố Hà Nội cung cấp, có 30 trường hợp trẻ em bị mua bán sang Trung Quốc năm 2008, nạn nhân chủ yếu là trẻ em trai. Trong năm 2010, có 10 ca nạn nhân bị mua bán là trẻ em trai sơ sinh bị bán làm con nuôi bất hợp pháp trong nước và ra nước ngoài.¹⁸ Tại tỉnh Hà Giang (tỉnh biên giới), trẻ em trai, từ 6 tháng tuổi tới 7 tuổi, bị bắt cóc bán sang Trung Quốc. Theo báo cáo, từ năm 2008 đến năm 2010, tổng số 52 trường hợp mua bán trẻ em trai và nam thanh niên đã được giải cứu tại tỉnh Hà Giang.¹⁹ Số trường hợp được báo cáo chỉ phản ánh một số ít trường hợp đã xảy ra trên địa bàn nghiên cứu và các tỉnh khác trên cả nước. Do thiếu báo cáo chính thức về các trường hợp mua bán trẻ em trai, hiểu biết của cả chính quyền địa phương và các thành viên cộng đồng phân tích trong các phần dưới đây là hạn chế.

4.2 Hiểu biết của chính quyền địa phương

Hiểu biết về định nghĩa mua bán người (Nghị định thư Palermo)

Hầu hết các cán bộ được phỏng vấn đều làm việc cho các tổ chức phi Chính phủ hoặc cán bộ các ban ngành cấp Trung ương và cấp tỉnh đã có tham dự các hội thảo quốc tế về phòng, chống mua bán người cấp Trung ương, chính vì vậy họ đều biết Nghị định thư Palermo. Tuy nhiên, do phần lớn cán bộ được cử trả lời phỏng vấn là những người đã được tập huấn nên kết quả này không có tính đại diện cho các cán bộ Nhà nước nói chung cũng như không đại diện cho cán bộ Nhà nước làm việc trong lĩnh vực phòng chống mua bán người.

Cán bộ Nhà nước ở cấp cơ sở không biết về nghị định thư Palermo. Khi nhóm nghiên cứu mô tả nghị định này, một số cán bộ được hỏi cho biết định nghĩa mua bán người được đưa vào “những hành vi bị nghiêm cấm” trong Luật chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em.²⁰ Các cán bộ này thiếu hiểu biết về nghị định thư Palermo là do Bộ Luật hình sự và Luật phòng, chống mua bán người mới ban hành chưa đề cập tới định nghĩa này.

Hiểu biết về mua bán người

Hầu hết các cán bộ làm việc trong lĩnh vực phòng, chống mua bán người hoặc bảo vệ trẻ em cấp tỉnh, huyện và xã được hỏi đều cho thấy họ có hiểu biết nhất định về mua bán người như được mô tả trong Điều 119 và Điều 120 của Bộ luật hình sự và áp dụng các định nghĩa này để xác định nạn nhân bị mua bán. Một số cán bộ cấp tỉnh được phỏng vấn cũng đề cập định nghĩa mua bán người nêu trong Luật phòng, chống mua bán người mới phê duyệt,²¹ rằng: *“Mua bán người liên quan tới: Mua và bán theo các điều khoản được nêu rõ trong Điều 119 và Điều 120 của Bộ luật hình sự; vận chuyển hoặc tiếp nhận một người vì mục đích bóc lột tình dục, lao động cưỡng bức, lấy bộ phận cơ thể hoặc vì các mục đích vô nhân đạo khác, v.v..”* Theo các đối tượng phỏng vấn, các khái niệm trong nước và quốc tế, việc xác định hành vi mua bán người bao gồm ba yếu tố: **phương thức, thủ đoạn và mục đích**.

“Mua bán người là tất cả những hình thức như là vận chuyển, chứa chấp, chuyển giao hay là tuyển mộ từ nơi này tới nơi khác qua các phương thức như là ép buộc, lừa gạt, dụ dỗ. Tất cả những hình thức đó nhằm mục đích bóc lột, trong đó có thể là bóc lột về tài chính, bóc lột về tình dục, bóc lột về sức lao động thì được coi là hành vi mua bán người”

(PVS, nữ, cán bộ tổ chức phi Chính phủ)

Cán bộ các tổ chức phi Chính phủ quốc tế và trong nước được hỏi công nhận có hiện tượng mua bán người nội địa, trong khi đó chỉ có một số cán bộ Nhà nước cấp Trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện nói rằng mua bán người không chỉ là mua bán qua biên giới mà còn bao gồm cả mua bán trong nước (mua bán người nội địa).

“Hệ thống văn bản pháp luật hiện nay (Luật hình sự và kế hoạch hành động quốc gia trước đây) mới chỉ đề cập tới vấn đề là mua bán từ nước ngoài trở về chứ chưa đề cập tới mua bán trong nước. Trên thực tế đấu tranh thì có tình trạng mua bán người trong nước với mục đích

bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động ở các chỗ khai thác vàng, đá quý, quặng ở Quảng Nam, Thái Nguyên và Nghệ An. Tại đây họ bị bóc lột sức lao động như vậy được coi là mua bán trong nội địa rồi còn gì.”

(PVS, nam, cán bộ ban ngành cấp Trung ương)

Mua bán người nội địa không được nêu rõ trong các văn bản pháp lý hiện hành, nhưng mới được phản ánh lần đầu tiên trong Chương trình hành động phòng, chống tội phạm mua bán người quốc gia giai đoạn 2011-2015, được Chính phủ phê duyệt tháng 8/2011. Thay đổi này dẫn tới một số khó khăn, thách thức trong việc xác định và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán cũng như xác định các tội danh hình sự liên quan. Chính vì vậy, phần lớn trường hợp mua bán người trong nước với mục đích bóc lột sức lao động đều không được coi là tội danh hình sự mà chỉ bị xử lý vi phạm hành chính. Các cán bộ tại các địa bàn nghiên cứu có xảy ra mua bán nội địa đều không coi đó là mua bán trong nước vì mục đích bóc lột lao động. Theo họ, các trường hợp này là: *“Sử dụng lao động quá thời gian cho phép”*.

“Anh nghĩ đó là bóc lột thôi vì đã là mua bán thì phải có môi giới, phải có sự trao đổi, thực chất đây là có hợp đồng miệng với gia đình nhưng khi sử dụng lao động thì người sử dụng lao động đã sử dụng quá thời gian cho phép.”

(PVS, nam, cán bộ cấp xã tiếp nhận nạn nhân số 1, tỉnh Bắc Giang)

Một số cán bộ được hỏi thậm chí không coi các trường hợp lao động trẻ em này là “bóc lột lao động”. Điều này có thể là do hướng dẫn quốc gia hiện thời chưa đề cập tới khái niệm bóc lột lao động.

“Thực ra, trẻ em bỏ học. Chủ lao động [xưởng] đưa các em vào trong miền Nam và cho các em làm việc để tương lai tốt hơn. Làm được như thế thì xã hội cũng bớt đi các tệ nạn. Chủ sử dụng lao động tuyển dụng các em chưa đến tuổi lao động và bắt các em làm việc quá giờ, nhưng mà chúng tôi gọi đó là trẻ em lao động, chứ không nghiêm trọng là bóc lột lao động trẻ em.”

(PVS, nam, cán bộ ban ngành cấp tỉnh, TP. Huế)

Hiểu biết về mua bán trẻ em trai

Cán bộ các ban ngành Chính phủ, tổ chức phi Chính phủ trong nước và quốc tế, các cơ quan cấp Trung ương nhận thức rõ ràng đối với mua bán trẻ em, chỉ có hai yếu tố cấu thành hành vi, đó là: phương thức và mục đích.

“Đối với trẻ em, chỉ cần có hành động chứa chấp, vận chuyển hoặc chuyển giao với mục đích bóc lột, không cần có yếu tố ép buộc hay lừa gạt thì cũng được coi là hành vi mua bán trẻ em.”

(PVS, nữ, cán bộ tổ chức phi Chính phủ tại Hà Nội)

Hầu hết những cán bộ được phỏng vấn tại những địa bàn khảo sát đều nói rằng không có trường hợp mua bán trẻ em trai nào xảy ra trên địa bàn vì không có số liệu báo cáo chính thức về các trường hợp mua bán trẻ em trai. Theo các cán bộ được phỏng vấn, chỉ có hiện tượng trẻ em trai bị bóc lột lao động hoặc trẻ em lao động sớm (dưới 15 tuổi).

“Cả 11 em về từ thành phố HCM không phải là bị mua, các em chỉ là bị lao động nặng nhọc thôi. Nói chung làm cho các xưởng may thì các em phải theo sự quản lý của chủ lao động cho nên việc bị làm việc quá giờ, điều kiện ăn ở không đảm bảo là bình thường vì họ tính tới lợi nhuận mà.”

(PVS, nam, cán bộ Sở LĐTB&XH, tỉnh Nghệ An)

Với câu hỏi: *“Trong trường hợp chủ tuyển dụng trẻ thông qua gia đình của trẻ và gia đình của trẻ có nhận trước một số tiền của chủ lao động rồi cho trẻ đi làm mà không biết làm việc gì thì có được coi là mua bán trẻ em không ...?”* Đa số những người được phỏng vấn hiểu là đây không phải là hành vi mua bán người mà chỉ là trẻ đi làm sớm (dưới 15 tuổi) để giúp đỡ gia đình. Họ cho rằng mua bán trẻ em xảy ra khi trẻ có dấu hiệu bị bán sang người thứ ba còn trẻ tới làm việc ngay cho chủ cơ sở tuyển dụng thì không phải là bị mua bán.

Chỉ có một số người cho rằng đó chính là hành vi mua bán người. Theo họ việc này được coi là hành vi mua bán người vì có yếu tố giao dịch bằng tiền. Trẻ buộc phải làm việc để trả nợ chủ lao động vì gia đình đã nhận tiền ứng trước từ chủ. Và mục đích của sự trao đổi của chủ sử dụng lao động là bóc lột sức lao động hoặc bắt trẻ làm những công việc Nhà nước nghiêm cấm.

“Có những hành vi nó không thể hiện là hành vi mua bán nhưng thực tế nó cũng là một sự mua bán người như là hành vi thuê mướn trẻ đi ăn xin. Hình thức này coi như là mua bán có thời hạn, bọn nó bỏ một khoản tiền ra thuê một đứa trẻ trong 1 năm hoặc 2 năm để đi ăn xin. Trong thời gian đó nó toàn quyền sử dụng đứa trẻ nó bắt đứa trẻ phải làm việc 12 tiếng/ngày. Nó bắt trẻ làm cả những việc mà Nhà nước cấm những trẻ dưới 15 tuổi làm thì nó cũng bắt trẻ làm luôn. Hết thời gian thuê thì nó lại trả về cho bố mẹ rồi bố mẹ trẻ lại cho trẻ đi làm ở chỗ khác.”

(PVS, nam, cán bộ Sở LĐTB&XH, TP. HCM)

Hiểu biết về bóc lột lao động

Lãnh đạo của các ban ngành và chính quyền tại các địa bàn khảo sát cho biết tình trạng trẻ em trai bị bóc lột sức lao động diễn ra phổ biến. Nhưng theo họ, tình trạng trẻ em bị lạm dụng/cưỡng bức lao động xảy ra chủ yếu tập trung ở các điểm đến lớn như: Hà Nội, TP. HCM vì hai thành phố này có nhiều cơ hội kiếm việc làm tốt hơn và mức thu nhập cao hơn. Họ cũng cho biết trẻ em bị bóc lột sức lao động chủ yếu đi từ các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Bắc Giang, Huế ... Trẻ em thường bị bóc lột sức lao động trong các xưởng chế biến thực phẩm nhỏ quy mô hộ gia đình, các cơ sở sản xuất nhỏ hoặc đi ăn xin trên đường phố. Các em thường bị bắt phải làm việc hơn 8 giờ/ngày và không được trả lương làm thêm giờ.

“Do tình hình kinh tế khó khăn nên Quảng Xương có một bộ phận trẻ em đi bán sách, báo, đánh giấy, thậm chí cả đi ăn xin. Các cháu này bị một số cai đầu dài ở Hà Nội, TP. HCM, Vinh gom lại và tổ chức cho các cháu đi ăn xin. Bọn chúng đặt ra yêu cầu là mỗi cháu phải xin được từ 200.000 – 300.000 đồng/ngày (tương đương từ 9,7 đến 14,5 đô la Mỹ²²) nếu xin không đủ là về bị đánh.”

(TLN, các ban ngành huyện, tỉnh Thanh Hóa)

Một số cán bộ ban ngành được hỏi cho biết nhóm trẻ em bị bóc lột sức lao động thường ở độ tuổi từ 14 đến 16 tuổi; Thậm chí có những em dưới 10 tuổi được tuyển dụng để làm những việc có tính chất đặc thù như ăn xin, bán hoa hay bán vé số; Phần lớn các em thuộc nhóm trẻ em này tới từ các vùng miền núi hoặc các vùng quê nghèo nơi có khó khăn kinh tế. Các em thường có trình độ văn hóa thấp, phần lớn các em chỉ học đến tiểu học hoặc trung học cơ sở là bỏ học hoặc có em không được đi học.

Hiểu biết về các nguyên nhân gốc rễ

Hầu hết các cán bộ trả lời phỏng vấn đều cho rằng có những nguyên nhân dẫn tới tình trạng trẻ em trai bị mua bán như điều kiện kinh tế khó khăn, bỏ học, nhu cầu về trẻ em trai từ Trung Quốc hoặc do phong tục địa phương. Nguyên nhân chính mà hầu hết các cán bộ ban ngành đều đề cập tới khiến trẻ em ra khỏi nhà và gặp phải nguy cơ bị mua bán là khó khăn về điều kiện kinh tế. Do điều kiện kinh tế khó khăn, các gia đình buộc phải để con cái lao động kiếm sống và chia sẻ gánh nặng cho cha mẹ.

“Một đứa trẻ ra thành phố kiếm sống hiện nay, nếu nó kiếm sống trên đường phố thì một ngày có thu nhập từ 200.000 – 300.000 đồng (9,7 đến 14,5 đô la Mỹ). Chính vì thế, những người thân trong gia đình vì cái lợi nhuận đồng tiền mà họ chấp nhận nhận trước một số tiền rồi cho trẻ đi vào thành phố làm việc...”

(PVS, nữ, cán bộ Sở LĐTBXH, tỉnh Thanh Hóa)

Hiểu biết về di cư an toàn

Đại diện các ban ngành và tổ chức tại các địa bàn nghiên cứu cho biết các nguy cơ mà trẻ em gặp phải khi tự di cư hoặc đi theo họ hàng hay người môi giới bao gồm:

Một số trẻ này được gia đình chuẩn bị đầy đủ giấy tờ tùy thân như: lý lịch và giấy ủy quyền cho chủ lao động. Tuy nhiên, các thứ giấy tờ này chỉ để đối phó với cơ quan Nhà nước. Trên thực tế, bố mẹ của trẻ không tìm hiểu kỹ về người môi giới, loại công việc, nơi trẻ đến làm việc, công việc trẻ phải làm. Bản thân trẻ cũng không có thông tin về nơi đến, công việc sẽ làm tại nơi đến mà các em chỉ biết đi theo người lớn.

“Sau khi gặp người phụ nữ đó 2 ngày thì em đi, khi đi em chỉ mang theo một bộ quần áo thôi vì người phụ nữ đó bảo vào đó họ trả lương cho em 1 triệu/tháng (48,4 USD) và may quần áo cho em nên không cần phải chuẩn bị gì.”

(PVS, nạn nhân trẻ em trai số 3, 16 tuổi, tỉnh Thanh Hóa)²³

Phần lớn số trẻ dưới 18 tuổi tự đi làm ăn xa hay đi theo sự giới thiệu của bạn bè và người quen có thể gặp nguy cơ bị bóc lột sức lao động và lạm dụng tình dục. Trẻ chủ yếu bị bóc lột sức lao động trong các cơ sở sản xuất tư nhân nhỏ, lẻ (ví dụ: cơ sở may, đóng giày). Còn trẻ em làm việc trên đường phố thì đối mặt với nguy cơ bị xâm hại/bóc lột tình dục.

“Các em [trẻ em gái] ở khu vực Quận 5 có nguy cơ bị lạm dụng tình dục cao nhất vì các em này thường bán hàng muộn, nhiều khi các em bán tới 3 – 4 giờ sáng. Thời gian bán hàng của các em tùy thuộc vào lượng khách và tùy thuộc theo mùa, nếu mùa du lịch có lượng khách đông thì các em bán hàng muộn”

(TLN, cán bộ xã hội, Mái ấm, TP. HCM)

“Theo anh thì trường hợp của em T. là bị bóc lột hay muabán trẻ em?” “Tôi thì tôi nghĩ đó chỉ là bị bóc lột thôi bởi vì nó là muabán nếu có việc vận chuyển và giao dịch cơ. Thực ra, gia đình trẻ đã có hợp đồng lao động miệng với người chủ rồi, nhưng mà ông chủ bắt trẻ phải làm việc quá sức.”

(PVS, cán bộ cấp xã tiếp nhận nạn nhân số 1, tỉnh Bắc Giang)

Hơn nữa, các em gặp khó khăn trong nơi ở nói riêng và điều kiện sống nói chung – hầu hết các em đều ở luôn trong xưởng sản xuất chật, hẹp và không sạch sẽ vì chủ sử dụng lao động muốn tiết kiệm khoản chi phí thuê phòng ngủ cho các em.

Phân tích giới

Đa số cán bộ Nhà nước các cấp và cán bộ tổ chức phi Chính phủ đều cho rằng không có sự khác biệt giữa trẻ em trai và trẻ em gái trong quá trình quyết định đi làm ăn xa; và hầu hết trẻ em trai và trẻ em gái đều mong muốn kiếm được nhiều tiền hơn để giúp đỡ gia đình; Chủ lao động đối xử với các em trai và gái như nhau và các em đều phải làm công việc nặng nhọc; Nếu có, đó là sự khác biệt trong phân công công việc theo sức khỏe và kỹ năng của các em. Tuy nhiên, theo các cán bộ Nhà nước cấp cơ sở, trẻ em gái có nguy cơ bị mua bán vì mục đích bóc lột tình dục hoặc bị xâm hại tình dục cao hơn.

Đối với nhận con nuôi bất hợp pháp và bắt cóc trẻ em, các cán bộ Nhà nước và các tổ chức phi Chính phủ ở tất cả các cấp được hỏi đều nhận thức được rằng trẻ em trai dường như có nhiều nguy cơ bị mua bán làm để làm con nuôi bất hợp pháp hơn: họ cho biết các bé trai được bán với giá cao hơn các bé gái. Một bé gái được bán với giá từ 10 đến 12 triệu đồng (484 – 580 đô la Mỹ), còn giá trung bình bán một bé trai là từ 30 đến 50 triệu đồng (1,451 – 2,419 đô la Mỹ).²⁴ Điều này có thể do trẻ em trai được ưa thích hơn ở cả Việt Nam và Trung Quốc, và sâu xa hơn là do chính sách một con của Trung Quốc (xem thêm mục 5.4 Nhận con nuôi).

Hầu hết các cán bộ xã hội và cán bộ Nhà nước tham gia công tác hỗ trợ nạn nhân bị mua bán đều cho biết chính sách và hỗ trợ thực tế cho trẻ em trai và gái tại các địa bàn nghiên cứu là như nhau.²⁵ Tuy nhiên, các cán bộ trực tiếp tham gia hỗ trợ cho nạn nhân bị mua bán nhận thấy nhu cầu được hỗ trợ của trẻ em trai và trẻ em gái là khác nhau, ví dụ như hỗ trợ tư vấn tâm lý, nơi ăn ở và công việc làm khác nhau. Giám đốc và các cán bộ xã hội của trung tâm tiếp nhận nạn nhân và các dự án hỗ trợ trên địa bàn nghiên cứu khi tiếp nhận nạn nhân là một trẻ em trai, một nam thanh niên và các trẻ gái đã gặp phải khó khăn khi sắp xếp nơi ở cho các trẻ em trai vì nơi ở được thiết kế chỉ để tiếp nhận các trẻ em gái và phụ nữ. Các cán bộ trung tâm tiếp nhận cho biết cần có tư vấn tâm lý-xã hội và đào tạo nghề nhằm giúp trẻ em trai bị mua bán trong cuộc sống sau khi tái hòa nhập. Một số cán bộ xã hội được

hỏi cho rằng tư vấn tâm lý cho trẻ em trai cần khác với trẻ em gái vì trẻ em trai có thể không muốn nói về trải nghiệm bị mua bán và tình trạng tâm lý của các em do suy nghĩ cho rằng điều đó gây ảnh hưởng xấu đến hình ảnh nam tính hay kỳ thị của mọi người xung quanh đối với vấn đề nhạy cảm, chẳng hạn như bị mua bán vì mục đích bóc lột tình dục. Tư vấn tâm lý cho các trẻ em trai sẽ tốt hơn nếu được thực hiện bởi một nhà tâm lý cùng giới; tuy nhiên, theo quan sát của nhóm nghiên cứu không hề có một nhà tâm lý nam giới nào làm việc trên các địa bàn khảo sát. Ngoài ra, các cán bộ được phỏng vấn cho biết cần đưa vào thiết kế chương trình đào tạo nghề dành cho trẻ em trai nhiều sự lựa chọn và nhiều kỹ năng hơn để các em có thể áp dụng những gì được đào tạo để làm nghề đáp ứng nhu cầu của thị trường việc làm hơn.

Tuy nhiên, các cán bộ trung tâm tiếp nhận cho biết lâu nay họ chỉ chủ yếu hỗ trợ cho phụ nữ và trẻ em (dưới 16 tuổi) bị mua bán và vì mục đích bóc lột tình dục. Chính vì vậy, họ quan ngại về việc thiếu kiến thức làm việc với các nhóm đối tượng khác như trẻ em ăn xin, trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em bị cưỡng ép kết hôn, trẻ em nô lệ, trẻ em bị bóc lột lao động cũng như trẻ em trai và nam thanh niên bị mua bán nói chung.

4.3: Hiểu biết của cộng đồng về mua bán trẻ em trai

Tương tự kết quả phỏng vấn nhóm cán bộ Nhà nước cấp cơ sở, hiểu biết của cộng đồng về khái niệm mua bán trẻ em trai còn hạn chế. Vì thế, khi sự việc xảy ra, người dân trong cộng đồng cũng không coi đó là mua bán trẻ em trai. Tuy nhiên, có một số thành viên cộng đồng đã bắt đầu có nhận thức về vấn đề này, đặc biệt là mua bán trẻ em trai vì mục đích bóc lột sức lao động; nhưng họ gọi sự việc bằng cách gọi khác. Với nhận thức như thế, chưa thể đảm bảo di cư an toàn.

Hiểu biết về mua bán người

Hầu hết những người dân trong cộng đồng được hỏi cho biết họ đã từng nghe tới cụm từ “mua bán người”, nhưng theo họ hiểu đó chỉ là mua bán phụ nữ và trẻ em gái vì mục đích mại dâm hoặc hôn nhân ép buộc. Không ai trong số những người được hỏi biết về định nghĩa mua bán người còn bao gồm cả bóc lột sức lao động và mua bán trẻ em trai và nam thanh niên.

Đa số những người dân được hỏi về định nghĩa mua bán người cho biết mua bán người bao gồm các yếu tố: *dụ dỗ, lừa gạt, bắt cóc, có giao dịch bằng tiền, được vận chuyển tới nơi khác và bắt làm việc để mang lại lợi nhuận cho chủ*. Tuy nhiên, phần lớn người dân vẫn hiểu rằng mua bán người là những trường hợp **bị đưa ra nước ngoài**, còn ở trong nước thì không coi đó là mua bán người. Mua bán trẻ em trong nước được hiểu là trẻ em lao động sớm hoặc bóc lột sức lao động. Các cán bộ chính quyền địa phương cho biết người dân không xác định các trường hợp mua bán trẻ em trong nước vì mục đích bóc lột sức lao động là mua bán người. Nhu cầu kiếm việc làm của cộng đồng và thanh niên đã tạo điều kiện cho những kẻ lừa đảo dụ dỗ trẻ em trai và biến các em thành nạn nhân của mua bán trẻ em. Trong một số trường hợp, thậm chí cả bố mẹ hoặc gia đình trẻ, không biết hoặc đôi khi biết, đã vô tình tham gia vào quá trình mua bán trẻ em. Theo họ, trong những năm gần đây, kẻ môi giới người hoặc chủ sử dụng lao động ở các cơ sở nhỏ trong các thành phố, đô thị thuê mướn người dân địa phương đi tuyển dụng người lao động, chứ họ không trực tiếp làm việc đó. Thông thường, những người bán địa tham gia làm công việc này có mối quan hệ thân thiết hoặc thậm chí là họ hàng của gia đình nạn nhân. Đây chính là lý do khiến gia đình không hề nghi ngờ quá trình tuyển dụng vì họ tuyệt đối tin tưởng những người tuyển dụng lao động này.

Trong rất nhiều trường hợp, bố mẹ đã biết rằng con họ sẽ phải làm việc quá sức tại nơi đến. Tuy nhiên, nạn nhân và bố mẹ các em vẫn muốn và đồng ý để con em họ làm việc trong điều kiện bóc lột sức lao động trẻ em. Điển hình là những trường hợp trẻ em bị bóc lột sức lao động trong các xưởng may nhỏ lẻ hộ gia đình. Bố của một nạn nhân là trẻ em trai phải làm việc từ sáng tới nửa đêm cho biết:

“Tôi tưởng đấy không phải là bóc lột sức lao động mà là công việc kinh doanh nó phải thế? Khi không nhiều hàng lắm thì trẻ chỉ phải làm việc đến 9-10 giờ đêm, còn nếu khi nào nhiều

việc thì chúng phải làm đến tận 1-2 giờ sáng. Tôi nghĩ do chủ nó yêu cầu thế nên chúng nó phải làm theo thôi.”

(TLN, bố trẻ em trai bị mua bán, 42 tuổi, TP. Huế).

Bố mẹ trẻ và thậm chí cả bản thân trẻ khi được hỏi về điều kiện làm việc bóc lột sức lao động trẻ em đều nói rằng họ đã “tình nguyện” chấp nhận khi họ thỏa thuận với chủ sử dụng lao động. Theo họ khi họ chấp nhận làm việc để được trả công thì họ phải làm việc vất vả theo yêu cầu của chủ, họ không cho rằng đó là bóc lột sức lao động trẻ em.

Theo các cán bộ công an được phỏng vấn, hầu hết những người môi giới đã được hỏi đều thiếu kiến thức về mua bán người hay khung hình phạt đối với những hành vi tuyển dụng và vận chuyển trẻ nạn nhân em trai.

Hiểu biết về mua bán trẻ em trai

Mặc dù nhiều người biết rằng trẻ em trai bị bóc lột sức lao động hoặc lao động trẻ em khi các em đi làm xa nhà nhưng họ không coi đó là mua bán trẻ em trai. Rất ít người dân được hỏi nói rằng họ có biết các trường hợp mua bán trẻ em trai. Hầu hết những người được hỏi đều cho rằng mua bán phụ nữ và trẻ em gái thường xảy ra ở các tỉnh biên giới. Mặc dù gia đình nhận tiền từ người môi giới hoặc người sử dụng lao động khi người con trai của họ di cư nhưng khoản tiền này được coi là tiền lương ứng trước. Điều đáng nói là mặc dù người dân được phỏng vấn cho rằng tình hình mua bán ở trẻ em trai không phải là phổ biến, họ nhận thấy nó vẫn là một vấn đề nghiêm trọng bởi vì nạn nhân có thể có nguy cơ nhiễm HIV do bị lạm dụng tình dục:

“Đây là một vấn đề nghiêm trọng vì khi trẻ em trai bị mua bán vì mục đích bóc lột sức lao động hay bóc lột tình dục, thì các em đều có nguy cơ bị nhiễm HIV. Mua bán trẻ em trai thường xảy ra ở các vùng biên giới...”

(TLN, người dân TP. HCM)

Trẻ em trai cũng ít hiểu biết về những nguy cơ mà các em có thể gặp phải khi di cư. Đa số trẻ em trai đã và đang di cư tham gia vào TLN cho biết bản thân các em khó có thể trở thành nạn nhân của tình trạng mua bán người vì các em đã biết tới thông tin về mua bán người nên có sự cảnh giác. Quan điểm này chủ yếu tập trung ở nhóm trẻ từ 14-18 tuổi. Điều này cho thấy các trẻ em trai tin rằng mình mạnh mẽ, có bản lĩnh và mạo hiểm hơn khi di cư nên các em tin rằng mình không dễ bị lừa gạt và mua bán.

“Chúng em là con trai mạnh mẽ nên khó mà lừa được và nếu có bị lừa thì cũng dễ tìm cách trốn. Chỉ sợ bị lừa bán ra nước ngoài làm con nuôi thì khó có thể tìm đường về. Nhìn chung, chúng em là con trai có bản lĩnh nên khó bị lừa”

(TLN, trẻ em trai ở trường dạy nghề, TP. HCM)

Khi hỏi nguyên nhân nào thúc đẩy tình trạng mua bán trẻ em trai, kết quả thảo luận nhóm người dân và nhóm trẻ em trai cho thấy: do kinh tế gia đình khó khăn khiến các em muốn đi làm để kiếm tiền giúp gia đình, mong muốn tìm hiểu thế giới bên ngoài hoặc mong muốn thử sức để tự khẳng định mình. Tuy nhiên, theo họ nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng trẻ đi làm ăn xa vẫn là điều kiện kinh tế.

“Em thấy ở nhà kiếm tiền quá khó khăn nên nói với ba mẹ cho đi tìm việc để phụ giúp gia đình.”

(TLN, trẻ em trai ở trường dạy nghề, TP.HCM)

Một số người dân cho biết có thể nguyên nhân là có nhu cầu trẻ em trai bên Trung Quốc để đưa các em vào làm việc tại các khu khai thác quặng hoặc lò gạch. Đây cũng là nguyên nhân thúc đẩy tình trạng mua bán trẻ em trai qua biên giới với mục đích bóc lột sức lao động. Những người được hỏi này cũng biết về tình trạng mua bán trẻ em trai vì mục đích bóc lột sức lao động.

Nhiều trẻ em trai không nhận ra là các em bị bóc lột sức lao động. Nhiều em khi làm việc trong các xưởng may hộ gia đình cũng không nhận ra là các em đang bị chủ bóc lột sức lao động. Điều mà các em canh cánh là sức ép giúp đỡ gia đình, nhu cầu kiếm tiền khiến cho các em nghĩ rằng khi các em đồng ý làm việc thì phải tuân theo các quy định của chủ sử dụng lao động.

“Em chưa bao giờ nghĩ là bị bóc lột sức lao động vì em đã tự nguyện làm công việc này. Chẳng có ai ép buộc em cả. Nên khi chủ có quy định làm việc tới 11-12 giờ đêm thì bọn em phải theo...”

(TLN, nạn nhân trẻ em trai số 7, 13 tuổi, TP. Huế)

Hiểu biết về di cư an toàn

Kết quả thảo luận nhóm người dân cho biết, hầu hết bố mẹ của trẻ không có thông tin cụ thể về nơi đến cũng như công việc trẻ sẽ làm trước khi cho trẻ đi làm ăn xa. Họ chỉ biết công việc chung chung cũng như điểm đến của trẻ thông qua người môi giới hay chủ lao động tới tuyển dụng. Tình trạng này là do, người môi giới hay người tuyển dụng thường là người sống tại địa phương nên các gia đình tin tưởng gửi con. Thực tế, nhiều gia đình còn làm sẵn các giấy tờ, thủ tục ủy quyền cho chủ lao động trong việc quản lý con mình. Việc bố mẹ trẻ chuẩn bị giấy tờ như vậy giống nhau cho cả trẻ em trai và trẻ em gái.

“Tân [chủ cơ sở may mặc tư nhân] về đón tận nơi có nói: cháu vô trong kia từ năm 1974 có thành lập một doanh nghiệp may mặc nếu mà anh nhất trí cho cháu vào đó làm thì lên xã xin làm giấy tạm trú, tạm vắng rồi cho cháu đi cùng với tui...”

(PVS, bố nạn nhân trẻ em trai số 1, tỉnh Nghệ An)

Thảo luận nhóm trẻ em trai đã và đang di cư làm việc tại thành phố cho thấy các em có hiểu biết về di cư an toàn, các em có tìm hiểu về điểm đến, công việc dự kiến làm trước khi đi. Phần lớn các em trong độ tuổi từ 15 – 18 tuổi nói rằng họ có thảo luận về công việc, lương, thời gian làm việc với chủ trước khi tiến hành công việc. Tuy nhiên, điều kiện làm việc chủ yếu là trao đổi bằng miệng và chỉ có một số em ký hợp đồng với chủ trước khi làm việc.

Theo người dân và trẻ em trong cộng đồng, mang theo chứng minh thư, xác nhận của chính quyền địa phương về tình trạng tạm vắng, tiền và quần áo là những vật dụng họ cần phải chuẩn bị trước khi đi làm ăn xa. Việc chuẩn bị này theo họ chỉ được thực hiện ở nhóm trẻ đã trưởng thành và được sự đồng ý của gia đình. Còn đối với những trẻ đi theo sự rủ rê của bạn bè hoặc môi giới của người làng thì không có sự chuẩn bị gì hay chỉ mang theo vài bộ quần áo.

Nhóm người dân được hỏi cho biết trẻ em cứ làm việc quá 8 giờ/ngày mà không được trả thêm lương thì đây bị coi là bóc lột sức lao động và sử dụng lao động trẻ em dưới 15 tuổi là vi phạm Luật Lao động. Tuy nhiên, theo họ nếu làm thêm giờ mà được chủ trả lương dù mức lương đó thấp hơn so với quy định thì không bị coi là bóc lột sức lao động. Người dân cũng không biết số giờ làm việc tối đa hay số giờ làm thêm tối đa theo ngày, theo tuần quy định trong Luật lao động.²⁶

“Bóc lột còn thể hiện bắt làm tăng ca mà không tăng lương, còn nếu làm tăng ca mà được trả thêm tiền theo như thỏa thuận thì không thể nói là bóc lột được.”

(TLN, trẻ em trai trường dạy nghề, TP. HCM)

Hiểu biết về các yếu tố nguy cơ của mua bán trẻ em trai

Phần lớn người dân và trẻ em trai trả lời phỏng vấn đều khẳng định tất cả các trẻ em trai gặp phải nguy cơ bị bóc lột sức lao động khi đi làm xa gia đình, đó là bị bắt làm việc từ 10 – 12 tiếng/ngày mà không được trả lương thêm giờ, hoặc nếu có thì cũng được trả rất ít. Tuy nhiên, như đã đề cập ở trên nhóm người dân cho rằng các em trai đã không chuẩn bị chu đáo trước khi đi làm xa nhà. Họ cho biết, đối với trẻ em gái phải làm công việc ăn xin, bán vé số dạo, bán hoa hoặc đánh giày, có thể bị lạm dụng hoặc xâm hại tình dục nên có nguy cơ cao bị lây nhiễm HIV. Trong khi đó, một số người được hỏi cho rằng trẻ em trai cũng có nguy cơ này nhưng ở mức độ thấp hơn. Tuy nhiên, nghiên cứu này chỉ ra xâm hại tình dục đối với trẻ em trai đã xảy ra trên địa bàn khảo sát.

“Ở công viên 23/9 em xin tiền của một ông tây, ông này cho em tiền và dẫn em đi ăn rồi đưa về khách sạn ngủ. Sáng hôm sau, ông ý cho em tiền ăn sáng và chơi game [trò chơi điện tử]. Đến trưa thì ông ý đưa em đi ăn, ăn xong lại đưa em về khách sạn và yêu cầu em quan hệ tình dục với ông ta (trước đó ông ý đã sờ mó em rồi). Sợ quá nên em bỏ chạy.”

(PVS, trẻ em trai bị xâm hại, 13 tuổi, TP.HCM)

Bên cạnh đó, người dân cũng cho biết trẻ còn bị chủ ngược đãi, đánh đập khi không kiếm được đủ số tiền theo quy định.

“Gia đình tôi có 2 đứa con đi làm ăn xin cho người ta, con em bé nên xin được nhiều tiền hơn con chị nên con em thường chia bớt tiền cho con chị để cho đủ số chủ nó quy định. Chủ nó quy định mỗi ngày phải nộp 500.000 - 600.000 đồng (tương đương 24-29 đô la Mỹ) một ngày. Nếu bọn trẻ không nộp đủ là bị nó đánh... Con em xin được hơn 600.000 đồng/ngày (29 đô la Mỹ) nên không bị đánh, còn con chị chỉ xin được có 300.000 đồng/ngày (14,5 đô la Mỹ) là bị nó đánh...”

(TLN, mẹ nạn nhân trẻ em gái và trai, tỉnh Thanh Hóa)

Do không tìm hiểu về công việc mà trẻ sẽ làm trước khi đi nên các em có nguy cơ bị ép làm các việc không như mong muốn.

“Em cứ nghĩ là vào đó mình sẽ đi bán vé số hay đánh giấy thế nhưng ai mà ngờ vào đó lại bị đi làm ăn xin...”

(PVS, nạn nhân trẻ em trai số 4, 15 tuổi, tỉnh Thanh Hóa)

Theo người dân địa phương, nguy cơ lớn nhất trẻ em trai phải đối mặt khi đi làm xa nhà là bị bóc lột sức lao động. Như vậy, người dân có nhận thức về những rủi ro mà trẻ em trai có thể gặp phải khi đi làm xa nhà bất kể những rủi ro này có được người dân xác định đó là mua bán trẻ em trai hay không.

Phân tích giới

Theo người dân cho biết lý do trẻ em trai và trẻ em gái đi làm xa nhà khác nhau. Hầu hết trẻ em gái đi làm để kiếm tiền giúp đỡ gia đình và có nhiều việc phù hợp với trẻ em gái hơn. Trong khi đó, trẻ em trai đi xa nhà với ý định tìm hiểu khám phá thế giới bên ngoài hoặc để thể hiện bản lĩnh nhiều hơn. Theo họ, nhiều trẻ em trai bỏ học hoặc không muốn đi học. Các em trai cho rằng các em trai mạo hiểm hơn, có bản lĩnh, mạnh mẽ hơn và ít có nguy cơ bị mua bán hơn các em gái.

Cũng theo người dân cho biết, chủ sử dụng lao động không phân biệt khi phân công vai trò và công việc cho trẻ em trai và trẻ em gái. Cả em trai và em gái đều cho biết các em làm khối lượng công việc như nhau hoặc đều bị phạt là như nhau nếu chủ không hài lòng. Tuy nhiên, người dân nghĩ rằng trẻ em trai bị xâm hại sẽ bỏ trốn còn trẻ em gái thì không vì các em trai có vẻ khỏe mạnh hơn và ít sợ hãi khi bỏ trốn hơn các em gái. Họ cũng cho biết các em gái thường yếu hơn và sẽ tốt hơn nếu các em sống ở nơi mà chủ lao động sắp xếp. Nếu trẻ em gái tìm cách bỏ trốn khỏi nơi làm việc, các em lo sợ là không có người quen giúp đỡ hoặc không biết đường về nhà. Hơn nữa, người dân được hỏi cho biết thường mỗi lo ngại bị xâm hại tình dục với các em gái nhiều hơn với các em trai - nên họ nghĩ các em trai ít có nguy cơ bị xâm hại và bóc lột tình dục hơn.

4.4: Kết luận

Cán bộ các ban ngành đều coi mua bán người nhằm bóc lột tình dục thường xảy ra với phụ nữ và trẻ em. Theo họ, đối tượng dễ bị mua bán là những cô gái trẻ/trẻ em gái ngây thơ từ nông thôn và các vùng xa xôi, hẻo lánh. Tuy nhiên, theo các nghiên cứu khác nhau về mua bán người (Clawson và Dutch, 2008; Save the Children và BCA, 2008) và các dữ liệu của nghiên cứu này cho thấy nạn nhân bị mua bán bao gồm cả nam giới, phụ nữ, trẻ em trai và trẻ em gái ở các độ tuổi, trình độ và hoàn cảnh khác nhau. Hơn thế nữa, ngoài bị bóc lột tình dục, nhiều nạn nhân bị mua bán vì mục đích bóc lột sức lao động.

Như đã đề cập tới ở trên, các cán bộ cấp cơ sở thiếu kiến thức về định nghĩa quốc tế về mua bán trẻ em (Nghị định thư Palermo) vì định nghĩa chưa được đưa vào Bộ luật hình sự và Luật Phòng, chống mua bán người mới ban hành. Hơn nữa, thuật ngữ “trafficking in persons” trong tiếng Việt là “mua bán” nghĩa là “mua hoặc bán” – như vậy, khi dịch thuật ngữ này ra tiếng Việt thì nghĩa của nó đã khiến người ta nghĩ tới việc có hành động giao dịch trong khi nghĩa được mô tả chính xác hơn khi đề cập tới nô lệ và bóc lột người (UNODC, 2009).

Đa số cán bộ chính quyền địa phương và người dân tại địa bàn khảo sát đều cho rằng trẻ em trai và nam giới đều có nguy cơ bị bóc lột sức lao động. Nhưng họ không nhận thức rằng mua bán người bao gồm cả bóc lột sức lao động và mua bán nam giới và trẻ em trai. Chính vì lẽ đó, khi mua bán trẻ em trai xảy ra, sự việc đã không được xác định đúng. Nhận biết chung của các đối tượng trả lời phỏng vấn về mua bán trẻ em là mua và bán trẻ em, không liên quan tới mục đích bóc lột. Các cán bộ chính quyền và người dân trên địa bàn nghiên cứu không công nhận tình trạng mua bán người nội địa, đặc biệt là mua bán trẻ em trai. Nhận thức các nguy cơ bị mua bán mà trẻ em trai có thể gặp phải được cho là rất thấp vì lý do trẻ em trai và nam giới thường được cho là mạnh mẽ, có bản lĩnh và mạo hiểm và không dễ bị lừa gạt và mua bán vì mục đích bóc lột. Các nhóm trả lời phỏng vấn đều nhận xét hầu hết các trường hợp bị mua bán là phụ nữ vì mục đích mại dâm hoặc hôn nhân. Một số trẻ em trai nạn nhân bị mua bán và gia đình các em có thông tin về điều kiện làm (làm việc quá 8 tiếng/ngày) trước khi các em đi làm xa nhà nhưng họ không coi đó là bóc lột sức lao động bởi vì các em tự nguyện làm công việc đó cho chủ lao động.

Mới gần đây, mua bán nội địa đã được đưa vào Chương trình hành động quốc gia giai đoạn 2011 – 2015. Các cán bộ cấp cơ sở có hiểu biết khác nhau về hành vi và mức độ bóc lột lao động trẻ em vì chưa có văn bản pháp lý hay hướng dẫn nào mô tả hành vi bóc lột lao động trẻ em.

V. CÁC TRƯỜNG HỢP NẠN NHÂN BỊ MUA BÁN

Nghiên cứu đã tìm hiểu 82 trường hợp nạn nhân nam bị mua bán, trong đó có 30 trẻ bị bóc lột sức lao động, 5 trẻ bán hàng rong, 24 trẻ bị bóc lột tình dục, 10 trẻ bị bắt cóc, 10 trường hợp nhận con nuôi trẻ sơ sinh và 3 trẻ chưa rõ mục đích bị bóc lột (đang trên đường bị mua bán). Những phát hiện về từng nhóm đối tượng này sẽ được mô tả ở những phần tiếp theo bao gồm những thông tin cơ bản về nạn nhân, các yếu tố góp phần tới việc dễ bị mua bán; phương thức tuyển dụng; quá trình và con đường vận chuyển; bóc lột, trở về và tái hòa nhập; các phân tích về giới và kết luận.

Dưới đây là tổng quan về các nhóm trẻ em trai bị mua bán.

5.1: Các đặc điểm nhân khẩu học

Điểm đi và điểm đến

Nghiên cứu đã tiếp cận và tìm hiểu các nạn nhân từ 18 tỉnh²⁷ thành trong cả nước, từ miền Bắc tới miền Nam, bao gồm 35 em từ miền Bắc, 25 em từ miền Trung và 22 em từ miền Nam. Các nạn nhân ở miền Nam chủ yếu từ các tỉnh thuộc khu vực phía Đông nam và vùng Đồng bằng sông Cửu long. Trong số các nạn nhân được khảo sát, các em đến từ Huế và Hà Giang chiếm nhiều nhất, theo thứ tự là 21 và 12 em, chủ yếu là bị bóc lột sức lao động và bị bắt cóc. Nghiên cứu cũng đã tiếp cận 21 em bị bán qua nước ngoài và 61 em bị mua bán trong nước. Nếu không tính 10 trẻ sơ sinh không có thông tin hoặc thông tin không chính xác nguồn gốc thì chỉ có 3 trong tổng số 72 trẻ xuất thân từ thành phố và 69 em từ nông thôn. Quê quán của 10 trẻ sơ sinh không có hoặc không chính xác.

Hầu hết (20 trong tổng số 21) nạn nhân bị mua bán sang nước ngoài là bị bán sang Trung Quốc, chỉ có một trẻ bị mua bán qua Campuchia. Trong khi đó, thành phố Hồ Chí Minh là điểm đến duy nhất của mua bán nội địa (54 trường hợp) nếu không tính 10 trẻ sơ sinh.

Tuổi của nạn nhân

Tuổi tại thời điểm nghiên cứu: Tính tại thời điểm khảo sát, nhóm nạn nhân có độ tuổi từ 19 đến 25 chiếm số lượng nhiều nhất với 23 em, tiếp đến là nhóm tuổi 11 đến 15 với 20 em, 15 em thuộc nhóm tuổi 16-18, và nhóm ít nhất là 6-10 tuổi có 5 em.²⁸

Tuổi tại thời điểm bị mua bán: Có 27 em bị bán ở độ tuổi 16-18, tiếp đến là 27 em ở độ tuổi 11 đến 15 và độ tuổi dưới 6 có 17 em. Tuổi trẻ nhất bị mua bán là 1 tuổi.

Trong tổng số 17 em dưới 6 tuổi thì có 10 em là trẻ sơ sinh và 7 em từ 1 đến 5 tuổi.

Đối với những nạn nhân bị cưỡng ép lao động, hầu hết (18 trong tổng số 26) nạn nhân tuổi từ 11 đến 15. Trong khi đó, nhóm nạn nhân bị bóc lột tình dục thì phần lớn (19 trong tổng số

22) các em tuổi từ 16 đến 18. Tất cả các nạn nhân bị bắt cóc đều dưới 10 tuổi, trong đó có 7 nạn nhân dưới 6 tuổi.

BẢNG 3: LOẠI HÌNH BỊ MUA BÁN VÀ TUỔI BỊ MUA BÁN

Loại hình bị mua bán	Tuổi khi bị mua bán				Tổng cộng
	Dưới 6	Từ 6 to 10	Từ 11 to 15	Từ 16 to 18	
Bóc lột lao động*	0	1	18	7	26
Trẻ bán hàng rong/ép buộc lao động	0	1	4	0	5
Bóc lột tình dục**	0	0	3	19	22
Con nuôi – Bắt cóc	7 ²⁹	3	0	0	10
Con nuôi bất hợp pháp	10	0	0	0	10
Chưa rõ mục đích	0	0	2	1	3
Tổng cộng	17	5	27	27	76

Thiếu thông tin: *: 4 trường hợp; **: 2 trường hợp.

Dân tộc

Có 59 nạn nhân là người Kinh, dân tộc đông nhất tại Việt Nam (86.2% tổng dân số). Số còn lại là 23 em thuộc các dân tộc thiểu số như: Mông 9 em, Dao 6 em, Thái 4 em, Tày 2 em, và Mường và Nùng mỗi dân tộc có 1 em.

Học vấn của nạn nhân

Không tính những em dưới 6 tuổi - chưa đủ tuổi đến trường thì số năm đi học trung bình của những nạn nhân này tính tới thời điểm rời khỏi nhà là 7,4 năm. Trước thời điểm này, hầu hết các em đều đã bỏ học. Khoảng thời gian các em tới trường ngắn nhất là 1 năm và thời gian dài nhất là 15 năm. Số em từng học cấp 2 chiếm số lượng cao nhất với 32 trường hợp, tiếp đó là học cấp 1 với 15 em, chỉ có 8 em là học tới cấp 3 và có 4 em đã hoặc đang học trung cấp nghề, cao đẳng hoặc đại học.

Trong khi hầu hết các nạn nhân đã bỏ học trước khi bị mua bán thì vẫn còn nhiều nạn nhân bị bóc lột lao động đã quay lại trường học sau khi bị mua bán trở về. Có một số ít (4 em) vừa học và vừa làm mại dâm.

Hoàn cảnh gia đình hiện tại

Ngoại trừ 10 trẻ sơ sinh không rõ thông tin về cha mẹ đẻ thì 53 em cha mẹ hiện còn sống, 8 em chỉ còn bố hoặc mẹ và 7 em là trẻ mồ côi. Trong đó, 37 em vẫn đang sống cùng gia đình, phần lớn các em này được các cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức phi chính phủ nước ngoài giải cứu và hỗ trợ. Chẳng hạn, 21 em ở Huế và 5 em ở Nghệ An và Bắc Giang hiện đang sống cùng cha mẹ đã được giải cứu từ các xưởng may của các hộ gia đình quản lý. Những em làm mại dâm nam thì chủ yếu sống cùng bạn bè hoặc anh em tại thành phố Hồ Chí Minh. Rất nhiều em ở ngay tại nơi làm việc chẳng hạn 25 em sống với anh em và bạn bè, trong khi đó có 8 em sống ở “nơi khác” như công viên hoặc tại nhà họ hàng. 7 trường hợp sống tại Trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi và chỉ có 3 em sống một mình.

Số nhân khẩu trung bình trong mỗi gia đình các nạn nhân là 5,3 người trong khi đó số nhân khẩu trong mỗi gia đình Việt Nam theo Tổng cục thống kê³⁰ năm 2008 là 4,12 người. Số con

trung bình trong mỗi gia đình nạn nhân là 3,7. Đặc biệt tại Huế, trong tổng số 21 gia đình nạn nhân được nghiên cứu thì trung bình mỗi gia đình này có trên 5 con.

Về tình trạng hôn nhân, trong tổng số 82 em thì có 22 em hiện nay trên 18 tuổi, có 4 em đã kết hôn tại thời điểm nghiên cứu, tuy nhiên không em nào đã kết hôn tại thời điểm bị mua bán.³¹

Nghề nghiệp hiện tại: Một số lớn nạn nhân (28 em) vẫn đang đi học. 27 em đang làm “công việc khác” trong đó phần lớn những em này đang hành nghề mại dâm nam; 15 nạn nhân là trẻ sơ sinh/trẻ nhỏ và đương nhiên không làm việc gì, và 12 trẻ làm nông nghiệp.

Hầu hết những trẻ tại Huế đang đi học là những em đã nhận được sự hỗ trợ từ một tổ chức phi chính phủ nước ngoài để quay lại trường học. 24 trong số 27 trẻ làm “việc khác” là đang hành nghề mại dâm tại thành phố Hồ Chí Minh. Tại thời điểm nghiên cứu vẫn còn một số em vừa hành nghề mại dâm vừa làm những công việc khác như lao động phổ thông, bảo vệ hay bán hàng.

5.2: Bóc lột sức lao động

5.2.1: Bóc lột sức lao động trong nước

5.2.1.1: Thông tin cơ bản

25 em làm việc tại các xưởng may tư nhân tại thành phố Hồ Chí Minh, trong số đó có 20 em từ Huế, 4 em từ Nghệ An và 1 em từ Bắc Giang. Trong nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu chỉ có thể xác định được các nạn nhân tại thành phố Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm bị mua bán, nạn nhân trẻ tuổi nhất trong nhóm này là 10 tuổi, có 3 em 17 tuổi và 21 em có độ tuổi từ 12- 15. Trong số đó, 20 em người Huế là dân tộc Kinh, một em người Nùng ở Bắc Giang và 4 em dân tộc Thái ở Nghệ An.

Hầu hết các nạn nhân được phỏng vấn đã bỏ học và đều muốn di cư vào TP.HCM để tìm kiếm việc làm và kết quả là bị cưỡng ép lao động. Khoảng một nửa trong số các em này đã học tiểu học và một nửa đang học cấp 2 thì bỏ học. Sau sự can thiệp của một tổ chức phi chính phủ quốc tế, các em này đã được giải cứu và đưa trở về gia đình để tiếp tục học tập. Tất cả các em này hiện đang sống cùng với bố mẹ, ngoại trừ một em mẹ đã mất.

5.2.1.2: Các yếu tố góp phần bị mua bán người

Thiếu các cơ hội việc làm và tăng thu nhập:

Các cuộc phỏng vấn với gia đình nạn nhân cho thấy họ không thể chi trả chi phí cho việc học hành và chi phí sinh hoạt hằng ngày cho con cái. Mong muốn kiếm tiền của các em rất mạnh mẽ, vì vậy các em rất háo hức đi tìm việc làm và đã dễ dàng rơi vào các hoàn cảnh bị bóc lột. Bố của một nạn nhân nói về lý do cho con đi làm:

“Bởi vì kinh tế khó khăn, bố mẹ không có đủ tiền cho con ăn học nên họ phải cho con ra thành phố kiếm tiền phụ giúp gia đình.”

(PVS, Bố nạn nhân, số 9, TP. Huế)

Khi được hỏi về số tiền mang về (khoảng 3 đến 5 triệu VND) trong một năm khi đi làm may để so sánh với thu nhập hằng năm của gia đình, câu trả lời của các ông bố nạn nhân là “*rất lớn*”:

“3 triệu là quá vui đối với tôi” hoặc *“Tôi muốn cho cháu vào Sài Gòn vì đến Tết khi cháu về, chúng tôi có 3 triệu để chi tiêu trong dịp Tết.”*

(TLN, Cha mẹ nạn nhân, số 7, Huế).

Nghiên cứu cũng cho thấy trong số 25 trường hợp này, chỉ có một số em tự ý đi làm mà không có sự đồng ý của cha mẹ.

Cùng với những khó khăn kinh tế thì đông con cũng là một yếu tố, tính trung bình mỗi gia đình có 4,5 con. Đặc biệt tại Huế, trong số 20 gia đình được phỏng vấn thì gia đình có ít nhất 2 con và gia đình đông con nhất là 10 người – bình quân mỗi gia đình được phỏng vấn có

5,14 con. Vì vậy, nhiều trẻ em bỏ học để kiếm tiền bằng cách di cư tới các đô thị hoặc khu vực khai thác mỏ.

Trong các cuộc phỏng vấn, cha mẹ nạn nhân luôn luôn nhắc tới lý do khó khăn kinh tế thúc đẩy con cái họ đi làm. Lời trích dẫn sau của một cha mẹ nạn nhân có thể đại diện cho những lời lý giải này:

“Nói chung, chúng tôi làm nghề chài lưới ở đây nhưng mà phải cần có tiền để mua thuyền. Nói chung là thiếu nhiều thứ, gia đình thì đông con nên chủ nhà [bố mẹ] không có đủ tiền cho con ăn học nên bọn trẻ phải kiếm sống giúp đỡ bố mẹ nó. Để giúp gia đình nên các cháu phải đi tìm việc ở Sài Gòn”

(PVS, cha nạn nhân, số 15, Huế)

Những em làm việc tại các xưởng may tư nhân hoặc gia đình tại thành phố Hồ Chí Minh nói rằng các em chấp nhận rủi ro để đi làm với thu nhập tốt để hỗ trợ gia đình vì thế đã dễ bị mua bán hoặc lạm dụng. Nhiều bố mẹ và nạn nhân nói rằng, trước khi di cư đi làm ăn, họ đã biết rằng các em sẽ phải làm việc nhiều giờ nhưng họ vẫn đồng ý vì nếu không đi thì ở nhà các em cũng chỉ có thể làm nông nghiệp. Họ thấy rằng đi ra thành phố làm việc là cách duy nhất để họ kiếm được tiền.

“Nhìn ngôi làng thì có vẻ không nghèo nhưng họ lại không có nguồn thu nhập tại địa phương, các gia đình có nguồn thu từ việc cho con đi làm ăn xa. Ngôi làng nhìn khá giả, mọi người có nhà đẹp, nhưng thực tế không có việc làm trong làng. Nhiều người không có nhà hoặc đất”

(PVS đại diện tổ chức Phi chính phủ, nam giới, Hà Nội)

Nhận thức thấp về di cư an toàn và mua bán trẻ em trai :

Các cuộc phỏng vấn cho thấy rõ ràng là các nạn nhân rời khỏi gia đình mà không biết gì về điểm đến cũng như loại hình công việc mà các em sẽ phải làm, đơn giản là các em chỉ đi cùng với bạn bè hoặc người dân trong làng khi được rủ đi. Các em không mang theo tiền hay giấy tờ cá nhân mà chỉ có vài bộ quần áo. Một số em thậm chí không mang đồ gì cả vì đã được chủ hoặc người môi giới chi trả tiền thức ăn, đi lại trong quá trình di chuyển cũng như tiền ăn ở tại nơi làm việc. Các em cũng không nhận biết đầy đủ về những rủi ro các em có thể gặp phải tại điểm đến ngoại trừ biết rằng sống ở thành phố có thể khác với ở nhà. Thành phố được các em mong đợi là nơi đông đúc, có nhiều người giàu và nhiều việc làm. Các em hy vọng có thể kiếm được nhiều tiền để phụ giúp gia đình, mua quần áo và vui chơi. Hơn thế nữa, trẻ em trai khi ra đi không hề có các kỹ năng để làm được các công việc mà các em mong muốn, tuy nhiên các em vẫn quyết định đi làm vì không có một công việc nào khác sẵn có tại địa phương.

Cả các gia đình nạn nhân và bản thân nạn nhân cũng có biết đến nguy cơ có thể bị bóc lột sức lao động. Trong khi đó, các em chưa hề biết về di cư an toàn và mua bán trẻ em trai. Theo các em, mua bán người chỉ xảy ra khi bị bán ra nước ngoài và chỉ xảy ra với phụ nữ và trẻ em gái.

5.2.1.3: Cách thức tuyển dụng

Hiện nay, nhu cầu lao động giá rẻ tại các khu công nghiệp và các khu phát triển kinh tế tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh và các khu vực lân cận là rất lớn. (UNFPA, 2007a). Nghiên cứu cho thấy nhiều kẻ môi giới, thậm chí là cả ông/bà chủ về các vùng nông thôn để tuyển các em trai và lao động phổ thông khác đi làm tại các thành phố.

Sau dịp Tết, khi người lao động bắt đầu trở lại thành phố làm việc sau kỳ nghỉ tại quê nhà là thời điểm thường xảy ra việc mua bán để bóc lột sức lao động. Đây là thời điểm di cư ra thành phố làm ăn cao nhất vì vậy những kẻ môi giới đã lợi dụng cơ hội này để lừa gạt các gia đình và trẻ em. Khi người lao động di cư về nhà nghỉ Tết hàng năm, khoản tiền lương lớn mà họ được trả vào dịp Tết có thể trở thành một động cơ mạnh mẽ để các gia đình và trẻ em sẵn sàng đi theo kẻ môi giới/mua bán.

“Tôi đoán rằng Tết chính là thời điểm mà những kẻ mua bán người hoặc chủ nhà máy trả cho trẻ em một số tiền vì lúc đó bọn trẻ về nhà, khi có được một vài trăm hoặc một triệu
Nghiên cứu về mua bán trẻ em trai tại Việt Nam

đồng, gia đình các em nghĩ rằng “ồ, nhiều tiền thật” và khi đó các gia đình trẻ đã đi làm sẽ nói cho hàng xóm rằng “xem này, tôi có được một triệu đồng. Các em đi làm về thì diện quần áo mới. Vì vậy cha mẹ chúng rất tự hào vì những đứa con đã biết kiếm tiền cho gia đình nhưng họ không bao giờ biết được các em đã phải trải qua thời gian kinh khủng tại thành phố Hồ Chí Minh [bởi vì trẻ em không nói về điều đó]”

(PVS, đại diện tổ chức Phi chính phủ, nam giới, Hà Nội)

Các thủ đoạn để lừa gạt nạn nhân nam cho mục đích bóc lột lao động cũng tương tự như đối với nữ giới. Các nạn nhân thường được hứa hẹn sẽ được tìm cho một công việc tốt có thu nhập cao để có thể gửi tiền về nhà. Tuy nhiên, có vẻ như nhiều nạn nhân nam đã biết trước về điều kiện làm việc đang đợi phía trước vì các em cũng từng có anh em, họ hàng đã làm việc ở đó. Dường như các em không có sự lựa chọn nào khác cho một công việc phù hợp ngoại trừ làm việc cho các xưởng may tư nhân tại thành phố Hồ Chí Minh. Và khi các em đã đồng ý làm việc cho chủ, các em cảm thấy phải tuân theo các quy định và điều kiện làm việc do chủ đề ra. Các em không coi đó là bị bóc lột.

“Cháu phải làm việc phụ giúp gia đình. Vì chúng cháu muốn và đồng ý làm cho họ nên đấy không phải là bóc lột.”

(TLN, Nạn nhân, số 6, Huế)

Khi xét thấy gia đình gặp khó khăn về kinh tế, những kẻ mua bán có thể tạm ứng một số tiền mà gia đình cần đến. Thường thì số tiền tạm ứng này không quá lớn, chẳng hạn nếu một trẻ đi làm may một năm được trả tiền công là 6 triệu (290 USD) thì kẻ mua bán người có thể tạm ứng khoảng 1 triệu đồng (48 USD). Kẻ mua bán người thường tạm ứng cho gia đình trước lúc đón các em đi hoặc sau khi các em đi làm được một vài tháng. Lưu ý rằng, lương hàng năm của các em thường chỉ được trả vào dịp Tết.

Gia đình của các em thường tin tưởng vào những người môi giới hoặc chủ xưởng may khi họ đến tuyển dụng các em bởi vì những người này hoặc là người địa phương hoặc là người họ hàng, họ nghĩ họ đã tìm hiểu được về những điều kiện và nơi làm việc của các em. Ngoài ra, cha mẹ các em cũng không coi việc tạm ứng tiền trước khi cho các cháu đi làm là một phần trong quá trình mua bán người.

Như đã đề cập ở trên, hầu hết các em đi vào thành phố Hồ Chí Minh làm việc cho các xưởng may tư nhân đều có sự đồng ý của bố mẹ. Tuy nhiên, sự đồng ý này không có nghĩa là họ biết được chi tiết và chính xác điều kiện lao động của các em. Khi người sử dụng lao động nhận được sự đồng ý của cha mẹ các em, họ đã sử dụng nó làm điều kiện để kiểm soát các em tại nơi làm việc và bắt các em phải làm việc theo yêu cầu. Khi được hỏi về điều kiện làm việc, một em đã nói rằng “*Cháu phải làm việc vì cha mẹ cháu đã đồng ý gửi cháu làm việc ở đây*” hoặc “*Nếu cháu không làm cho họ, cháu sẽ không có tiền về nhà*”. Như vậy khi gia đình đồng ý cho con đi làm, có nghĩa em đó phải làm việc cho người chủ mà gia đình đã đồng ý. Điều đó có nghĩa rằng em không chỉ làm việc cho chủ của mình mà còn là làm việc cho bố mẹ, cho gia đình mình. Trách nhiệm của em là phải làm việc, trong một số trường hợp, điều đó được coi như là một “*sự hy sinh*” cho gia đình. Mặc dù vậy cũng vẫn có một số gia đình không cho con đi vào thành phố Hồ Chí Minh làm việc nhưng các em vẫn cứ kháng kháng đòi đi làm. Những trường hợp này thường đi với bạn bè hoặc người môi giới mà không báo cho gia đình biết cho đến khi các em vào đến nơi.

5.2.1.4: Đường đi và quá trình vận chuyển

Thông thường, các ông/bà chủ hoặc người môi giới sẽ đón một số em tại những địa điểm thuận lợi nhất. Tất cả các em thường đi qua 2 đến 3 điểm trung chuyển. Trước tiên các em đi từ nhà tới điểm trung tâm nào đó tại xã hoặc huyện, hoặc một thị tứ nào ở gần đó. Trong giai đoạn này, các em có thể đi một mình hoặc đi với bạn bè hoặc gia đình đưa đi. Chủ lao động hoặc người môi giới sẽ đón các em từ điểm tập trung này tới điểm đến bằng các phương tiện công cộng. Thông thường vẫn có một chuyến xe chạy thẳng từ các huyện tới thành phố Hồ Chí Minh. Nếu không có tuyến xe chạy thẳng từ quê các em, các em có thể được đưa ra tuyến đường quốc lộ nơi luôn có xe chạy thẳng tới điểm đến. Chẳng hạn, các em ở Nghệ An được đưa từ xã tới huyện, rồi được chở tới thành phố và từ đó các em được đưa thẳng đến thành phố Hồ Chí Minh. Hoặc như trường hợp ở Bắc Giang, em này đã được

đưa từ nhà tới trung tâm huyện sau đó em này và một người bạn đã được người môi giới đưa đến thành phố Bắc Ninh. Tại đây, các em đã được đưa thẳng tới thành phố Hồ Chí Minh. Ông chủ đã nhờ lái xe khách đưa các em này tới bến xe ở thành phố Hồ Chí Minh, tại đó, con trai của chủ đã chờ sẵn để đón các em.

5.2.1.5: Bóc lột

Điều kiện làm việc:

Trong nghiên cứu này, trẻ em chủ yếu làm việc cho các xưởng may tư nhân hoặc gia đình quản lý, ở đây thường có từ 10 đến gần 100 em làm việc. Phần lớn các em phải làm việc trên 8 tiếng một ngày, thậm chí có một số em phải làm từ 12 đến 16 tiếng.

Những em làm việc ở đây nói rằng các em phải làm thêm ít nhất từ 2 đến 3 giờ một ngày và các em không biết điều đó là trái pháp luật³². Hầu hết các em thừa nhận rằng điều kiện làm việc là “cực/ khổ” nhưng vẫn phải nghe theo với hy vọng ông/bà chủ hứa sẽ trả thêm tiền làm ngoài giờ. Các em nói rằng các em phải làm theo quy định của chủ.

“Cháu làm việc từ 7 giờ sáng tới 12 giờ trưa, đến trưa được nghỉ ăn trưa một tiếng rồi làm việc tiếp tới 7 giờ tối. Cháu ăn tối rồi làm việc tiếp từ 8 giờ tới 11 giờ 30 tối. Cháu thấy công việc cũng cực vì phải làm nhiều giờ nhưng cháu không nghĩ đấy là bóc lột vì chủ yêu cầu mọi người làm như nhau. Cháu có thể đi tìm việc khác nhưng cháu không thích.”

(TLN, nạn nhân nam, số 3, 16 tuổi, Huế)

Mặc dù điều kiện làm việc rất vất vả nhưng không em nào được trả thêm tiền công. Thỉnh thoảng các em được chủ cho ăn thêm bữa ăn ban đêm nhưng hầu hết thời gian làm đêm, các em không được trả bất cứ khoản phụ phí nào. Với tất cả em bị bóc lột lao động, thời gian làm việc như vậy là phổ biến và một số em chấp nhận làm như vậy nếu được trả thêm tiền công. Các em cho rằng chỉ khi chủ đã hứa trả tiền công làm thêm giờ mà không trả thì mới là bóc lột lao động.

Một vài em kể lại rằng thậm chí các em không được phép ăn trưa hoặc có rất ít thời gian để ăn trưa. Hầu hết các em phải làm việc ít nhất là 6 ngày một tuần. Vào những ngày cuối tuần hoặc vào chủ nhật, các em được nghỉ từ 16 giờ hoặc từ 18 giờ 30. Cũng có một số em được nghỉ nửa ngày thứ 7 hoặc chiều chủ nhật.

“Các cháu không được nghỉ chủ nhật. Nó phải làm việc cả ngày, ăn xong là làm mà không có ngày nghỉ. Chỉ đũa nào ốm thì mới được nghỉ.”

(PVS, cha mẹ nạn nhân, số 1, Nghệ An)

Các em thường bị mắng chửi nếu làm hỏng đồ hoặc không hoàn thành công việc như đã yêu cầu. Cũng có một số em bị đánh khi không hoàn thành công việc.

“Ông ấy đấm, đấm vào mặt em và chảy máu mũi. Em vào nhà tắm em rửa rồi ra làm tiếp. Lúc đó em tức quá xong em trốn, em trốn ra bãi tha ma em ngủ đêm ở đấy. Sáng hôm sau ông ấy tìm thấy rồi lôi về nhà ông ấy đánh tiếp.”

(PVS, nạn nhân nam, số 1, 17 tuổi, Bắc Giang)

Tất cả các em đều ngủ tại nơi làm việc. Nếu có cả trẻ em nam và trẻ em nữ tại xưởng may, các em sẽ được ngủ riêng từng khu. Các em ngủ ngay tại sàn nhà nơi làm việc. “Chúng cháu có chiếu ngủ hoặc cứ nằm úp thìa thành hàng. Chiếu và chăn để ngủ được chủ đưa cho và tính vào tiền công luôn.”

Hạn chế đi lại và giao tiếp:

Tất cả các em bị bóc lột sức lao động chia sẻ rằng các em phải làm việc cả tuần mà không có ngày nghỉ. Một số em được nghỉ nửa ngày cuối tuần. Ông/bà chủ chỉ cho các em nghỉ khi bị ốm nặng chứ những em bị mệt hay ốm nhẹ thì không được nghỉ. Trong một số trường hợp, chủ dọa các em nếu em nào giả vờ ốm.

“Em sợ hỏi ông bà ấy xin nghỉ vì ông bà ấy bảo trước đây có người giả vờ ốm rồi ông bà ấy đưa vào viện kiểm tra nhưng không phải, ông bà ấy bảo ông ấy tiêm cái nước gì ấy nên em sợ.”

(PVS, nạn nhân nam, số 1, 17 tuổi, Bắc Giang)

Nhiều em bị kiểm soát chặt chẽ và không cho phép giao thiệp với ai ngoài xưởng may. Các em không được sử dụng điện thoại. Và đồng thời các em không biết địa bàn nơi các em đang làm việc nên các em không thể trốn thoát được.

“Anh có hỏi các cháu là tại sao các cháu không trốn đi mà tìm công an? Các cháu nói là tìm không được và không biết đâu mà tìm, cứ ra ngoài là bị bắt.”

(PVS, công an, nam giới, Bắc Giang)

Một số em không được phép liên lạc với người bên ngoài. Ngoài ra, các em không được phép trở về nhà trước dịp Tết truyền thống. Chủ lao động giữ chân các em bằng cách giữ tiền lương cả năm của các em và chỉ trả trong dịp Tết. Nếu các em bỏ trốn khỏi nơi làm việc trước khi kết thúc hợp đồng, các em sẽ không được trả chút nào.

“Con tôi không trốn được vì nó còn nhỏ quá và không có cách nào để đi đâu. Người chủ không trả tiền thì cháu chẳng thể đi đâu vì không có tiền đi xe.”

(PVS, cha mẹ nạn nhân, số 2, Nghệ An)

Một số trẻ không được phép liên lạc với gia đình và gia đình cũng không có số điện thoại liên lạc nào tại nơi các em làm việc. Có em khi gọi điện về nhà cho bố mẹ thì chủ nhà sẽ đứng bên cạnh để giám sát.

“Vợ ông ấy đứng cạnh em khi em gọi điện về nhà. Vì vậy lúc em gọi cho anh trai em, anh ấy hỏi công việc thế nào, em bảo là tốt.”

(PVS, Nạn nhân, số 17, Bắc Giang)

Hầu hết các em được trả lương hằng năm vào dịp Tết, tuy nhiên số tiền lương này có thể bị trừ số tiền mà gia đình hoặc các em đã tạm ứng dần hoặc những chi phí khác như tiền thuốc men và quần áo. Nếu các em (cả trai và gái) bỏ trốn, các em gặp rủi ro là mất hết tiền lương cả năm. Điều đó có nghĩa là các em phải làm việc trong một thời gian dài mà không được trả gì trong khi gia đình các em ở nhà vẫn rất trông đợi vào nguồn thu nhập từ các em. Hơn thế nữa, gia đình các em cũng không biết chỗ nào khác để đến hay không tìm được bất kỳ công việc nào khác. Một số em được chủ trả tạm ứng các em muốn mua thêm đồ ăn vật hoặc quần áo. Tuy nhiên kể cả khi các em đã làm việc cho chủ một thời gian tương đối dài nhưng em đó cũng chỉ được tạm ứng một số tiền ít ỏi đủ để chi tiêu cho quần áo và ăn vật chứ không đủ cho tiền để mua vé xe vì phòng khi các em muốn bỏ trốn hoặc chuyển đến nơi làm việc khác.

“Ông ấy chỉ cho đủ tiền ăn và tiền mua mấy thứ khác thôi nhưng không nhiều. Nếu muốn về nhà thì phải xin mấy lần mới đủ; chẳng hạn, tháng này mình xin 3 trăm nghìn và tháng sau xin tiếp 3 trăm nghìn nữa thì mới tiết kiệm đủ tiền tàu xe. Thành thạo cháu bị ốm và cháu muốn mua quần áo, cháu xin một ít thì chủ vẫn cho. Sau đó cháu lấy tiền đó để mua vé về nhà.”

(PVS, nạn nhân số 4, 13 tuổi, Nghệ An)

Một số em được hỏi đã nói rằng em đã từng bỏ trốn nhưng bị bắt và bị chủ đánh không thương tiếc.

“Cháu cố bỏ trốn nhưng mà bị chủ ngăn lại. Ông ấy túm đầu cháu rồi đập vào tường rồi ông ấy đá vào đầu và lưng cháu. Sau đó ông ấy đưa hai đứa bọn cháu vào làm chỗ làm rồi cấm không cho bọn cháu ra ngoài”

(PVS, nạn nhân, số 4, 13 tuổi, Nghệ An)

Thu nhập:

Lương theo năm là phương thức chi trả điển hình nhất cho các em lao động tại xưởng may tại thành phố Hồ Chí Minh. Thu nhập của các em phụ thuộc vào độ tuổi và kinh nghiệm. Trung bình cho năm làm việc đầu tiên, các em được trả trong khoảng từ 3 đến 6 triệu đồng, và trong năm tiếp theo có thể tăng lên tới 9 đến 12 triệu. Đây là phần lương cứng mà chưa tính các khoản khác do chủ chi trả trực tiếp như thức ăn, chỗ ở. Tuy nhiên, khoản lương này

sẽ bị trừ số tiền đã tạm ứng trong thời gian các em lao động tại đó. Bằng cách chi trả này, các em làm việc giống như lao động để trả nợ. Thường thì cha mẹ nhận một khoản tiền tạm ứng khi các em quyết định đi lao động tại xưởng may, vì vậy các em phải làm việc theo yêu cầu của chủ.

Trong trường hợp trẻ lao động chỉ làm trong một vài tháng và bỏ việc, em đó sẽ không được nhận bất cứ một khoản tiền nào bởi vì em đó đã phá vỡ hợp đồng bằng miệng giữa gia đình và chủ.

5.2.1.6: Trở về và tái hóa nhập

Hầu hết các em trong nhóm này hiện đang sống với gia đình tại Huế, Nghệ An và Bắc Giang. Những người làm công việc giải cứu nạn nhân nói rằng khi giải cứu các em bị bóc lột sức lao động trong nước, khó khăn lớn nhất là việc tiếp cận các em. Trong nhiều trường hợp chủ xưởng may đó đã biết trước và chuyển các em đến chỗ khác hoặc đóng cửa xưởng đó. Các chủ lao động cũng thông báo cho nhau việc nhóm giải cứu đang đến để che dấu các em hoặc chuyển các em đi nơi khác. Vì thế, nhóm giải cứu phải làm việc rất khẩn trương. Nhóm giải cứu có nhiều thành phần khác nhau bao gồm cả chính quyền địa phương, công an, hoặc tư pháp hoặc nhà báo và cả những người có quan hệ, họ hàng với gia đình trẻ để yêu cầu chủ lao động trả các em về nhà. Lý do đưa ra để bắt chủ lao động trả các em về là việc sử dụng lao động trẻ em là bị pháp luật cấm và gia đình các em cũng muốn đón các em về. Một cán bộ tham gia nghiên cứu đã bày tỏ mối quan ngại rằng có rất ít cơ quan/tổ chức tham gia vào việc giải cứu nhóm các trẻ em bị bóc lột lao động trong nước.

Tất cả các em được phỏng vấn trong nhóm bị bóc lột sức lao động đã trở về với sự hỗ trợ của dự án phòng chống mua bán người hoặc các cơ quan Nhà nước, chẳng hạn như Công an hay Sở Lao động Thương binh và Xã hội đã tham gia bảo vệ và giải cứu các em bị mua bán. Đáng chú ý là 6 nạn nhân bị mua bán nội địa đã được giải cứu do một em đã trốn thoát và gọi điện về cho gia đình. Sau đó gia đình đã gọi điện tới đường dây nóng để nhờ sự giúp đỡ từ các cơ quan hữu quan. Trong suốt thời gian làm việc tại thành phố, một vài em đã cố gắng bỏ trốn một hoặc hai lần nhưng lại bị bắt trở lại và bị đánh đập dã man để ngăn các em có ý định bỏ trốn tiếp.

Tại Huế, tất cả các trường hợp mua bán nội địa (20) được một Dự án phòng chống lao động trẻ em hỗ trợ. Các em được hỗ trợ học phí, quần áo, sách vở, tiền ăn và cả bảo hiểm trong nhà trường để các em có thể tiếp tục trở lại học tập tại quê mình vì các em vẫn trong độ tuổi đi học (từ 13 đến 16 tại thời điểm nghiên cứu). Một trường hợp không thể tiếp tục đi học, dự án đã gửi em đó tới trường dạy nghề ở thành phố lớn trong 6 tháng. Em này đã quay trở lại nhà để tìm việc (tại thời điểm nghiên cứu vào cuối tháng 12 năm 2010). Ngoài ra, dự án này đã phối hợp với các chương trình tín dụng của tỉnh, hỗ trợ một khoản vay và tập huấn cho các hộ gia đình nạn nhân nghèo để tăng thu nhập (nuôi cá). Như vậy, gói hỗ trợ của dự án Phòng chống lao động trẻ em này bao gồm cả giáo dục hoặc đào tạo nghề để phòng tránh việc các em quay trở lại thành phố lao động.

Tại các tỉnh tiến hành nghiên cứu này, tập huấn đào tạo nghề chỉ cho một vài loại hình công việc. Các nạn nhân phải ra các thành phố lớn như Hà Nội, Huế, Đà Nẵng hay Hồ Chí Minh để có thêm lựa chọn công việc cho việc học nghề. Đối với các em nam thì việc này tương đối khó vì các em là nguồn lao động chính để hỗ trợ gia đình. Hầu hết các em đều thích lựa chọn việc vừa học vừa làm tại địa phương.

Điều thú vị là tất cả các nạn nhân được phỏng vấn đều nói rằng các em sẽ chấp nhận làm xa nhà lần nữa. Các em biết rằng có rất nhiều cơ hội việc làm tại thành phố có thể giúp các em kiếm tiền và học hỏi thêm. Tuy nhiên, hầu hết các em nói sẽ phải tìm kiếm các thông tin thật cẩn thận về nơi đến, chi tiết công việc và điều kiện làm việc. Chỉ khi nào các em có đủ thông tin về địa chỉ và người chủ lao động và điều kiện công việc các em sẽ làm thì các em mới quyết định đi làm – điều này thể hiện sự thay đổi lớn trong nhận thức của các nạn nhân về vấn đề di cư an toàn để phòng tránh mua bán người.

5.2.1.7: Phân tích giới

Các cuộc thảo luận nhóm và phỏng vấn với cha mẹ và các nạn nhân đã trở về cho thấy trẻ em nữ được coi là đối tượng dễ bị mua bán hơn trẻ em nam. Khi được hỏi về mua bán người, họ chỉ đề cập tới mua bán phụ nữ và trẻ em gái. Thậm chí cả các cơ quan liên quan cũng tập trung các hoạt động vào đối tượng phụ nữ dường như với định kiến rằng chỉ phụ nữ là nạn nhân bị mua bán. Trong nhiều tình huống, một số cán bộ bỏ qua khả năng nam giới có thể bị mua bán và kết quả là đã loại nam giới ra khỏi việc nhận diện, hỗ trợ và bảo vệ (Dottridge trích dẫn trong Surtees, 2008). Vì thế, cha mẹ và bản thân trẻ đã quyết định một cách dễ dàng để các em trai di cư rời xa gia đình.

Những thành viên trong gia đình, một số cán bộ và bản thân nạn nhân cũng thường nghĩ rằng nữ giới có nhiều rủi ro hơn nam giới vì họ thường liên tưởng tới những rủi ro bị lạm dụng tình dục và coi nữ giới dễ gặp nguy cơ hơn nam giới khi đi xa nhà. Về mặt văn hóa, nam giới được gia đình và xã hội coi là người khỏe hơn nữ giới, vì thế nam giới được hiểu là sẽ gặp ít rủi ro hơn nữ giới. Điều đó dẫn tới nhận thức rằng khi trẻ em nam đi xa nhà và làm việc gì đó giúp gia đình thì ít có khả năng bị lạm dụng hay bóc lột hơn. Một số thành viên trong cộng đồng khi được phỏng vấn cũng không thể hình dung được rằng nam giới có thể bị mua bán. Những người này thường nghĩ rằng mục đích của mua bán người chỉ là mai dâm hoặc kết hôn. Tuy nhiên, trẻ em nam và cha mẹ trẻ cũng nhận thức được rằng cả trẻ em nam và nữ có thể đối mặt với nguy cơ bị bóc lột lao động. Tuy vậy, họ thực sự muốn có việc làm để kiếm tiền nên đã quyết định đi làm việc mà không cân nhắc kỹ về những điều kiện làm việc.

Các trẻ em nam và nữ được hỏi trong TLN đã đưa ra những những lý do khác nhau để rời khỏi nhà. Hầu hết các em nữ di cư đi làm để kiếm thêm thu nhập giúp đỡ gia đình và tìm việc làm ổn định. Lý do đó cũng đúng với trẻ em nam, tuy nhiên các em nam còn muốn khám phá thế giới bên ngoài hoặc muốn chứng tỏ bản thân mình.

“Phải nói một cách khách quan, hầu hết các cháu (những trẻ bị mua bán) đều nhác học, một số đi làm theo mùa vụ và một số thậm chí bỏ học đi làm may.”

(PVS, lãnh đạo xã, Huế)

Liên quan tới điều kiện sống và làm việc, chủ lao động đối xử với lao động nam và nữ như nhau. Cả các em nam và nữ nói rằng các em phải làm việc công việc nặng nhọc như nhau, hoặc chịu hình phạt giống nhau nếu chủ không hài lòng. Tuy nhiên, những em trai bị lạm dụng thì thường cố gắng bỏ trốn trong khi các em gái lại không vì các em trai chủ động hơn trong việc bỏ trốn và mạnh bạo hơn các em gái

Khi được hỏi về nhu cầu hỗ trợ giữa các em trai và em gái, cả cha mẹ và bản thân các em nói rằng nhu cầu đó là như nhau. Cha mẹ đều muốn con cái của mình tiếp tục đi học tại nhà trường hoặc tham gia các chương trình đào tạo nghề để có việc làm ổn định.

5.2.1.8: Kết luận

Những kết quả ở tỉnh Nghệ An cho thấy một số gia đình không thể chi trả cho việc học hành và sinh hoạt hằng ngày cho con cái họ được, vì vậy nhu cầu đi kiếm tiền là bước đầu tiên đẩy các em nam vào quá trình di cư và đối mặt với rủi ro bị mua bán. Nhiều em đi khỏi gia đình với mong muốn kiếm tiền phụ giúp gia đình, với ý định tìm hiểu về thế giới bên ngoài, để chứng tỏ bản thân mình hoặc tìm kiếm các cơ hội khác.

Cả gia đình và bản thân nạn nhân đều có ít hiểu biết về di cư an toàn và mua bán trẻ em trai. Một số gia đình nói rằng nhiều trẻ em nam đã trải qua những điều kiện bóc lột lao động nhưng họ cũng nghĩ rằng mua bán người chỉ có thể xảy ra với phụ nữ và trẻ em nữ vì họ cho rằng mua bán người chỉ xảy ra khi bị mua bán ra nước ngoài.

Các gia đình và nạn nhân bị mua bán trong nước vì mục đích bóc lột lao động chỉ coi việc lừa gạt và bóc lột lao động như là gian lận hoặc lạm dụng mà thôi. Trong nghiên cứu này, hầu hết những em bị bóc lột lao động chủ yếu làm việc cho các xưởng may do tư nhân hoặc gia đình quản lý, nơi mà các em phải làm việc trên 12 tiếng một ngày. Trong số các nạn nhân, nhiều em biết điều kiện làm việc trước khi di cư ra thành phố, tuy nhiên dưới áp lực của việc kiếm thu nhập, các em phải chấp nhận làm việc trong điều kiện như vậy.

5.2.2: Lao động ở nước ngoài

5.2.2.1: Thông tin cơ bản

Nghiên cứu này đã xác định được 7 em bị mua bán ra nước ngoài vì mục đích bóc lột lao động. Trong số đó, có 6 em là người dân tộc Dao ở huyện Mường Khương tỉnh Lào Cai bị bán sang Trung Quốc và một em người Mường ở Thanh Hóa bị bán sang Căm Pu Chia. Trong số các nạn nhân, em trẻ nhất 14 tuổi và nhiều tuổi nhất là 18 tuổi lúc bị mua bán. 5 em ở Mường Khương sống cùng một làng đã bị lừa bán sang làm tại lò gạch ở Trung Quốc còn 2 em khác đã được giải cứu trên đường tới điểm đến. (Thanh Hóa một trường hợp và một trường hợp còn lại ở một xã khác của huyện Mường Khương tỉnh Lào Cai).

Trong tổng số 7 em thì có 5 em học gần xong cấp 2, những em còn lại đang học lớp 8 trước khi bị lừa bán. Hầu hết các em đã nghỉ học được một hoặc hai tháng trước khi các em rời nhà đi và sau đó bị lừa bán sang nước ngoài. Hiện tại tất cả những em này đang sống cùng gia đình. Hai em đã có kết hôn và có một con.

Huyện Mường Khương nằm giáp với biên giới Trung Quốc, người dân ở đây thường xuyên đến chợ biên giới để trao đổi hàng hóa và tìm kiếm việc làm. Trong một đánh giá nhanh về lao động di cư tự do và mua bán người qua biên giới giữa Việt Nam – Trung Quốc do Trung tâm nghiên cứu Lao động Phụ nữ và Giới thuộc Viện Khoa học Lao động và Xã hội cùng với tổ chức Lao động quốc tế thực hiện năm 2009 đã chỉ ra rằng: *“Nói chung, lao động di cư không gặp mấy khó khăn để tìm kiếm việc làm qua biên giới. Những người có bạn bè hay họ hàng ở Trung Quốc được những người môi giới hướng dẫn tìm kiếm việc làm có điều kiện tốt hơn. Những người đi một mình tới chợ để tìm việc sẽ gặp rất nhiều rủi ro bị lừa hoặc bị ép làm việc trong điều kiện bị bóc lột.”*

5.2.2.2 Các yếu tố góp phần bị mua bán người

Thiếu cơ hội việc làm và tăng thu nhập:

Những người tham gia nghiên cứu cho biết tại những xã miền núi không có nhiều cơ hội việc làm. Công việc chính chỉ tạo ra thu nhập thấp đó là làm nông nghiệp.

Một nạn nhân ở Lào Cai nói trước khi em này bị lừa, em và bạn bè của em này đã có mong muốn tìm việc làm để phụ giúp gia đình. Vì vậy khi các em được một người họ hàng nói về một công việc mới, nạn nhân này và bạn bè đã rất vui và quyết định đi với người họ hàng này ngay ngày hôm sau.

“Lúc đấy, bạn em nói là đến đó (Trung Quốc) xem là có kiếm được tiền không. Với lại lúc đó nhà em cũng nghèo, nên lúc bạn em rủ đi theo bà cô của nó, em cũng đi cùng luôn.”

(PVs, nạn nhân nam, số 4, 16 tuổi, Lào Cai).

Hơn nữa, các em trai này không hề đề phòng với lời đề nghị hấp dẫn như vậy:

“Bà ấy nói là làm việc ở đấy lương cao lắm, bà nói là 1500 tiền Trung Quốc (tương đương với 230 USD) cho một người một tháng, bà nói công việc không vất vả đâu vì thế 5 thằng bọn em đi cùng với bà ấy.”

(PVS, nạn nhân nam, số 4, 16 tuổi, Lào Cai)

Nhận thức và thực hành về di cư an toàn và rủi ro bị mua bán thấp:

Các em trai đã nói rằng chưa bao giờ nghĩ tới việc phải chuẩn bị hay có một sự chuẩn bị đặc biệt nào cho mình trước khi đi để đảm bảo sự an toàn cho mình. Cách thức di cư an toàn có thể bao gồm cả việc xác định những người có thể liên lạc và số điện thoại trong trường hợp khẩn cấp, ký hợp đồng lao động hoặc mang theo một ít tiền phòng thân để có thể chi trả khi quay trở về nhưng các nạn nhân đã không có một sự chuẩn bị phù hợp. Khi kẻ môi giới đưa ra một lời đề nghị hấp dẫn là tới Trung Quốc làm việc, các em đã không có một chút nghi ngờ nào. Không em nào có bất cứ kinh nghiệm hay kỹ năng nào để có được một công việc có lương hấp dẫn như vậy. Công việc các em muốn làm là san đất, làm đất hay trồng chuối ở khu vực gần biên giới và các em cho rằng khó có mức lương cao như vậy cho các cơ hội có được bên kia biên giới. Các em không mang theo thứ gì ngoài mấy bộ quần áo.

Trên đường tới điểm đến, 5 em này đã nhanh chóng bị mất phương hướng. Các em chỉ biết đường tới biên giới vì trước đó cũng chưa bao giờ sang Trung Quốc. Do đó, khi các em tới biên giới, các em phải đi theo sự chỉ dẫn và yêu cầu của người môi giới.

Rõ ràng là các em có hiểu biết rất kém về những rủi ro của việc bị bóc lột và mua bán. Các em chia sẻ rằng lúc đó các em chưa bao giờ nghĩ về “*mua bán người*”. Tất cả các em cũng không coi mình đã bị mua bán mà chỉ thấy là mình bị lừa gạt về loại công việc và điều kiện làm việc.

Dường như các em đã không thể hình dung ra những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra khi các em đi qua biên giới làm việc. Chính 5 em này đã bị người nhà của một em lừa gạt, nạn nhân đó đã cho biết chỉ khi các em bị chuyển qua tới người môi giới thứ 3 thì các em mới bắt đầu nghi ngờ:

“Khi họ đưa chúng cháu lên tàu tới Côn Minh, chúng cháu bảo nhau rằng, có khi mình bị lừa rồi, chúng cháu tự hỏi liệu có thể quay về Việt Nam được nữa không?”

(PVS, nạn nhân nam, số 4, 16 tuổi, Lào Cai).

Khi các em tới điểm đến (lò gạch), một người dân tộc Dao (Trung Quốc) khác cũng bị mua bán tới lò gạch đó đã nói cho các em biết là các em đã bị bán cho chủ ở đây. Ông chủ đã trả 30.000 Nhân dân tệ, tương đương với 4,615 USD³³ (tại thời điểm nghiên cứu) để mua 5 em này.

Cha mẹ các em cũng như các em không hề biết những thủ đoạn mà những kẻ môi giới sử dụng để lừa các em.

“Con chú còn trẻ quá nên nó không biết là bị lừa đâu, chú cũng thế mà.”

(PVS, bố nạn nhân, số 4, 44 tuổi, Lào Cai).

5.2.2.3 Cách thức tuyển dụng

Bảy nạn nhân nam này đều do người quen hoặc họ hàng tuyển dụng. Đối với 5 em nam làm việc tại lò gạch, kẻ môi giới chính là bà cô của một nạn nhân. Bà này là người Hoa gốc Việt đã kết hôn với một người Trung Quốc và sinh sống tại đó. Mặc dù sống tại Trung Quốc, nhưng người phụ nữ này thỉnh thoảng vẫn về thăm và liên lạc với họ hàng. Năm 2007, người môi giới đã trở về làng và nói với một em là muốn tuyển thêm một số em khác nữa để sang Trung Quốc làm việc với mức lương rất cao. Nghe vậy, em này đã báo với các bạn bè mình trong làng. Khi người môi giới nói với các em về mức lương cao như vậy, các em đã đồng ý đi với bà này ngay trong ngày hôm đó. Mặc dù đây là lần đầu tiên đi tìm việc ở nước ngoài nhưng người môi giới đã bảo các em là không phải mang bất cứ cái gì theo ngoài quần áo. Đầu tiên bà này đã đưa các em tới nhà mình tại Trung Quốc sau đó chuyển qua hai người môi giới khác để tới lò gạch ở một nơi hẻo lánh.

Em bị bán sang Cẩm pu chia đã bị chính người chủ lao động của mình lừa đưa đi làm (cắt lúa) tại đồng bằng sông Cửu Long. Ông chủ em này đã đưa em tới thẳng Cẩm pu chia và để em ở đây với 2 em trai và 3 em gái khác trên một khu đất cô lập, nơi các em phải làm các công việc nông nghiệp ở đó.

5.2.2.4 Quá trình và con đường vận chuyển

Tất cả các nạn nhân đều vượt qua biên giới trái phép mà không có loại giấy phép thông hành nào. Các chi phí vận chuyển và chi phí khác đều do chủ hoặc người môi giới chi trả. Cả 5 em bị bán sang Trung Quốc được vận chuyển bằng xe khách tới biên giới sau đó đi qua biên giới và khi tới Trung Quốc, các em di chuyển bằng tàu và ô tô tới điểm đến. Phải mất tới 3 ngày sau khi vượt qua biên giới để tới được lò gạch.

Trong suốt chuyến hành trình đầu tiên, bà cô của một trong những nạn nhân này đã đi cùng với các em tới Trung Quốc. Tại đây, các em đã được vận chuyển qua hai điểm trung chuyển. Tại mỗi điểm trung chuyển đó là một người môi giới khác nhau dẫn đường. Tổng cộng, các em được vận chuyển qua 3 người môi giới trước khi tới nơi.

“Chú về mới biết là bà ấy đưa bọn nó đi Trung Quốc. Đến đấy, nó đưa cho thằng con rể ở thôn Pan Hoa Chai rồi lại bán tiếp lên trên.”

(PVS, bố nạn nhân nam, số 5, 41 tuổi, Lào Cai)

Em bị bán sang Campuchia cũng bị đưa qua biên giới trái phép mà không có bất cứ giấy tờ gì. Hai thanh niên và 3 cô gái bị bán cùng với em này tuổi từ 18 đến 20. Các em đã di chuyển bằng thuyền để đến đây.

5.2.2.5 Bóc lột sức lao động

Điều kiện làm việc:

Năm nạn nhân kể lại rằng các em phải làm việc với nhiều giờ mỗi ngày trong những điều kiện rất khổ. Cả 5 em sống và làm việc với những nạn nhân Trung Quốc khác cùng tại lò gạch này ở một khu vực hẻo lánh. Tại đây, các em phải làm việc từ 6 giờ sáng tới 6 giờ tối. Hằng ngày các em phải đóng gạch, chuyển gạch vào lò và làm các việc khác được giao.

“Nếu trời không mưa cả ngày, thì bọn cháu vẫn làm tiếp. Lúc cho gạch lên xe và xuống xe rồi kéo vào lò gạch để đốt rất là mệt. Lúc bán gạch, cháu phải xếp gạch lên xe và đẩy xe gạch đấy – rất là mệt. Mỗi người ở đây phải đóng 3000 viên một ngày – công nhân phải làm từ sáng sớm tới tối.”

(PVS, nạn nhân nam, số 1, 18 tuổi, Lào Cai)

Các em không chỉ phải làm việc nhiều giờ mà còn bị ép làm việc không có ngày nghỉ. Các em cảm thấy không có bất cứ cơ hội nào để trao đổi để thay đổi điều kiện làm việc. Hơn thế nữa, đôi khi các em bị đánh nếu làm việc chậm hoặc mắc lỗi.

“Lúc đầu, họ hướng dẫn tử tế, sau đó nếu ai mà không chịu làm là họ đánh. Có hôm, trời đang mưa, cháu và đứa bạn không che gạch, ông chủ chạy ra quát mắng và nhổ nước bọt vào mặt cháu, sau đó bọn cháu chạy đi rồi quay lại sau khi ông ấy che gạch xong.”

(PVS, nạn nhân nam, số 1, 18 tuổi, Lào Cai)

Điều kiện sống:

Mỗi tuần, ông chủ cho mỗi em 50 Nhân dân tệ (7,69USD) để các em chi tiêu cho thực phẩm và những thứ cần thiết khác. Các em chi tiêu tất cả số tiền đó để mua thức ăn vào buổi sáng từ một người bên ngoài chuyên bán thực phẩm cho lao động ở đây. Các nạn nhân tự nấu ăn và trang trải số tiền ít ỏi đó cho đủ cả một tuần. Các em sống trong lều trại gần nơi làm việc. Các em không có thời gian cũng như không có bất kì hình thức giải trí nào ngoài việc nghỉ ngơi vào buổi tối.

“Cháu quá mệt nên chẳng thể đi đâu vào buổi tối được, với lại cháu không biết đi đâu vì xung quanh toàn là rừng và núi thôi”

(PVS, nạn nhân nam, số 2, 18 tuổi, Lào Cai)

Chính sự mệt mỏi, không hiểu biết về điều kiện địa hình, lại ở nơi hẻo lánh cộng với việc không biết ngôn ngữ địa phương đã khiến các em gặp khó khăn trong việc liên lạc với thế giới bên ngoài. Người bán thực phẩm vào buổi sáng là người duy nhất các em có thể liên lạc với bên ngoài.

Kiểm soát chặt chẽ/hạn chế đi lại:

Tất cả các em đều cho biết các em chịu sự quản lý chặt chẽ trong việc đi lại. Các em bị chủ giữ bên trong nơi làm việc, không được phép ra ngoài. Không ai trong số các em có thể nói tiếng Trung Quốc vì vậy các em chỉ có làm việc và ngủ tại nơi làm việc đó mà không liên lạc được với bên ngoài. Ngoài rào cản về ngôn ngữ thì sự kiểm soát giống như bị giam lỏng mà chủ đưa ra cũng là một rào cản lớn.

“Có bảo vệ ở chỗ làm mà, nếu ai bỏ chạy là bị đánh. Khi F (nạn nhân số 5) bỏ trốn, nó thấy có 4 hay 5 người cầm gậy và đi tìm nó ở bến xe. Vì lúc ở bến xe trời vẫn sáng nên nó may mắn không bị phát hiện nên nó trốn vào rừng một đêm rồi sáng hôm sau ra bắt xe”

(PVS, cha mẹ nạn nhân, số 5, Lào Cai)

Chủ lò gạch dọa sẽ phạt các em nếu em nào có ý định bỏ trốn. Các nạn nhân này cũng khẳng định là các em sẽ bị công an địa phương bắt vì không có giấy tờ hợp pháp nào. Vì thế các em không dám ra ngoài hoặc liên lạc với người bên ngoài để giúp đỡ.

“Họ không cho bọn cháu ra ngoài. Ngày mưa thì có thể ra ngoài nhưng không được ra ngoài trong lúc làm việc. Họ nói là công an sẽ bắt tội cháu vì không có giấy tờ và tiền để thả bọn cháu (từ chỗ công an giam giữ)”

(PVS, Nạn nhân số 1, 18 tuổi, Lào Cai)

Thu nhập:

Không có nạn nhân nào nhận được bất cứ khoản tiền nào khác ngoài số tiền 50 Nhân dân tệ được cấp cho chi tiêu sinh hoạt một tuần. Các em cũng chưa bao giờ nhận được số tiền lương hàng tháng như đã hứa là 1500 Nhân dân tệ (230 USD) cho 3 tháng làm việc tại đây. Chủ lao động đã khẳng định số tiền lương đó được chi cho tiền đi lại cho các em đi sang từ Việt Nam.

“Lúc cháu hỏi tiền lương, chủ nói là không đủ (chi trả) tiền đi lại từ nhà tới đây. Vì thế cháu không hỏi thêm nữa”

(PVS, Nạn nhân số 1, 18 tuổi, Lào Cai)

Công việc rất cực nhọc, tất cả các em đều mong muốn trốn thoát nhưng số tiền hàng tuần các em nhận được không đủ để trở về nhà. Do vậy khi trở về đến nhà, các nạn nhân đã không có tiền để làm lại cuộc sống.

“Con chú nói là nói bị lừa đi làm – họ hứa là có rất nhiều tiền nên nó đi theo ngay vì chẳng ai không thích tiền mà. Nó bị lừa và lúc trở về thì không có tiền vì chủ giữ hết”

(TLN, cha mẹ chạn nhân, Lào Cai)

5.2.2.6 Trở về và tái hòa nhập

Tất cả các em ở Lào Cai đều tự trở về với sự giúp đỡ của một số cá nhân cùng dân tộc đang làm việc tại Trung Quốc.

Các em đã chia làm hai nhóm riêng biệt. Bằng cách tiết kiệm từ số tiền ít ỏi hàng tuần, hai em đã trốn thoát với sự giúp đỡ và hướng dẫn của một nạn nhân người Dao ở Trung Quốc. Các em phải đi ô tô mất một tuần để tới được biên giới. Để về được đến biên giới, các em đã phải chuyển qua khoảng 10 tuyến xe khách. Trên đường về, các em đã phải dừng lại dọc đường để làm thêm kiếm tiền mua vé xe khách. Các em đi thuyền để vượt qua biên giới trở về. Sau đó khoảng một tuần, những em còn lại cũng trở về bằng cách tương tự cùng với sự giúp đỡ của nạn nhân người Dao ở Trung Quốc. Tổng cộng, các em phải đi mất khoảng 2 tuần để trở về nhà mình.

Hai nạn nhân đã trốn thoát trên đường tới điểm đến đã nhận được sự giúp đỡ của biên phòng và công an Trung Quốc và Campuchia. Đối với em bị bán sang Trung Quốc, em này đã tự chạy đến đồn công an và sau đó bị giữ lại một tháng trước khi được gửi trả về biên phòng Lạng Sơn. Nạn nhân này cho biết trong thời gian em này ở đồn công an Trung Quốc, em đã được đối xử tốt.

Điều đáng lưu ý là những nạn nhân nam trở về năm 2007 đã không được luật pháp công nhận đó là nạn nhân. Các nạn nhân đều đã hơn 16 tuổi khi trở về Việt Nam. Tại thời điểm đó, Luật hình sự chỉ đề cập đến các trường hợp mua bán phụ nữ và trẻ em³⁴. Tuy nhiên, một năm sau, được sự hỗ trợ của một tổ chức quốc tế đang hoạt động tại Lào Cai, tất cả 5 nạn nhân đã nhận được một gói hỗ trợ cho nạn nhân thông qua Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Lào Cai. Các em đã được tập huấn về kỹ năng sống bao gồm cả kỹ năng giao tiếp, tập huấn về trồng trọt và chăn nuôi gia súc, được tư vấn tâm lý cũng như kiểm tra sức khỏe và xét nghiệm HIV tự nguyện. Khóa tập huấn này kéo dài một tháng. Mỗi em cũng đã được nhận 2 triệu Đồng hỗ trợ ban đầu để mua gia súc giống và xây chuồng nuôi gia súc. Sự hỗ trợ này dành cho cả nạn nhân nam và nữ này là kết quả của sự kết hợp huy động các nguồn kinh phí từ các chương trình ở địa phương, gồm cả xóa đói giảm nghèo và của Tổ chức quốc tế. Điều đó cho thấy nguồn kinh phí lúc đầu chỉ nhằm hỗ trợ các phụ nữ và trẻ

em, đã được mở rộng để hỗ trợ thêm nạn nhân nam giới. Tại thời điểm nghiên cứu, có 3 em đang làm nông nghiệp tại nhà, một em đi bộ đội và một em đi xuất khẩu lao động tại Malaysia.

Trường hợp bị bán sang Campuchia đã được hỗ trợ ăn ở, kiểm tra và tư vấn sức khỏe trong thời gian ở tại điểm tiếp nhận/trung tâm hỗ trợ tại đồn biên phòng cũng như được hỗ trợ tiền đi lại theo quy định của Quyết định 17. Nạn nhân ở Lào Cai (số 6) cũng được hỗ trợ tương tự như vậy trong thời gian ở đồn biên phòng. Ngoài ra, nạn nhân bị bán sang Campuchia còn được hỗ trợ ban đầu 1 triệu đồng từ Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh.

Khi được hỏi về nhu cầu hỗ trợ tái hòa nhập, 3 em ở Lào Cai bày tỏ mong muốn được học kỹ năng nghề. Các em muốn học nghề sửa chữa xe máy nhưng loại hình này lại không có ở trường đào tạo nghề của tỉnh.

5.2.2.7 Phân tích giới

Hầu hết đối tượng tham gia nghiên cứu và nạn nhân cho rằng trẻ em trai thường bị mua bán vì mục đích bóc lột sức lao động. Khi trở về cộng đồng, các em cũng ít bị cộng đồng phân biệt vì cộng đồng không nghĩ các em có thể bị bóc lột và lạm dụng tình dục. Hơn thế nữa, những chuẩn mực xã hội về “trinh tiết” của con trai không được coi trọng như đối với con gái. Những nạn nhân ở Lào Cai nói rằng các em không hề phải chịu bất cứ sự phân biệt nào trong cộng đồng. Các em thậm chí còn nhận được sự thông cảm vì đã bị lừa đi làm trong điều kiện cực nhọc ở Trung Quốc.

Trái lại, nạn nhân nữ bị mua bán lại chịu sự kỳ thị của người dân trong làng. Em gái của một nạn nhân nam cũng bị bán sang Trung Quốc đã chia sẻ rằng:

“Lúc em về, họ (người dân trong làng) bàn tán rất nhiều về em. Họ nói em bị lừa đi làm gái mại dâm. Lúc đấy em cũng buồn lắm nhưng mà em phải sống chứ. Một năm sau thì người ta cũng ít nói hơn. Bố mẹ em cũng khuyên em phải cố gắng mà chịu những lời đó”

(PVS, Em gái nạn nhân, số 1, 16 tuổi, Lào Cai)

Cán bộ địa phương báo cáo rằng những hỗ trợ cho nạn nhân nam và nữ là như nhau. Thậm chí, cán bộ tại Lào Cai đã cố gắng thiết kế một chương trình đào tạo nghề riêng dành cho nam, chẳng hạn như khóa đào tạo vừa học vừa làm về trồng trọt và chăn nuôi gia súc tại địa phương. Ở đây, không có nhiều sự lựa chọn học nghề và cơ hội việc làm phù hợp với nhu cầu của các em. Điều đáng lưu ý là chưa có tiền lệ hỗ trợ nạn nhân nam từ trước năm 2008, những hỗ trợ cho các nạn nhân nam này dựa trên kinh nghiệm mà địa phương đã hỗ trợ cho nạn nhân trẻ em gái/phụ nữ.

5.2.2.8 Kết luận

Tìm hiểu trước về điểm đến hoặc đường đi là một trong những cách để giảm rủi ro bị bóc lột hay bị mua bán, tuy nhiên, không phải nạn nhân nào cũng có đủ các thông tin đó mặc dù họ phải đi qua biên giới. Tương tự đối với trẻ em bị mua bán nội địa, hầu hết các em rất thiếu hiểu biết về di cư an toàn và nguy cơ bị mua bán.

Đói nghèo và thất nghiệp là những lý do chính khiến các em dễ bị tổn thương và bị mua bán. Trước khi tiếp xúc với người môi giới, các em cũng đã tính tới việc đi làm ăn xa. Bằng những cơ hội việc làm đầy hứa hẹn, kẻ môi giới đã dễ dàng thuyết phục được các em đi theo.

Hầu hết các em đã đi qua biên giới trái phép với kẻ môi giới, điều đó khiến các em bị kẻ môi giới đe dọa và hạn chế khả năng tìm kiếm sự giúp đỡ của các em. Các em đã không có sự chuẩn bị cụ thể nào trước khi đi và nhanh chóng mất phương hướng trên đường đi. Tất cả những yếu tố đó đã giúp cho kẻ môi giới và chủ sử dụng lao động kiểm soát và giảm thiểu khả năng tìm kiếm sự giúp đỡ từ bên ngoài của các em.

5.2.3: Bán hàng rong

5.2.3.1 Thông tin cơ bản

Nghiên cứu này đã tiếp cận được bốn em ở huyện Quảng Xương tỉnh Thanh Hóa bị bắt làm trẻ ăn xin và một em ở Huế bị bắt đi bán hoa. Tại thời điểm bị mua bán, có 1 em bị làm công việc này lúc 8 tuổi, 1 em lúc 12 tuổi và 3 em khác khoảng 15 tuổi và trên 15 tuổi.

5.2.3.2 Các yếu tố góp phần bị mua bán người

Ba trong số bốn em tại Thanh Hóa đã bỏ học sớm hơn so với các bạn cùng trang lứa. Hai em đã rời nhà đi làm khi mới chỉ 8 tuổi khi phải chịu đựng áp lực rất lớn để kiếm tiền hỗ trợ cho gia đình. Các em cùng có chung áp lực kiếm tiền tương tự như những em làm việc cho các xưởng may đã đề cập ở phần trên.

“ Nhà cháu nghèo quá, anh trai thì bị bệnh nên cháu muốn giúp mẹ. Lúc đó cháu mới 8 tuổi”

(PVS, nam nhân nam, số 1, 12 tuổi, Thanh Hóa)

Nghỉ học và không có việc làm tại địa phương đã thúc đẩy các em đi kiếm việc làm và thu nhập. Trong quá trình di cư và tìm kiếm việc làm, do sự thiếu hiểu biết về những nguy cơ và không có hành vi tự bảo vệ đã khiến cho các em bị lạm dụng hoặc bị mua bán bằng những cách khác nhau.

Trong số 4 em ở Thanh Hóa, 2 em đã rời nhà đi làm lúc 15 tuổi. Khi trao đổi với những nạn nhân bị mua bán, cha mẹ và bạn bè các em cho thấy các em muốn kiếm được tiền khiến cho các em đi tìm các cơ hội việc làm. Khi thấy bạn bè đi làm trở về có quần áo và những món đồ đẹp, mong muốn đi làm kiếm việc làm tại thành phố tại tầng cao. Có hai em vẫn nhất định đòi đi làm mặc dù cha mẹ không đồng ý. Các em đã bí mật trốn đi theo sự rủ rê của những kẻ môi giới.

Các em không mang theo tiền và giấy tờ tùy thân mà chỉ có một vài bộ quần áo. Trên đường đi, các em được người môi giới hoặc chủ lao động chi trả tiền ăn và đi lại.

5.2.3.3 Phương thức tuyển dụng

Trong tất cả các trường hợp, kẻ môi giới và chủ lao động đều hứa với các em sẽ có những việc làm tốt và rủ các em đi cùng với họ. Như đã đề cập ở trên, hai em 15 tuổi thậm chí còn không biết mình sẽ làm công việc gì tại điểm đến. Người chủ đã hứa sẽ trả các em 1.500.000 Đồng một tháng tại thời điểm năm 2007 cùng với quần áo đẹp, do vậy các em đã sẵn sàng đi cùng với chủ. Cũng có trường hợp các em đã được cho biết trước là sẽ đi bán vé số. Có một trường hợp mẹ của nạn nhân đã được nhận 300.000 Đồng trước khi em này rời nhà đi làm.

5.2.3.4 Đường đi và quá trình vận chuyển

Hai em ở Thanh Hóa đã cùng một em trai khác trốn khỏi nhà vào buổi tối đã tập trung lại cùng nhau và sau đó đi theo người môi giới.

Trong tất cả 5 trường hợp, chủ lao động hoặc người môi giới đã đi cùng với các em tới thành phố Hồ Chí Minh và chi trả toàn bộ chi phí đi lại và ăn uống trên đường đi. Cách chi trả tiền đi lại điển hình này khiến cho các em phải chấp nhận bất cứ loại hình công việc và điều kiện làm việc nào vì các em không có tiền để trở về, ngoài ra còn bị ghi nợ tiền đi lại và tiền ăn từ nhà tới thành phố Hồ Chí Minh nếu các em từ chối làm việc. Những kẻ môi giới này đưa cả trẻ em nam và trẻ em nữ đến thành phố.

5.2.3.5 Bóc lột

Điều kiện làm việc:

Các nạn nhân phải ăn xin hoặc bán vé số trên đường phố. Các em phải mặc những bộ quần áo rách rưới và bị ép phải ăn xin ít nhất 200.000 Đồng một ngày. Nếu em nào mang về nhiều hơn thì em đó sẽ được cho ăn no và ngon hơn. Nếu em đó không xin đủ tiền như chủ đặt ra, các em sẽ bị đánh hoặc ngược đãi. Hằng ngày, các em bị bóc lột và ngược đãi³⁵, các em phải làm việc từ 7 hoặc 8 giờ sáng tới 11 giờ đêm.

“Cháu phải kiếm ít nhất 400,000 – 500,000 VND (19.3 – 24 USD) một ngày nếu không là bị đánh. Cháu phải dậy lúc 3h sáng và làm tới 11h đêm. Cháu về nhà trọ ăn cơm và tiếp tục làm tới tối. Chủ gửi tiền hàng tháng về nhà cho gia đình cháu”

(TLN, nạn nhân nam, Thanh Hóa)

Các em bán vé số được giao cho bán ít nhất 200 vé số (hoặc 200 bông hoa nếu là trẻ bán hoa) một ngày. Một số trẻ có thể vừa bán vé số và vừa ăn xin. Nếu các em không thể kiếm đủ tiền, các em có thể bị mắng hoặc bị đánh.

“Lúc đó em đi ăn xin, trong cùng một nhóm. Không có giấy tờ gì theo người. Không có hợp đồng. Lương theo hứa hẹn là 300.000đ nhưng chưa được nhận. Sáng đi từ sáng đến 11h trưa, ăn cơm rồi nghỉ. Đi từ 12h đêm đến 5h sáng. Nếu có thu được đủ tiền thì không sao nhưng nếu không có thì sẽ bị dày vò về thể xác và tinh thần – em bị đánh 4 - 5 lần.”

(PVS, nạn nhân số 2, 8 tuổi, Thanh Hóa)

Người chủ liên tục theo dõi các em, luôn có ai đó theo sau các em để ngăn các em cất hoặc giấu tiền.

“Ông ấy lấy tất cả tiền, ông kiểm tra mọi chỗ, kể cả bên trong quần áo. Ông ấy luôn theo dõi con chị khi nó bán vé số trên phố. Nếu đưa nào mà khôn thì có thể lấy tiền đi ăn khi có người cho thêm tiền. Chẳng hạn, vé số là 5.000 mà khách trả nó 15.000”

(PVS, mẹ nạn nhân, số 1, Thanh Hóa)

Có người lớn dẫn cháu đi cùng, đó là một thanh niên, khoảng 35 tuổi. Ông này giám sát 4 đứa. Mấy đứa không kiếm đủ tiền và bị ông ấy đánh. Họ lấy roi họ quát ạ ”

(PVS, nạn nhân nam, số 4, 15 tuổi, Thanh Hóa)

Một số em bị đánh đến bị thương, một em khác bị ép sử dụng thuốc để giả vờ bị mù để xin tiền dễ hơn.

“Bọn em bị dẫn đi vào hẻm, góc ngách, không biết đường xá. Em phải nhắm mắt, một đứa bé dắt, em bị bắt nhỏ thuốc để bị mù tạm thời, không biết đó là thuốc gì.”

(PVS, nạn nhân nam, số 1, 12 tuổi, Thanh Hóa)

Giám sát chặt chẽ việc đi lại:

Những em bị ép đi ăn xin luôn bị chủ hoặc những người làm cùng theo dõi để tránh việc bỏ trốn hoặc cất giấu tiền. Khi các em đi làm, luôn có một số người canh chừng, khi ở nhà, các em bị khóa trái cửa trong nhà.

“Cháu không được tự do đi lại vì luôn có người kiểm soát, kiểm soát chéo lẫn nhau. Thường là đi hai đứa trẻ hoặc một già một trẻ, và đứa này kiểm soát đứa kia. Nếu đứa này trốn thoát thì đứa kia sẽ bị đánh, nên thường sẽ không thể trốn thoát”

“Dạ, nó theo dõi mình chặt, lúc em đi làm thì nó ngồi ở quán nước gần đó.”

(PVS, nạn nhân nam, số 1, 12 tuổi, Thanh Hóa)

Điều kiện làm việc:

Đối với những em làm nghề ăn xin, chủ thuê một phòng để cho các em ở chung với nhau trong điều kiện sống rất tồi tệ.

“Chỗ ở chật chội và bẩn nữa. Bọn em ngủ tầm 10 người trong phòng nhỏ tầm 4 mét thôi ạ, nằm nghiêng, nằm dọc và ngang, 10 người toàn em nhỏ hết. Tầm từ 10 đến 12 tuổi. Vệ sinh thì ở một cái phòng khác, có tầm 7- 8 phòng như vậy chung nhau. Những phòng khác thì có người khác ở ạ. Các phòng đó là người lớn. Có mỗi phòng em là trẻ em thôi”

(PVS, nạn nhân nam, số 4, 15 tuổi, Thanh Hóa)

Các em trải qua một cuộc sống cực nhọc, phải làm việc cả ngày để kiếm tiền cho chủ. Các em cũng không có thời gian để nghỉ, để học hay để phát triển. Nhu cầu lớn nhất của các em đơn giản chỉ là được ngủ.

“Đối với với bọn cháu, cuộc sống lúc đó chỉ là làm và ngủ. Không có học hành hay vui chơi gì cả. Nếu chúng cháu không đi làm, chúng cháu chỉ ở trong nhà và ngủ thôi ạ. Chúng cháu không chơi và tiếp xúc với ai. Cháu cũng muốn có bạn nhưng mà đi làm về mệt, ăn cơm xong là nằm nghỉ luôn”

Nghiên cứu về mua bán trẻ em trai tại Việt Nam

5.2.3.6 Trở về và tái hòa nhập

Tất cả các nạn nhân này được công an hoặc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tại điểm đến giải cứu. Các em được hỗ trợ trở về gồm tiền đi lại và tiền ăn. Đáng chú ý là những nạn nhân bị mua bán trong nước và bị bóc lột sức lao động đều đã được chuyển tới Trung tâm Bảo trợ xã hội hoặc Trung tâm dạy nghề Thanh niên. Tại các trung tâm này, các em được cho nơi ở, được tư vấn khám sức khỏe và được nuôi ăn trước khi trở về nhà. Tại hai nơi này đôi khi cũng đón nhận những nạn nhân nam được nghi ngờ bị mua bán. Tuy nhiên, các cán bộ xã hội nói rằng họ không nhận được bất cứ một nguồn kinh phí riêng nào để hỗ trợ những nạn nhân bị mua bán để hỗ trợ nạn nhân trở về vì các Trung tâm này không thuộc nhóm các Trung tâm tiếp nhận và hỗ trợ tại khu vực biên giới.

Hai em được khuyến khích quay lại trường học nhưng không em nào tiếp tục đi học tại thời điểm nghiên cứu. Tất cả các nạn nhân hiện đang làm việc, trong đó có 2 em đã quay lại thành phố. Với các em ở lứa tuổi lớn hơn, nhu cầu chủ yếu khi quay về là có được một công việc. Với trẻ nhỏ tuổi hơn (đang 12 tuổi) thì nhu cầu lớn nhất sau khi được giải cứu là được hỗ trợ tâm lý.

5.2.3.7 Phân tích giới.

Đầu tiên, khi được hỏi về rủi ro các em gặp phải khi di cư đi làm xa nhà, các em ở Thanh Hóa cho rằng con trai ít gặp phải rủi ro hơn con gái. Sở dĩ các em nghĩ vậy vì các em chủ yếu lo sợ việc bị lạm dụng tình dục; đối với các em lạm dụng sức lao động dường như ít nguy hại và ít nghiêm trọng hơn. Vì thế cha mẹ và bản thân các em đã quyết định đi làm ăn xa một cách dễ dàng. Đồng thời, các em cũng hiểu biết không tốt về nguy cơ bị bóc lột lao động. Các em cũng biết rằng cả trẻ em trai và trẻ em gái có thể bị bắt làm việc trong điều kiện cực nhọc, nhưng do chịu áp lực lớn để kiếm việc làm tăng thu nhập nên các em đã dễ dàng chấp nhận những lời đề nghị của kẻ môi giới và đẩy mình vào tình huống rủi ro bị bóc lột lao động.

Khi được hỏi về mua bán người, các nạn nhân vẫn cho rằng mua bán người chỉ là mua bán phụ nữ và trẻ em gái vì mục đích mại dâm hoặc kết hôn. Các em không hiểu mua bán người bao gồm cả mua bán nam giới và cho cả mục đích bóc lột lao động. Chính vì lý do này, khi bị mua bán, các em đã không xác định là mình đã bị mua bán. Các đối tượng tham gia nghiên cứu có nhận thức được tình trạng mua bán và đặc biệt là bóc lột lao động, nhưng họ gọi những điều đó bằng những từ khác nhau. Tuy nhiên, hiểu biết này còn thấp và chưa đủ để chuyển thành hành vi di cư an toàn.

Cả trẻ em gái và trai đều phải đi ăn xin trên đường phố theo như lời kể của một em trai bị ép làm ăn xin, thường thì số trẻ em trai nhiều hơn em gái trong hoạt động ăn xin này. Nghiên cứu cũng chưa tìm hiểu được vì sao trẻ em trai làm ăn xin nhiều hơn em gái. Đối với những em đi ăn xin, các em trai và gái nếu không kiếm đủ tiền thì sẽ bị chủ phạt và đánh như nhau.

5.2.3.8 Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy chính việc bỏ học giữa chừng là yếu tố chính dẫn tới việc di cư đi làm. Thiếu cơ hội việc làm tại quê nhà cộng với mong muốn hỗ trợ gia đình đã đẩy các em rời quê kiếm việc làm.

Những cuộc trao đổi với nạn nhân cho thấy rõ ràng là các em rời nhà đi làm mà không hề biết cụ thể về điểm đến cũng như về loại hình công việc mà các em sẽ làm, các em chỉ đi theo bạn bè hoặc kẻ môi giới khi được rủ đi. Các em chỉ biết rằng sống ở thành phố lớn sẽ khác nhiều so với ở nhà nhưng hoàn toàn không nhận thức được các nguy cơ có thể gặp phải tại điểm đến. Với hiểu biết về mua bán người và bóc lột lao động còn thấp, các trẻ em đường phố bị ép làm việc trong điều kiện giống như nô lệ dưới sự kiểm soát chặt chẽ của chủ lao động.

5.3: Bóc lột tình dục

5.3.1 Các thông tin chung

Trong tổng số 82 nạn nhân được xác định trong nghiên cứu này có 24 em bị bóc lột và lạm dụng tình dục. Khi bị mua bán cho mục đích tình dục, em nhỏ nhất là 14 tuổi (2 em không rõ tuổi lúc bị mua bán). Trong số 24 nạn nhân nam này, có 3 em dưới 16 tuổi, 5 em 16 tuổi, 12 em 17 tuổi và 2 em 18 tuổi khi bị mua bán. Độ tuổi trung bình khi bị mua bán của các em trong nhóm này là 16,5 tuổi.

Trong nhóm này, độ tuổi khi bị mua bán của các em thường cao hơn độ tuổi nhóm trẻ em bị bóc lột sức lao động và bán hàng rong trên phố. Trình độ học vấn của nhóm này cũng cao hơn, có khoảng một nửa (10 em) đã từng học cấp 2, một nửa học cấp 3 và 3 em đã hoặc đang học cao đẳng.

Tất cả các nạn nhân này được phát hiện và phỏng vấn tại thành phố Hồ Chí Minh. Đa số các em đến từ khu vực các tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long và phía Tây nam, chỉ có 2 trường hợp đến từ Hà Nội. Các em đều là người Kinh. Có 6 trong tổng số 24 em đã mất bố hoặc mẹ hoặc mất cả hai. Một vài em cho biết cha mẹ đã ly dị hoặc gia đình bất hòa.

Tất cả các em đều đang sống tại thành phố Hồ Chí Minh, 3 em đang sống một mình và 21 em đang sống với bạn bè hoặc cha mẹ trong đó có nhiều em đang sống tại các tụ điểm bán dâm hoặc nơi làm việc. Một em đang sống với vợ. Ba em đã kết hôn và một vài em trước đây đã từng sống chung với bạn gái.

Tại thời điểm nghiên cứu, tất cả các em vẫn còn hành nghề bán dâm nhưng cũng có một số em hiện đang làm công việc khác và thỉnh thoảng mới đi bán dâm.

5.3.2 Các yếu tố góp phần bị mua bán người

Qua các cuộc phỏng vấn với các em từ những nơi khác nhau đã cho thấy việc cha mẹ sao nhãng con cái là nguyên nhân ban đầu khiến các em rời nhà và làm tăng tính rủi ro bị mua bán. Một số em thiếu sự quan tâm của cha mẹ, cũng có những em gia đình nghèo hoặc bố mẹ bất hòa. Có vẻ như hoàn cảnh gia đình của nhóm này khó khăn hơn nhiều so với những nhóm khác và sự tan vỡ của gia đình đã đẩy các em ra đi khỏi nhà mình. Khi các em rời nhà, các em lang thang trên phố, tới những nơi lạ lẫm và sau đó bị lừa và bị mua bán để làm mại dâm.

Một nạn nhân nói với chúng tôi *“Em nói là con thiếu sự quan tâm của mẹ và cần tình thương của bố, tại sao bố dành sự quan tâm cho mẹ mà không dành cho con. Nhiều lần mẹ sai vậy mà bố vẫn bênh mẹ”*

(PVS, mại dâm nam, nạn nhân số 5, 19 tuổi, Bình Dương)

Áp lực từ bạn bè cũng là một yếu tố thúc đẩy trẻ em rời nhà: một số em nói rằng các em đi cùng bạn bè để tìm việc làm ở các thành phố. Sau đó, các em đã bị những người môi giới hoặc kẻ mua bán lừa và lạm dụng.

Một số nghiên cứu khác đã phát hiện thấy rằng các mạng lưới xã hội bao gồm gia đình, bạn bè, và những người quen tại cộng đồng nơi trẻ di cư đóng một vai trò quan trọng đối với người di cư ra thành thị. Họ có thể hỗ trợ tìm kiếm việc làm hoặc chia sẻ giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn. (Chương trình Chung về bình đẳng giới (CTCĐG), 2011). Tuy nhiên, các em nam hành nghề mại dâm trong nghiên cứu này lại không có những mạng lưới như vậy, điều đó đã góp phần vào sự tổn thương của các em. Các em đã di cư tự phát và không có chuẩn bị như liệt kê các địa chỉ liên lạc của những thân/ quen tại điểm đến đã làm tăng tăng rủi ro bị bóc lột.

5.3.3 Phương thức tuyển dụng

Thường thì kẻ môi giới bắt đầu *làm quen với em trai và rủ em này đi chơi rồi mùa quà và cuối cùng là lạm dụng tình dục*. Kẻ môi giới thường thể hiện là mình là một người giàu có và luôn biết quan tâm; anh ta có thể mua một vài thứ gì đó cho em trai và mời em đi ăn tối và đi dạo. Người này có thể đưa nạn nhân đi chơi và ăn uống như vậy vài lần trước khi ép các em uống say rồi đưa vào khách sạn để lạm dụng tình dục. Kẻ môi giới cũng có thể ép các em uống rượu/bia rồi cho xem các phim khiêu dâm và lợi dụng lúc đó sẽ lạm dụng hoặc quan hệ với nạn nhân khi đang bị kích thích. Hình thức này thường được kẻ mua bán hoặc môi giới áp dụng đối với các em trai mà những kẻ này quen biết. Có một em đã bị chính một

nhà sư tuyển dụng bằng cách này. Sau vài lần quan hệ với em này, ông ta đã giới thiệu em đó tới 2 nhà sư khác trước khi chuyển em tới động mại dâm.

Kẻ mua bán có thể đến những nơi như các khu văn cảnh gần chùa, điểm du lịch, nơi có nhiều trẻ em làm việc hay bán hàng. Kẻ mua người này có thể tiếp cận các em bằng cách nhờ các em giới thiệu về điểm du lịch cho anh ta, sau đó anh ta nhờ các em làm một vài việc nhỏ và thường cho các em một khoản tiền khá lớn. Anh ta có thể gợi ý với em trai đó đến khách sạn ở cùng và sau đó gợi ý quan hệ tình dục với em đó.

Trẻ em trai có thể bị tuyển dụng trực tiếp hoặc qua cách tán gẫu trên mạng: Tương tự với những em bị bóc lột sức lao động, kẻ môi giới có thể đến nơi các em sinh sống và tiếp cận những em đang muốn tìm việc làm. Những kẻ môi giới này hứa hẹn một công việc tốt có thu nhập cao như làm việc tại nhà hàng, quán cafe hay đi bán hàng. Kẻ mua người cũng có thể làm quen qua cách tán gẫu trên mạng và giới thiệu những việc làm mà anh ta tự bịa ra. Nếu các em đồng ý, kẻ môi giới sẽ đến tận nơi để đón nạn nhân. Khi trẻ tới thành phố, kẻ môi giới/mua bán có thể sống cùng với trẻ tại nơi ở của mình hoặc trong một phòng trọ. Sau vài ngày, kẻ mua người thường bảo với các em rằng hiện tại không còn việc gì cả mà chỉ có một việc đó là “*công việc tế nhị và nhàn rỗi*”. Khi đó trẻ không có tiền về nhà và thậm chí không biết đường về, và vì vậy trẻ phải chấp nhận làm mại dâm.

Tại thành phố, những kẻ mua bán và những kẻ môi giới thường là người đầu tiên quan hệ tình dục với nạn nhân trước khi trẻ bán dâm. Những kẻ mua người hoặc môi giới đi xuống các tỉnh để tiếp cận các em được gọi là “*má mi vùng ngoài*” và những người quản lý và kiểm soát các em tại các tụ điểm mại dâm gọi là “*má mi vùng trong*”. Quá trình tuyển dụng và kiểm soát nạn nhân được thực hiện một cách có hệ thống.

Tuy nhiên, hầu hết các em được phỏng vấn trong nhóm này khi đi ra thành phố đều chưa hề có một công việc cụ thể gì. Khi tới thành phố, các em cũng không có dự định mình sẽ làm việc gì. Các em chỉ biết là mình sẽ làm bất cứ việc gì có thu nhập. Tại điểm đến, khi mà các em không có một mạng lưới xã hội, không thể tìm được bất cứ việc gì, và không có tiền đã khiến cho các em dễ bị tổn thương khi gặp những kẻ mua bán. Điển hình là kẻ mua bán thường tiếp cận với các em khi đang ngủ trong công viên, đang trong tình trạng tuyệt vọng và đề nghị giúp đỡ.

Do nhận thức còn hạn chế, các em nam nói rằng các em không biết là trẻ em nam cũng có thể bị lạm dụng tình dục, chính điều đó làm tăng nguy cơ của các em. Hơn thế nữa, các em nghĩ rằng sẽ không có chuyện bị lạm dụng tình dục khi con trai ở cùng phòng với nhau vì thế các em đã không do dự khi có người đề nghị ở cùng phòng qua đêm trong khách sạn.

5.3.4 Con đường và quá trình vận chuyển

Hình thức vận chuyển cho mục đích bóc lột tình dục cũng tương tự như những em bị bóc lột sức lao động. Sự khác biệt chủ yếu là kẻ môi giới không đón các em theo nhóm mà đón riêng lẻ từng em. Thay vì đi theo nhóm, kẻ môi giới hay ông chủ tiếp cận từng trường hợp một và đón em đó tới điểm đến bằng phương tiện cá nhân hoặc phương tiện công cộng. Mọi chi phí đi lại đều do những kẻ môi giới hoặc ông chủ này chi trả. Dường như người môi giới và kẻ mua người đang giúp đỡ các em nhưng thực tế những chi phí ban đầu này sẽ bị trừ vào số tiền mà các em kiếm được trong vài tháng đầu khi làm cho họ.

5.3.5 Bóc lột

Trở thành người bán dâm:

Khi được tuyển dụng, các em bị lừa gạt và bị ép quan hệ tình dục. Sau đó các em được chuyển tới nơi khác và bán vào các động mại dâm.

“Khi đến nơi, em bị chú X xâm hại tình dục liền. Một đêm khi em đang ngủ, ông xâm hại tình dục em, có quay phim và chụp hình để giữ làm bằng chứng để uy hiếp em. Sáng ra, ông ta cho em xem và bắt em phải làm theo những gì ông ta nói, nếu không ông ta sẽ gửi về cho mẹ và phát tán phim. Em hoạt động mại dâm từ khi ấy. Các giấy tờ tùy thân chú nắm giữ hết.

(PVS, nạn nhân mại dâm nam, số 10, 18 tuổi, Sóc Trăng)

Có hai loại công việc trá hình mại dâm. Loại thứ nhất là làm việc tại các cửa hàng, quán cafe, phòng mát xa hoặc nhà hàng. Các em làm việc và ở luôn tại các cơ sở đó và tham gia vào các dịch vụ bán dâm khi có yêu cầu. Đối với các cơ sở có dịch vụ mát xa, các em làm việc theo ca. Sau đó, các em có thể tự do tiếp khách của mình. Loại thứ hai đó là làm việc tại động mại dâm trá hình dưới các hình thức như nhà trọ hay như những nhà ở bình thường khác.

“Lúc ra đường thì phải kín đáo, cũng ít ai để ý. Như lúc đầu em cũng nói là em ít tiếp xúc với người bên ngoài lắm, nói chung là phải kín đáo. Nhà ở trong hẻm, hàng xóm chung quanh cũng nghĩ bọn em như là công nhân nên thuê nhà ở vậy thôi, không nghĩ là động bọn em tiếp khách ở trong nhà, ở trong có phòng riêng”

(PVS, nạn nhân mại dâm nam, số 5, 17 tuổi, Bình Dương)

Khi mới đến, ông chủ dùng các cách khác nhau để kiểm soát và bắt ép các em tiếp khách. Đối với một số em, ông chủ ứng trước một số tiền, một khi các em mắc nợ ông chủ, các em phải làm việc theo lời ông chủ để trả lại tiền. Một số khác bị kiểm soát và bị đe dọa do không có giấy tờ tùy thân và không thông thuộc ở nơi ở mới.

“Nói chung thì hồi đó em buồn nên cũng không liên lạc về, đi chơi thì họ cũng không cho đi đâu nhiều, với lại họ cũng dặn dò là đừng có nói chuyện với hàng xóm, có hỏi ở đâu thì cũng đừng nói gì hết, chỉ nói là bà con ở dưới quê lên phụ làm vậy thôi. Lúc đó thì mỗi người chỉ được trả khoảng 3 - 4 chục. Ông ấy bảo thế, “đó giờ mày làm thì làm, không làm thì cuốn gói về quê. Tao không có nuôi cơm mày nữa”. Thì lúc đó em chấp nhận làm nhưng thật sự không muốn làm, nhưng nếu không làm thì bị đuổi ra đường, mà khi ra đường thì báo chí lại biết và ông chủ có nói rằng giờ mày không làm tao đuổi ra đường báo công an bắt mày... tao kêu công an bắt vì mày không giấy tờ nè mà lên thành phố. Lúc đó em mới lên thì làm sao biết được đường xá. Bây giờ cũng đi vẫn bị lạc, mà giấy tờ thì không có thành ra đi không được”

(PVS, nạn nhân mại dâm nam, số 6, 15 tuổi, Đồng Tháp)

Đối với những em khác, chủ giữ những giấy tờ tùy thân và đe dọa sẽ nói cho bố mẹ biết là các em đã bị lạm dụng tình dục.

“Lúc đấy em không thể bỏ chạy được vì em không biết đi lại ở thành phố. Nhưng bây giờ em cảm thấy hối hận. Em không biết phải làm gì bây giờ. Em sợ anh ấy sẽ nói với gia đình em về những việc em đã làm”.

(PVS, nạn nhân mại dâm nam, số 22, 15 tuổi, Tiền Giang)

Cũng có em thì chủ không trả tiền lương, số tiền đó chủ sẽ giữ lại để bắt em đó phải tiếp tục làm việc.

“Rồi bữa đó là hình như có vài người nữa, bà điện bà nói có gà mới rồi nè, em mới ngồi đó, rồi từng người vô kêu em vô phòng bắt em quan hệ, là được 150 ngàn, em đưa bà ý 6 chục mà bà giữ luôn số còn lại của em. Bà nói bà giữ hộ”

(PVS, nạn nhân mại dâm nam, số 22, 15 tuổi, Tiền Giang)

Sau một thời gian, hầu hết các em dần dần chấp nhận bán dâm vì áp lực kiếm tiền và thấy rằng công việc bán dâm kiếm tiền cũng dễ dàng hơn những loại việc làm khác.

“Làm nhiều, nên em cũng không muốn bỏ về nhà. Bỏ trốn sẽ bị đánh chết. Em cũng không muốn kêu cứu vì em làm trái có kêu cứu thì cũng bị bắt và đối xử như các clips bắt mại dâm trên mạng hiện nay đang phát tán thôi. Với lại tiền nhiều, sung sướng nhân rồi nên em cũng không có ý định nghĩ việc”

(PVS, nạn nhân mại dâm nam, số 10, 18 tuổi, Sóc Trăng)

“Tại em theo em nghĩ là làm công nhân 1 tháng chỉ mấy trăm ngàn thôi, nhưng làm cái này thì 1 ngày được những mấy trăm ngàn là chuyện thường. Em nghĩ cái này dễ kiếm tiền quá, thế nên trước mắt không muốn chuyển làm công nhân nữa. Em nghĩ là nếu một lúc nào đó phải dừng không làm việc này nữa thì em sẽ đi học.”

(PVS, nạn nhân mại dâm nam, số 7, 16 tuổi, Đồng Nai)

Điều kiện làm việc:

Khi các em đã chấp nhận tự nguyện bán dâm, các em nam cho biết trẻ có thể có giờ giấc làm việc tốt hơn. Tất cả các em bán dâm đều phải làm việc 7 ngày một tuần và phục vụ khách hàng 24 giờ. Tuy nhiên, các em thường không phải làm nhiều giờ một ngày. Những em sống trong tụ điểm mại dâm chỉ phải làm việc khi có khách đến tìm và lựa chọn em đó. Trung bình, mỗi em phục vụ từ 2 đến 4 khách hoặc hơn trong một ngày. Câu nói mà các em hay dùng khi mô tả về số lượng khách hàng ngày mà các em tiếp là “Hên Xui”. Không có nhiều sự khác biệt về giờ giấc và thời gian làm việc giữa các em làm việc trong tụ điểm mại dâm hoặc những em tự bán dâm. Công việc của các em chỉ là làm thỏa mãn nhu cầu tình dục của khách hàng khi họ yêu cầu.

“Hàng ngày, em phải tiếp khách. Má mì có quán cà phê trá hình để khách đến chọn người, nếu ưng thuận sẽ tiếp tục cho vào phòng quan hệ tình dục. Nhà má mì có 10 phòng, 4 phòng dành cho những người như em ở, 6 phòng còn lại có trang bị máy lạnh dành để tiếp khách hàng. Sáng em được tự do ngủ hoặc đi chơi từ 6h sáng đến 2h chiều. Từ 2h chiều đến 11h đêm thì phải ở nhà chờ và tiếp khách, không được đi đâu. 5-6h chiều em ngồi ngoài quán cà phê đến 11h để khách chọn và tiếp khách. 11h đêm đến 2h sáng thì được cho đi chơi đêm. 2h sáng đến 6h sáng phải ở nhà chờ và tiếp khách. Em không có ngày nghỉ phép. Khi bệnh thì má mì cho nghỉ tiếp khách. Đến khi làm quen rồi thì muốn xin nghỉ 1-2 ngày thì họ cũng cho nghỉ. Có khoảng từ 15-trên 20 người làm trong động của em.”

(PVS, nạn nhân mại dâm nam, số 18, 17 tuổi, Ninh Thuận)

Có vài cách khác nhau để phân chia tiền giữa ông chủ và người bán dâm. Thường thì khách hàng phải trả tiền phòng từ 60 đến 100 nghìn Đồng cho chủ và trẻ phải trả cho chủ khoảng 10% đến 15% tiền bo của khách. Cách phân chia khác là chia đôi tiền khách hàng trả (150.000VND) một nửa 70,000 VND (3,3USD) cho chủ và một nửa 80,000 VND (3,8 USD) cho trẻ trai đó.

Trong một số trường hợp, ông chủ đã ăn chặn tiền bo của khách hàng mà không chia cho trẻ.

“Người cho em 4 chục, người cho em 3 chục. Cũng là ông chủ đưa lại chứ không phải là đưa trực tiếp. Người ta đưa bao nhiêu là mình không biết gì hết. Sau này thì em có nghĩ lại là ông ấy giữ lại của em nhiều, tại vì cái anh sau này về sống ở nhà ảnh, ảnh có nói là mỗi lần lên chơi là đưa 200, 300 ngàn chứ không có đưa ít đâu. Tức là anh ấy đưa 2, 3 trăm mà ông chủ chỉ đưa lại có 4 chục thôi.”

(PVS, nạn nhân mại dâm nam, số 6, 15 tuổi, Đồng Tháp)

Thậm chí, nếu chủ không ăn chặn tiền bo của trẻ thì chủ sẽ thu phí tiền phòng và chi phí khác rất cao và chỉ để lại cho trẻ một ít tiền.

“Em nghĩ là có bóc lột em. Sao em nghĩ thế? Tại vì hồi làm chung em có được bao nhiêu đâu nhưng khi em đi làm riêng thì em được rất nhiều tiền. Hồi làm cho V không có dư bao nhiêu hết mà được bao nhiêu anh ấy cũng lấy.”

(PVS, nạn nhân mại dâm nam, số 9, 17 tuổi, An Giang)

Như đã đề cập ở trên, khi các em chấp nhận bán dâm và đã làm cho ông chủ trong một thời gian dài thì các em cũng có thể tự tách ra làm việc riêng lẻ. Các em phải tự kiếm khách hàng, nhưng nếu làm cho ông chủ thì các em đã có được những khách hàng quen hoặc ông chủ sẽ giới thiệu khách hàng mới cho trẻ. Đó là lý do tại sao, thậm chí khi các em được tự do rời khỏi tụ điểm mại dâm thì vẫn còn nhiều em muốn ở lại với ông chủ để đảm bảo có nguồn thu nhập ổn định.

“Cái khó khăn khi ở trong động là gò bó thời gian giờ giấc. Nhưng thuận lợi là khách có nhiều và ổn định hơn nếu em làm độc lập bên ngoài, không tốn tiền xăng xe.”

(PVS, nạn nhân mại dâm nam, số 7, 16 tuổi, Đồng Nai)

Một số em bị ông chủ hoặc bị khách hàng đánh đập ép quan hệ tình dục.

“Hồi đó có khách vào kêu dâm em (quan hệ qua hậu môn) nhưng em không nghe, em chạy ra, thế là anh ấy kêu V và ông ấy đánh em. V bảo chấp nhận làm rồi thì cố gắng làm đi để kiếm tiền.”

(PVS, nạn nhân mại dâm nam, số 9, 17 tuổi, An Giang)

Ngoài ra, khi phục vụ khách hàng, các em phải thỏa mãn cả những hành vi “bệnh hoạn” của khách hàng.

“Có chứ, có người biến thái, họ thích được đánh đập người ta, rồi người ta đi tiểu lên người mình nữa”

(PVS, nạn nhân mại dâm nam, số 5, 17 tuổi, Cà Mau)

Phải phục vụ và thỏa mãn khách hàng, nhiều trẻ đã bị sang chấn và huỷ hoại cả tinh thần lẫn thể chất.

“Có, nhưng mà dùng chất bôi trơn thì vẫn dùng nhưng rất là đau, hậu môn không co giãn nên rất là đau. Nhiều khi mình đi vệ sinh, nó bị giãn ra, rất là đau, nó bị rách, rửa bằng nước nó rất rất đau. Mà hậu môn thì dễ bị lây các bệnh qua đường tình dục.”

(PVS, nạn nhân mại dâm nam, số X, 17 tuổi, Bình Dương)

Rủi ro bị nhiễm HIV và những bệnh lây nhiễm qua đường tình dục rất cao bởi vì hầu hết các em thường không sử dụng bao cao su trong những lần quan hệ đầu tiên.

“Anh bỏ tiền ra rồi mà nãy anh nói là từ A tới Z rồi³⁶”. “Tại hồi nãy em đâu hiểu từ A tới Z của ông là gì cả”. “Nếu vậy thì ông chờ ra ngoài đó không có chơi gì hết”. Nếu như mình làm như vậy với ông ấy thì mình cũng chết mà ra ngoài cũng chết, thôi thà mình cứ ở đây đi thì mình còn sống được ngày mai, nghĩ thế nên mình ở lại thì lúc đó mình đâu nghĩ bao cao su là cái gì, chẳng hiểu, ở quê mà, thì bao cao su thì thực sự ngỡ ngàng, thì đi học thì cũng biết là phòng chống HIV, bao cao su vậy thôi chứ không nghĩ gì cả, mà lúc đó cũng không sử dụng bao cao su, thì cũng dần dần biết rồi, cứ là làm”

(PVS, nạn nhân mại dâm nam, số 15, 17 tuổi, Bến Tre)

Trong số các em làm mại dâm, có nhiều em đã làm việc khá lâu nhưng vẫn chưa có hiểu biết về cách phòng tránh HIV.

“Có dùng bao hay không thì còn phụ thuộc vào việc trông người đó có khỏe mạnh sạch sẽ hay không nữa. Có người đối xử mình nhẹ nhàng, âu yếm như một bạn tình, nhưng cũng có người họ muốn làm với mình cho đáng đồng tiền bỏ ra. Những người khi họ coi mình như là bạn tình thì em không dùng bao cao su”

(PVS, nạn nhân mại dâm nam, số 4, 16 tuổi, Vũng Tàu)

Việc trẻ sử dụng ma túy và chất kích thích là khá phổ biến. Các em thường sử dụng các chất này cùng với khách hàng:

“Giờ em đi đập đá, đó là một loại ma túy, nó giống cái bình này này. Nó giống thuốc lắc. Đi với khách nó bắt mình chơi. Em không nghiện nhưng lâu lâu không chơi cũng nhớ. Cái đó kích thích hưng phấn cho mình và khách hàng”

(PVS, nạn nhân mại dâm nam, số 8, 17 tuổi, An Giang)

Có một vài em nói rằng các em bị khách hàng quay video khi đang quan hệ với khách nhưng các em không biết mục đích để làm gì.

Điều kiện sống:

Những trẻ làm việc tại các tụ điểm mại dâm thì sống luôn tại đó. Những em làm việc tại các cửa hàng dịch vụ trá hình mại dâm (như các cửa hàng ăn, cafe, phòng mát xa, nhà hàng) cũng có thể ở ngay tại đó hoặc thuê phòng trọ. Các em này có thể ra ngoài nhưng phải có mặt khi chủ gọi về tiếp khách. Nếu các em ra ngoài với khách hàng riêng thì phải báo cho chủ và phải chi cho chủ tiền hoa hồng.

“Nếu em đi với khách nhưng nói dối là đi chơi thì nếu ông ấy biết thì có thể đuổi việc hoặc bị phạt. Mỗi lần đi với khách em nộp lại 50%” hoặc “ Nếu muốn ra ngoài thì mình phải báo là có suất riêng, khi về thì đưa lại 5 chục, đi trong vòng có 1 tiếng 2 tiếng.”

(PVS, nạn nhân mại dâm nam, số 17, 16 tuổi, Đồng Nai)

Ngoài thời gian phục vụ khách hàng, với số tiền kiếm được dễ dàng, các trẻ trai này thường dành thời gian cho việc ăn uống, chơi trò chơi (game) và đánh bạc. Đây là lối sống rất phổ biến của các nam thanh thiếu niên hành nghề mại dâm.

“Kiếm tiền được thì nhậu say xỉn và chơi game...” (PVS, nạn nhân mại dâm nam, số 7, 16 tuổi, Đồng Nai) hoặc *“em đi đánh bạc hết tiền, kiếm tiền để quá đăm ra cũng sinh hư bởi vì mình cảm thấy là mình có thể kiếm tiền được, bởi vì thế em làm bao nhiêu năm nay mà cũng không có dư dả gì”* (PVS, nạn nhân mại dâm nam, số 8, 17 tuổi, An Giang).

Hiện tại có một em đang sống với vợ và có 3 em đã kết hôn. Không có em nào đã kết hôn tại thời điểm bị lạm dụng và bị mua bán. Một số em đã từng sống với bạn gái.

Thu nhập: Thường thì các em không có thu nhập ổn định mà thu nhập này phụ thuộc vào tiền bo của khách hàng. Vì thế, thu nhập của các em phụ thuộc vào hình thức, khả năng làm hài lòng khách hàng, mạng lưới khách hàng quen và mối quan hệ với ông chủ. Các em cho biết thu nhập của các em khoảng từ 3 triệu đến 20 triệu một tháng.

“Mỗi lần đi khách em được 300 ngàn/đồng. Em phải chia cho má mì 50 ngàn/lần cộng thêm 20 ngàn/lần tiền vệ sinh phòng. Em ở trong động luôn và trả họ 250 ngàn/tháng tiền thuê phòng. Ăn uống thuốc men, nhu cầu xài cá nhân (điện thoại...) em tự chi. Nếu không có khách không có tiền thì má mì cho vay lãi suất cao trả sau.”

(PVS, nạn nhân mại dâm nam, số 9, 17 tuổi, Cần Thơ)

5.3.6 Trở về và tái hóa nhập

Giải cứu:

Ở giai đoạn đầu, khi các em bị chủ lạm dụng, kẻ mua bán đã sử dụng những cách khác nhau như đã đề cập ở trên để kiểm soát khống chế các em. Khi các em tự nguyện chấp nhận bán dâm và làm việc cho chủ vài năm thì các em có thể tách riêng hành nghề bán dâm tự do tại thành phố Hồ Chí Minh. Các em chia sẻ rằng, các em rời bỏ ông chủ khi các em tích lũy được đủ kinh nghiệm, có được một mạng lưới khách hàng và biết rõ về thành phố.

Hiện nay, tất cả các nam thanh thiếu niên này vẫn tham gia vào các hoạt động bán dâm³⁷ nhưng có vài em vừa làm thêm một số việc như bán hàng, bảo vệ hay bồi bàn và thậm chí đi học. Một số em nói rằng các em sẽ sớm bỏ nghề này và muốn học thêm các kỹ năng hoặc khóa đào tạo nghề để sau này tìm việc khác.

5.3.7 Phân tích giới

Cán bộ địa phương và người dân trong cộng đồng cho rằng trẻ em nam thường bị coi là đối tượng dễ bị tổn thương bị bóc lột lao động hơn là bị bóc lột tình dục.

Trao đổi với các em trai cho thấy, lúc đầu các em không nhận thức được những rủi ro bị lạm dụng hoặc bóc lột. Hơn thế nữa, bản thân các em cũng có mong muốn tìm kiếm tiền tại thành phố để mua quần áo và những món đồ mới. Các em trai này đã rất háo hức rời quê để thử thách vận may tìm kiếm việc làm tại thành phố. Nhiều em di cư lên thành phố không phải là để hỗ trợ gia đình, điều này khác hẳn với những em bị bóc lột sức lao động. Như đã phân tích ở trên, có một số trường hợp, ở những thời điểm không ngờ, vì sự đổ vỡ của gia đình đã đẩy các em bỏ nhà lên thành phố. Hầu hết các em đều thiếu sự chuẩn bị và kém hiểu biết về các nguy cơ bị bóc lột. Nhiều em bỏ nhà đi lên thành phố mà không biết mình sẽ làm công việc gì, các em chỉ nghĩ đơn giản là cứ lên thành phố và tìm việc. Điều này khác với những trường hợp bị cưỡng bức lao động bởi nhóm này thường đã xác định được nơi làm việc và công việc mình sẽ làm. Khi lần đầu gặp kẻ môi giới, các em cũng không hề nghĩ rằng họ lại có thể là kẻ sẽ lạm dụng tình dục trẻ em.

Một số nạn nhân nam cũng khẳng định sự phân biệt đối xử của cộng đồng đối với nữ nhiều hơn nam vì xã hội vẫn đòi hỏi các em gái phải giữ mình cho đến tận khi kết hôn. Do cộng

đồng không nhận thức được vấn đề này nên trẻ em trai có thể dấn việc trẻ làm công việc bán dâm một cách dễ dàng hơn. Tuy nhiên, không có em nào trở về quê mình, vì vậy khó có thể đánh giá được liệu các em có bị kỳ thị không.

Cả các em trai và gái đều có thể bị công an bắt nếu bị nghi liên quan tới việc bán dâm. Trẻ em trai được phỏng vấn khẳng định rằng công an đối xử với các em nam và nữ làm mại dâm như nhau khi bị bắt. Tuy nhiên, không có em trai nào nói là từng bị đưa đến Trung tâm bảo trợ xã hội là việc rất thường xảy ra khi công an bắt đối tượng nữ hành nghề mại dâm. Có một số em nam cho biết khi các em gặp phải rắc rối với công an, ông chủ hoặc người quen của khách hàng đứng ra giải quyết. Các em trai cũng cho biết khi bị công an bắt ở khách sạn thì các em giải thích là đang ở cùng với bạn. Khi công an liên lạc và xác định được danh tính của trẻ tại địa phương thì trẻ sẽ được thả. Như vậy, trong khi trẻ cho rằng công an đối xử với mại dâm nam và mại dâm nữ như nhau thì trên thực tế nam giới hành nghề mại dâm dễ thoát khỏi việc bị giam giữ hơn.

5.3.8 Kết luận

Nghiên cứu đã cho thấy rằng việc mua bán trẻ em trai vì mục đích bóc lột tình dục đang tồn tại. Mặc dù lúc đầu, hầu hết các em bị lừa đảo hay dụ dỗ dẫn tới việc bị lạm dụng và bóc lột tình dục nhưng tại thời điểm nghiên cứu, phần lớn các em tự nguyện hành nghề mại dâm.

Đối với các trẻ bị bóc lột tình dục, nhiều em và gia đình khi đối mặt với những khó khăn, cha mẹ đã sao nhãng việc học hành và chăm sóc các em. Hầu hết các trẻ được phỏng vấn trong nhóm này chia sẻ rằng các em đến thành phố không hề biết mình sẽ làm việc gì. Các em không nhận thức được những nguy cơ bị bóc lột tình dục, điều đó đã làm tăng tính dễ bị tổn thương của các em. Các em bị lạm dụng tình dục và các trẻ em nam làm mại dâm đã được tuyển dụng và lừa gạt và bị cưỡng bức quan hệ tình dục. Và sau đó các em bị bán/chuyển giao/giới thiệu tới các công việc bán dâm. Đối với những em mới đến, chủ động mại dâm sử dụng các biện pháp khác nhau để giữ chân và bắt ép các em phải tiếp khách. Sau một thời gian, hầu hết các em dần dần chấp nhận bán dâm vì áp lực kiếm tiền và nhận thấy đây là cách kiếm tiền dễ dàng hơn những loại công việc khác.

5.4: Cho nhận con nuôi

Phần này của báo cáo trình bày kết quả của hai hình thức mua bán trẻ em trai: bắt cóc và cho nhận con nuôi trái phép. Phần lớn các trường hợp này được cho là bị mua bán cho mục đích cho làm con nuôi. Tuy nhiên, báo cáo cũng không thu được bằng chứng rõ ràng cho kết luận trên mà chủ yếu cung cấp thông tin cụ thể hơn về các hình thức và trường hợp đó.

5.4.1: Bắt cóc

Trong nghiên cứu này, các trường hợp bị bắt cóc được phát hiện ở Hà Giang – tỉnh biên giới với Trung Quốc. Tại Hà Giang, có 22 trường hợp được phát hiện và /hoặc được giải cứu từ năm 2007 đến 2010³⁸, trong đó có 10 nạn nhân được giải cứu đã được nghiên cứu. Hầu hết những nạn nhân nam (6 em) được phỏng vấn đều dưới 10 tuổi (tại thời điểm nghiên cứu – tháng 1 năm 2011) vì thế các cuộc phỏng vấn đã được tiến hành với cha mẹ hoặc các cán bộ xã hội.

5.4.1.1 Thông tin cơ bản

Các nạn nhân ở độ tuổi từ 1 đến 11 tại thời điểm bị bắt cóc. Hầu hết các em (8 trong tổng số 10) là người dân tộc Mông và 2 em là người Tày.

Trong quá trình các em bị bắt cóc, bố mẹ của 5 em đã bị giết. Trong số 5 em có cha mẹ bị giết, hiện vẫn còn 3 em đang ở Trung tâm Bảo trợ xã hội và hai em đã được những gia đình người Việt nhận làm con nuôi. Năm em còn lại hiện đang sống cùng cha mẹ hoặc ông bà và đang đi học.

5.4.1.2 Các yếu tố góp phần bị mua bán người

Phân bố địa lý: Các cuộc phỏng vấn với chính quyền địa phương, bộ đội biên phòng và nạn nhân bị bắt cóc cho thấy rõ ràng rằng người dân sống ven khu vực biên giới đôi khi bị tội phạm từ Trung Quốc sang đe dọa. Do yếu tố tập quán, người Mông không sống tập trung tại

các vùng thấp hay vùng trung du như người Kinh mà họ sinh sống rải rác ở miền núi. Khoảng cách giữa các hộ gia đình có thể từ 500 mét lên đến vài ki lô mét và điều đó đã khiến họ dễ bị bắt cóc.

Tất cả những người nhà hay cán bộ chăm sóc các trường hợp bị bắt cóc được phỏng vấn đều cho rằng trẻ em trai rất dễ bị bắt cóc sang Trung Quốc. Do có thể đi qua lại biên giới dễ dàng nên việc bắt cóc có thể xảy ra khi trẻ em trai đi chợ cùng cha mẹ, ngủ với cha mẹ vào buổi tối, khi các em đi lấy củi dọc biên giới, và cả khi đi tự sang Trung Quốc tìm việc làm.

Thiếu cơ chế bảo vệ trẻ em:

Năm 2009, các cán bộ địa phương tại 7 huyện biên giới đã thiết lập một hệ thống cảnh báo trẻ em khỏi bị mua bán, đặc biệt là khỏi bị bắt cóc với sự tham gia của toàn thể cộng đồng và các cơ quan hữu quan. Tuy nhiên, vẫn chưa có một cơ chế toàn diện để phòng chống và bảo vệ trẻ em để bị tổn thương khỏi bị mua bán hoặc bắt cóc tại khu vực biên giới.

5.4.1.3 Cách thức tuyển dụng

Không giống như những hình thức mua bán trẻ em khác, các phương thức mà kẻ bắt cóc sử dụng gồm cưỡng ép để kiểm soát người lớn (thậm chí giết cha mẹ các em), và đưa các em đi khỏi nhà. Một em đã bị bắt cóc khi cùng với mẹ đang đi lấy củi.

Có cả những trường hợp lợi dụng mối quan hệ họ hàng hay gia đình để lừa gạt nạn nhân. Cha dượng của một em đã được cứu tại một huyện tại Hà Giang nói rằng, con trai ông bị chính một người họ hàng bên Trung Quốc bắt cóc. Ở đây vẫn tồn tại mối quan hệ họ hàng của cộng đồng người Mông ở Việt Nam và người Mông Trung Quốc. Mặc dù họ sống ở hai nước khác nhau nhưng vẫn là họ hàng và một số kẻ mua bán đã lợi dụng yếu tố này để lừa gạt họ hàng và bắt cóc trẻ em bán lấy tiền.

Cha mẹ cũng như những em được phỏng vấn và lãnh đạo địa phương nghi ngờ rằng kẻ bắt cóc có thể là người Trung Quốc sống gần biên giới. Tuy nhiên chưa có bằng chứng nào về sự nghi ngờ này. Các vụ bắt cóc xảy ra không chỉ ban đêm mà cả ban ngày.

Khoảng từ 8h-9h sáng 3 mẹ con cháu cùng một người thím đi lấy củi cho bò ở Tổ Mung cách đây gần 2 km. Lúc cắt củi xong là khoảng 10h, thì cháu phát hiện có 4 người đột nhập. Họ túm lấy cháu, lấy gậy đánh vào đầu mẹ cháu, 2 người còn lại bắt chị và thím cháu. Họ kéo 4 người nhà cháu dọc theo bờ sông Nho Quế đến khu vực cầu treo và điện cho người khác đến thêm nữa.

(PVS, Nạn nhân nam, số 7, 11 tuổi, Hà Giang)

5.4.1.4 Đường đi và quá trình vận chuyển

Phỏng vấn bộ đội biên phòng và cha mẹ nạn nhân cho thấy hầu hết các nạn nhân được chuyển bằng đường bộ qua con đường tiểu ngạch nơi có rất ít người qua lại. Có một trường hợp, kẻ mua bán đã dùng xe máy để đưa bé trai này cùng với mẹ và người dì vượt qua biên giới Trung Quốc

5.4.1.5 Bóc lột

Theo cán bộ địa phương và cha mẹ nạn nhân, trẻ em trai bị bắt cóc để làm con nuôi. Nhu cầu có con trai tại Trung Quốc chính là nguồn gốc của nhiều nguyên nhân và nhu cầu đó càng cao hơn khi nước này thực hiện Chính sách Một con. Nhiều cặp vợ chồng cảm thấy không thể không có con trai được vì theo quan niệm của đạo Khổng, con trai là chỗ dựa của cha mẹ khi về già. Ngược lại, con gái, theo truyền thống thì sẽ là thành viên của gia đình thông gia khi đã kết hôn và sẽ phải chăm sóc bố mẹ chồng (Gupta, 2003). Nhiều người dân trong cộng đồng cũng đồn rằng trẻ em trai bị bán để lấy nội tạng, tuy nhiên trong nghiên cứu này chưa gặp trường hợp nào như vậy. Mặc dù tất cả 10 em đã thoát được, tuy nhiên những kẻ bắt cóc vẫn chưa bị bắt nên chưa thể tìm ra bằng chứng về mục đích bắt cóc.

5.4.1.6 Trở về và tái hòa nhập

Trong 10 em bị bán, 5 em đang sống với bố mẹ; 3 em sống tại Trung tâm Bảo trợ Xã hội và hai em đã được nhận làm con nuôi trong nước. Tất cả những em này vẫn đang đến trường (tại thời điểm nghiên cứu).

Năm em đã tự trốn thoát trong quá trình bị vận chuyển và 5 em đã được công an Trung Quốc và biên phòng Việt Nam giải cứu.

Có 3 em đang sống tại Trung tâm bảo trợ xã hội đã nhận hỗ trợ tiền ăn, kiểm tra sức khỏe, tư vấn và giáo dục từ nguồn kinh phí của Quỹ phúc lợi xã hội của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh, nhưng không phải từ nguồn kinh phí hỗ trợ cho nạn nhân bị mua bán. Các cán bộ xã hội và biên phòng nói rằng không có sự khác biệt nào trong việc giải cứu và hỗ trợ cho nạn nhân nam và nữ. Tuy nhiên, họ cũng lưu ý rằng nguồn kinh phí hỗ trợ cho trẻ em trong trung tâm là không đủ. Với mức hỗ trợ 20.000 đồng (0,97 đô la) một ngày cộng với 20.000 đồng (0,97 đô la) phụ cấp và 30.000 đồng (1,45 đô la) điều trị y tế cũng không đủ cho viện phí. Định mức hỗ trợ giữa trẻ em và người lớn là như nhau, mặc dù trẻ em và trẻ sơ sinh cần sự hỗ trợ và chăm sóc nhiều hơn.

Chỉ có một em được chính quyền địa phương hỗ trợ ban đầu cho tiền thức ăn và quần áo bởi vì hoàn cảnh kinh tế kinh tế khó khăn.

Bốn trường hợp khác không nhận được bất cứ hỗ trợ nào từ chính quyền địa phương hoặc các chương trình mua bán người vì các em được giải cứu trên đường tới biên giới hoặc các em tự trốn thoát. Hỗ trợ cho nạn nhân chỉ dành cho những đối tượng bị bán qua biên giới được trao trả. Kết quả là 5 nạn nhân được phỏng vấn trong nghiên cứu này (hoặc phỏng vấn cha mẹ các em hoặc trực tiếp các trẻ) nói rằng các em rất sợ lại bị bắt cóc. Các nạn nhân không được tư vấn tâm lý; chỉ được chính quyền địa phương và người dân trong cộng đồng tới thăm. Trong số các trẻ này, một gia đình không dám quay trở lại ở tại nhà cũ mà phải chuyển tới nhà mới gần nhà họ hàng. Gia đình và bản thân các em cũng không nêu được cần có hỗ trợ gì. Chỉ có một em bày tỏ muốn được hỗ trợ đi học.

Sở Lao động Thương binh và Xã hội cho biết nguồn kinh phí hỗ trợ các nạn nhân bị mua bán còn hạn chế. Tuy nhiên, theo quan sát của nhóm nghiên cứu thì cơ quan biên phòng giải cứu các nạn nhân bị mua bán và trao trả trong cùng một ngày với sự hỗ trợ của chính quyền địa phương và gia đình mà không thông báo cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội để tiếp tục hỗ trợ nạn nhân. Vì thế sự phối hợp giữa các bên liên quan trong việc hỗ trợ nạn nhân vẫn còn hạn chế. Ngoài ra, hệ thống ngành dọc của Sở Lao động Thương binh và Xã hội vẫn còn yếu. Như đã mô tả bên trên, tại thời điểm nghiên cứu, vẫn chưa có một hướng dẫn cập nhật về việc hỗ trợ cho nạn nhân tự trở về hoặc những nạn nhân bị mua bán trong nước.

5.4.1.7 Phân tích giới

Như đã phân tích ở trên, người dân địa phương cho rằng trẻ em nam dễ bị bắt cóc sang Trung Quốc vì sự bất bình đẳng giới ở nước này. Chế độ gia đình phụ hệ, cùng với tập tục văn hóa đã tạo nên gốc rễ vững chắc của việc thích con trai. Duy trì mức sinh thấp, hệ thống an ninh xã hội chưa đảm bảo, và địa vị của người phụ nữ thấp kém ở Trung Quốc càng làm tăng thêm sở thích con trai, gia tăng nhu cầu sử dụng biện pháp lựa chọn giới tính và phân biệt đối xử trong việc chăm sóc y tế cho trẻ em nữ. Đó chính là những yếu tố góp phần vào việc mất cân bằng về giới tính trong cơ cấu dân số Trung Quốc (Vijayarasa, 2009). Những yếu tố này góp phần vào việc mua bán trẻ em trai tại biên giới phía bắc Việt Nam sang Trung Quốc.

5.4.1.8 Kết luận

Hầu hết các nạn nhân bị bán ở độ tuổi từ 1 đến 11 tại thời điểm bị bắt cóc. Đa số nạn nhân, cha mẹ nạn nhân và cán bộ xã hội cho rằng các em bị bán sang Trung Quốc. Những kẻ mua bán sử dụng bạo lực để kiểm soát hoặc thậm chí giết người lớn để bắt các em đi. Tất cả các nạn nhân được phỏng vấn đều được tìm thấy ở biên giới với Trung Quốc. Địa điểm xảy ra sự việc gần với biên giới khiến cho những kẻ mua bán người dễ dàng bắt cóc trẻ em và trốn qua đường biên giới. Mặc dù đã được hỗ trợ, nguồn kinh phí cho việc hỗ trợ trở về và tái hòa nhập vẫn chưa đủ để giải quyết những nhu cầu của các em như tư vấn tâm lý xã hội và phòng ngừa nguy cơ các em tái bị bắt cóc. Ngoài ra, vẫn còn thiếu những cơ chế bảo vệ trẻ em một cách hiệu quả hoặc chưa có hỗ trợ cho những nạn nhân tự trở về.

5.4.2: Nhận con nuôi trái phép

Như đã mô tả trong phần nghiên cứu tài liệu, có một số báo cáo đã đề cập đến việc trẻ sơ sinh ở Việt Nam bị bán sang Trung Quốc. Công an đã phát hiện được 40 trường hợp bị bán, tuy nhiên nghiên cứu này chỉ tìm hiểu được 10 trường hợp, 30 trường hợp còn lại chưa thể xác minh được các thông tin tin cậy. Trong số 10 trường hợp, có 3 em bị bán sang Trung Quốc và 7 em bị bán trong nước. Tất cả những trường hợp này đều do công an Hà Nội phát hiện. Nhóm nghiên cứu chỉ phỏng vấn được cảnh sát điều tra chính và các cán bộ xã hội của Trung tâm Nuôi dưỡng trẻ mồ côi tại Hà Nội về những trường hợp trẻ sơ sinh bị bán này mà không thể tiếp cận được gia đình mẹ đẻ hoặc những gia đình nhận con nuôi do không có thông tin hoặc vì phải bí mật thông tin.

5.4.2.1 Thông tin cơ bản

Hầu hết trẻ sơ sinh bị bán đều dưới 1 tháng tuổi. Trong những trường hợp có đủ thông tin, phần lớn các em là người dân tộc Kinh. Có 7 em bị bán trong nước tới các tỉnh như Thái Nguyên, Bắc Ninh, Bắc Giang, Phú Thọ, Hà Tây và một số tỉnh khác chưa rõ. Phần lớn những trẻ sơ sinh này bị kẻ mua người hoặc môi giới mua sau khi mới được sinh ra. Không có thông tin chính xác về quê quán của người sinh ra các em vì các địa chỉ đưa ra phần lớn là địa chỉ giả.

Hiện tại vẫn còn 2 em đang sống tại Trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi. 5 em được các gia đình Việt Nam nhận con nuôi và 3 em khác bị bán sang Trung Quốc.

5.4.2.2 Các yếu tố góp phần bị mua bán người

Cũng giống như các em bị bắt cóc sang Trung Quốc, bất bình đẳng giới là nguyên nhân cơ bản của mua bán trẻ em trai trong nước và ra nước ngoài. Sự phân biệt đối xử giới, thích con trai và kết quả của sự bất bình đẳng về địa vị của phụ nữ và trẻ em gái đã làm tăng nhu cầu các dịch vụ lựa chọn giới tính ở Việt Nam và Trung Quốc (UNFPA, 2007b). Theo các công an được phỏng vấn cho biết, nguyên nhân của nạn mua bán trẻ sơ sinh là:

- Do nguyên nhân đã đề cập ở trên, giá của trẻ sơ sinh nam cao hơn trẻ sơ sinh nữ;
- Thủ tục cho nhận con nuôi hợp pháp rất phức tạp;
- Sự kỳ thị với những phụ nữ trẻ chưa kết hôn mang thai ngoài ý muốn. Họ chấp nhận bán con vì sợ những ảnh hưởng tiêu cực tới tương lai hoặc họ thấy không thể nuôi được đứa trẻ đó.

“Thủ tục cho nhận con nuôi quá phức tạp, vì thế nhiều người và gia đình không muốn chọn cách này. Ở những vùng nông thôn [Việt Nam] vẫn còn tư tưởng trọng nam khinh nữ [thích con trai] nên người ta có nhu cầu nhận nuôi con trai”

(PVS, công an, nam giới, Hà Nội)

Một yếu tố khác nữa là do địa vị thấp của người phụ nữ trong gia đình, phụ nữ Việt Nam không có cơ hội trong việc ra quyết định trong gia đình. (MOSCT và các cộng sự, 2008)

Một mặt, những người mẹ đơn thân và/hoặc những gia đình nghèo cho con mình làm con nuôi vì không hề biết đến những cách khác ví dụ như có thể nuôi con tại các Trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi hoặc các trung tâm bảo trợ xã hội. Mặt khác, những gia đình muốn nhận con nuôi thường không nắm được thủ tục pháp lý chính thức cần thiết để nhận con nuôi cũng như không biết đến cơ quan nào để xin nhận con nuôi.

5.4.2.3 Phương thức tuyển dụng

Người tuyển dụng và cách tuyển dụng:

Để tìm được trẻ sơ sinh để bán trong nước và nước ngoài, kẻ mua bán và môi giới thường tìm những cô gái trẻ mang thai ngoài ý muốn hoặc những phụ nữ đang có thai nhưng nghèo khó có khả năng nuôi con. Họ hứa nhận sẽ nuôi đứa trẻ đó, trả tiền viện phí và cho tiền cho bà mẹ.

*“Ông D có đứa con gái đang học lớp 10 thì có thai. Gia đình bắt con gái phải bỏ thai nhưng không bỏ được vì đã gần ngày sinh. Con ông D đã sinh con tại bệnh viện và ông ấy quyết
Nghiên cứu về mua bán trẻ em trai tại Việt Nam*

định cho đưa bé đó. Một người lái xe ôm đã giới thiệu ông này với kẻ môi giới hoặc muabán. Ông D đồng ý viết giấy nói rằng gia đình không thể nuôi và cho đưa trẻ này”

(PVS, công an, nam, Hà Nội)

Công an cho biết những kẻ tuyển dụng này đã thiết lập một mạng lưới những người môi giới để hỗ trợ việc tìm kiếm những cô gái trẻ và phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh. Những người môi giới này có thể là xe ôm hay hoạt động ở gần bệnh viện hoặc những người bán nước vỉa hè ở cổng bệnh viện phụ sản hoặc cả những cán bộ trong bệnh viện. Họ tìm kiếm những cô gái và phụ nữ có thai trong và ngoài bệnh viện phụ sản qua cách liên lạc cá nhân. Khi gặp những phụ nữ gặp khó khăn này, họ đề nghị hỗ trợ cô gái trẻ và phụ nữ có thai đó trong khoảng từ 6 tới 9 tháng mang thai cho tới khi sinh con. Tất cả tiền viện phí và các chi phí liên quan đều do người môi giới hoặc kẻ mua bán chi trả. Bà mẹ trẻ đó hoặc gia đình người mẹ sẽ viết giấy tự nguyện cho con nuôi (xem mẫu bên dưới) và ký tên mình, tờ giấy tự nguyện này để trống phần viết tên người nhận là người sau này sẽ nhận trẻ làm con nuôi. Ngoài ra, người phụ nữ cho con cũng phải trao lại giấy chứng sinh của bệnh viện cho người môi giới. Những kẻ mua người sẽ sử dụng giấy chứng sinh đó để đưa lại cho người nhận con nuôi như là một giấy tờ hợp pháp của việc mua bán này; tuy nhiên việc cho nhận con nuôi này vẫn là bất hợp pháp. Trong một vụ điều tra, công an điều tra đã sử dụng đơn tự nguyện cho con này để làm bằng chứng.

Ví dụ về Đơn tự nguyện cho con nuôi

Cơ quan cảnh sát điều tra cho biết, ngoài việc tìm kiếm phụ nữ mang thai, những kẻ mua người và kẻ môi giới cũng tìm các cặp vợ chồng muốn nhận con nuôi. Trong một vụ điều tra, cảnh sát đã phát hiện ra hai kẻ chủ mưu (một ở miền Bắc và một ở miền Nam) đã thuê nhiều người môi giới và trung gian khác nhau để vận chuyển trẻ sơ sinh từ miền Nam ra miền Bắc Việt Nam để tránh bị công an phát hiện. Thực tế những kẻ mua người này không bao giờ gặp nhau mà chỉ liên lạc qua điện thoại và chuyển tiền qua ngân hàng.

Theo các cán bộ công an điều tra, hầu hết những người trung chuyển đều không hiểu về mua bán trẻ em và việc tuyển dụng hay vận chuyển một trẻ em (họ thường được nhận 500.000 VND để vận chuyển một trẻ) có thể bị phạt tù từ 5 năm đến 10 năm. Ngoài ra, lấy được các bằng chứng mua bán – về mặt từ ngữ là “mua hoặc bán” trẻ em vì lợi nhuận hoặc lợi ích cá nhân - là điều rất khó vì cần phải có bằng chứng là kẻ mua người đó đã nhận được tiền hay lợi ích gì khác. Ngoài ra, công an cũng nói rằng hầu hết phụ nữ hoặc cô gái trẻ mang thai và những người thân trong gia đình đều không biết rõ trẻ sẽ thế nào sau khi đã được cho làm con nuôi. Chỉ có hai bà mẹ để biết chính xác con mình bị bán (có thể là làm con nuôi) khi những đứa trẻ này được giải cứu trên đường tới biên giới hoặc sau khi sinh con tại bệnh viện bên Trung Quốc.

5.4.2.4 Con đường và quá trình vận chuyển

Kẻ mua người sử dụng các hình thức vận chuyển tương tự như các loại hình mua bán khác. Những kẻ mua bán sử dụng các phương tiện đi lại công cộng để chuyển từng em mà không đi theo nhóm để tránh sự chú ý của công an và cơ quan hữu quan. Qua việc tổng hợp các trường hợp này thì thấy xe khách thường được sử dụng nhiều nhất cho việc vận chuyển. Kẻ môi giới hoặc kẻ mua người sẽ trả chi phí cho việc vận chuyển và trả tiền cho người phụ nữ đi cùng trẻ .

Theo các cán bộ công an, trẻ sơ sinh thường được người phụ nữ đang nuôi con vận chuyển. Bằng cách này, những người xung quanh sẽ cho rằng đứa trẻ đó là con của cô ta. Ngoài ra, trên đường đi, cô ta có thể cho đứa trẻ đó bú. Thường thì kẻ mua người sẽ thuê họ hàng hoặc ai đó mà họ biết rõ. Trong số 10 trẻ sơ sinh bị bán, có hai em được người đi cùng trên một xe khách phát hiện khi đang trên đường vận chuyển, sau đó người này thông báo cho công an để tiếp tục điều tra. Trong một trường hợp được giải cứu, kẻ mua người có ý định bán cả mẹ lẫn con.

5.4.2.5 Bóc lột

Kết quả các cuộc phỏng vấn cho thấy mục đích là cho làm con nuôi trái phép. Tuy nhiên, do chưa bắt được kẻ mua người tại thời điểm nghiên cứu nên vẫn chưa có lời khai cho nghi ngờ này; cũng có thể trẻ sơ sinh đó bị bán vì mục đích khác.

Những người được hỏi cũng khẳng định những kẻ tham gia vào những vụ mua bán trẻ em này là vì thu lợi cá nhân, vì thế những trường hợp này được xem là mua bán theo luật pháp Việt Nam.

5.4.2.6 Trở về và tái hòa nhập

Hai trẻ sơ sinh được giải cứu đã được chuyển đến và nuôi dưỡng tại Trung tâm bảo trợ xã hội hoặc Trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi với sự hỗ trợ của Sở Lao động Thương binh và Xã hội. Các em này vẫn khỏe mạnh. 5 em khác vẫn đang sống tại gia đình bố mẹ nuôi ở Việt Nam. Không có thông tin nào về điều kiện sinh sống của 3 em bị bán sang Trung Quốc vì vẫn đang điều tra. Các cán bộ công an cũng chia sẻ rằng họ không gặp khó khăn trong việc chuyển các cháu đến các trung tâm kể trên. Tuy nhiên, có một cháu dưới một tuần phải chuyển đến buồng chăm sóc đặc biệt của bệnh viện phụ sản – không có các tài liệu hướng dẫn việc chuyển giao các nạn nhân trẻ em sơ sinh giữa các cơ quan liên quan trong trường hợp hỗ trợ khẩn cấp.

5.4.2.7 Phân tích giới

Như đã đề cập ở phần nhận thức và bắt cóc, có sự khác biệt giữa trẻ em trai và gái trong việc mua bán trẻ sơ sinh. Trẻ em trai bị bán giá cao hơn trẻ em gái. Các cán bộ xã hội và công an chỉ gặp phải các trẻ nam trong hầu hết các trường hợp trẻ sơ sinh bị bán.

Giống như trong trường hợp bị bắt cóc sang Trung Quốc, tình trạng bất bình đẳng giới cổ hữu có thể là nguyên nhân sâu xa của nạn mua bán trẻ sơ sinh trong nước và ra nước ngoài.

5.4.2.8 Kết luận

Hầu hết trẻ sơ sinh bị mua bán ở độ tuổi dưới một tháng. Trẻ sơ sinh bị mua bán cả ở trong nước và ra nước ngoài. Nguyên nhân là do nhu cầu về trẻ sơ sinh, đặc biệt là trẻ em trai, và

do hoàn cảnh tuyệt vọng khiến một số phụ nữ đã phải cho con mình (đảm bảo nguồn cung). Cả hai điều đó đều xuất phát từ sự bất bình đẳng giới. Những kẻ mua người đã lợi dụng những yếu tố đó để làm người trung gian trong việc mua bán trẻ em này. Ngoài ra, thiếu hiểu biết về việc cho nhận con nuôi bất hợp pháp cũng là mua bán người.

Những kẻ tuyển dụng thường tạo ra một mạng lưới người môi giới để hỗ trợ việc vận chuyển, tìm kiếm phụ nữ và các cô gái trẻ có thai và những trẻ sơ sinh. Hiện chưa có một cơ chế bảo vệ trẻ em có hiệu quả. Ngoài ra, không có sự hướng dẫn trong việc chuyển giao trẻ sơ sinh giữa các cơ quan liên quan trong trường hợp khẩn cấp.

VI. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

6.1 Kết luận

Đây là nghiên cứu đầu tiên về tình hình mua bán trẻ em trai tại Việt Nam và là nghiên cứu tìm hiểu các thực trạng về tình hình mua bán và dễ bị tổn thương của trẻ em trai, nghiên cứu này cũng đưa ra một số kết luận quan trọng sau:

6.1.1 Nghiên cứu đã phát hiện nạn nhân trẻ em trai bị mua bán không phải là ít:

Hiện tượng mua bán trẻ em trai xảy ra tại Việt Nam cả trong nước và xuyên biên giới. Mục đích của các vụ mua bán trẻ em trai là để bóc lột sức lao động, đi ăn xin và bán hàng rong, bóc lột tình dục và nhận con nuôi.

Theo Nghị định thư Palermo và Công ước quốc tế về Quyền trẻ em, một trẻ em bị mua bán là công dân có độ tuổi dưới 18 nhưng theo luật Việt Nam thì tại Việt Nam chỉ công nhận trẻ em bị mua bán có độ tuổi dưới 16.

Nghiên cứu đã đánh giá 82 trường hợp trong đó có 30 trường hợp là trẻ em lao động sớm, 5 trẻ bán hàng rong, 24 trẻ mại dâm, 10 trẻ bị lừa bắt cóc, 10 trẻ bị cho làm con nuôi từ lúc mới sinh và 3 trẻ không rõ lý do hoặc “đang trên đường vận chuyển để bán”. Trong số 82 nạn nhân được phỏng vấn trong nghiên cứu này, 29 trẻ đã bị mua bán trong độ tuổi 16-18; 25 trẻ bị mua bán trong độ tuổi 11-15, và có 17 trẻ dưới 6 tuổi. Mặc dù nghiên cứu này đã phát hiện ra các trường hợp trẻ em trai bị mua bán, nhưng theo hệ thống theo dõi của chính quyền địa phương thì tại hầu hết các khu vực mà nghiên cứu tiến hành thì các cơ quan chính quyền địa phương đều không ghi nhận được trường hợp mua bán trẻ em trai nào hoặc không có số liệu ghi chép chính thức nào về tình hình mua bán trẻ em trai.

6.1.2 Hiểu biết của chính quyền địa phương và cộng đồng về mua bán trẻ em trai còn thấp:

Mặc dù lãnh đạo của các cơ quan địa phương có nhận thức về mua bán người nhưng chưa hiểu một cách đầy đủ về tình hình mua bán người, và đặc biệt là tình hình mua bán trẻ em trai. Thêm vào đó, mọi người chưa hiểu hết về bóc lột sức lao động nói chung cũng như tình hình bóc lột sức lao động trẻ em và bóc lột tình dục trẻ em trai nói riêng.

Nhận thức của cộng đồng về mua bán trẻ em trai rất thấp. Người dân hiểu rằng chỉ có mua bán phụ nữ và trẻ em gái là chính và không có mua bán trẻ em trai. Có rất nhiều thông tin (từ các nạn nhân) cho thấy các em không nghĩ là có mua bán người hoặc các em nghĩ mua bán người chỉ xảy ra ở khu vực biên giới và chỉ có mua bán phụ nữ và trẻ em gái. Trong quá trình phỏng vấn các gia đình và trẻ em thì họ cho là đã có sự lừa gạt và bóc lột sức lao động hoặc chỉ là xâm hại. Nhiều trẻ em trai không công nhận là mình bị mua bán nhưng công nhận mình bị lừa đảo để bắt làm việc. Ngoài ra, người dân cộng đồng cũng như trẻ em trai chưa có nhận thức đầy đủ về bóc lột sức lao động. Nhiều người dân chấp nhận bị bóc lột và họ coi như là hiển nhiên nếu họ được trả tiền công và coi đây không phải bóc lột. Rất nhiều các nạn nhân là trẻ em trai và gia đình các em không nhận thức được rằng các em đang bị bóc lột khi các em làm việc và được trả tiền; vì vậy họ phải tuân theo yêu cầu của ông chủ và không quan tâm đến điều kiện làm việc.

6.1.3 Mục đích kiếm tiền đã thúc đẩy các em trai di cư và tăng rủi ro bị mua bán:

Các yếu tố góp phần đẩy các trẻ trai vào quá trình di cư và tăng sự rủi ro bị mua bán cho trẻ em trai là: nhu cầu kiếm thêm thu nhập và thiếu các cơ hội việc làm, thiếu các cơ hội

học tập và thiếu sự quan tâm hỗ trợ của gia đình. Thêm vào đó, bố mẹ và các em trai thiếu hiểu biết về di cư an toàn và thực trạng mua bán trẻ em trai cũng như hiểu biết về các quyền trẻ em của mình và dễ dẫn đến việc trẻ em trai rơi vào cạm bẫy của những kẻ mua người.

6.1.4 Mục đích của mua bán trẻ em trai:

Bóc lột sức lao động:

Các nạn nhân bị mua bán là trẻ em trai vì mục đích bóc lột sức lao động đã phải làm việc trong điều kiện cực kỳ tồi tệ. Các em bị mua bán qua biên giới và trong nước bị buộc phải làm việc như ăn xin, làm việc trong các gia đình có xướng may, các lò gạch hoặc tương tự như vậy. Các em trai thường bị mua bán thông qua mạng lưới các gia đình hoặc cộng đồng. Liên quan đến các nạn nhân bị bóc lột sức lao động, cả trẻ trai và gái do có nhu cầu có việc làm để kiếm tiền đều bị những kẻ môi giới và mua người lợi dụng và cố gắng thuyết phục để trẻ trai đồng ý đến làm một công việc tốt với mức lương được trả cao. Những kẻ mua người lợi dụng sự đồng ý của gia đình của các em trai để kiểm soát trẻ tại nơi làm việc và bắt buộc các em làm việc theo yêu cầu. Với hầu hết các trường hợp bóc lột sức lao động là trẻ trai, các em thường phải làm việc trong suốt một thời gian dài là rất phổ biến và một số các em tự nguyện đồng ý nếu được trả lương. Dường như các em trai này không có sự lựa chọn nào khác để có thể tìm được một công việc tương tự trừ mỗi công việc làm cho các gia đình có cơ sở sản xuất nhỏ về may mặc để các em có thể kiếm tiền gửi về gia đình. Ngoài ra, các em cũng không biết về quyền lợi lao động của mình.

Các nạn nhân khác cũng bị ép buộc qua biên giới một cách bất hợp pháp (không chính thức) với những kẻ môi giới/mua người và những kẻ mua người đã sử dụng việc nhập cư bất hợp pháp như là một hình thức kiểm soát trẻ. Những kẻ mua người còn dựa vào sự sợ hãi của nạn nhân và coi như đây là một cách để giấu các nạn nhân bị mua bán bằng cách đe dọa sự trừng trị của pháp luật khi vượt biên bất hợp pháp.

Bóc lột tình dục:

Nghiên cứu này cho thấy một số lượng lớn trẻ em trai bị mua bán với mục đích bóc lột tình dục hoặc mại dâm. Với nhóm trẻ bị bóc lột tình dục, hầu hết các em di chuyển đến các thành phố lớn khi chưa xác định được công việc mình sẽ làm. Các em trai đã bị đưa đẩy và ép buộc làm các công việc có liên quan đến hoạt động tình dục và khi sau đó các em trai đã bị chuyển giao/bán/giới thiệu tới các nhà chứa. Thậm chí ngay từ lúc ban đầu, hầu hết các em đã bị lừa gạt hoặc mắc bẫy và bị xâm hại tình dục và bóc lột tình dục, một số em trong thời gian thực hiện nghiên cứu hiện vẫn đang tự nguyện làm việc mại dâm.

Bắt cóc/cholàm con nuôi:

Nghiên cứu này cũng phát hiện một số trường hợp các em trai bị bắt cóc và mua bán và hiện tượng này cũng trùng hợp với nhận thức của các lãnh đạo địa phương và cộng đồng về vấn đề mua bán trẻ em trai. Các trẻ em trai mới sinh rất dễ bị mua bán cả trong nước lẫn xuyên biên giới vì nhu cầu về trẻ em trai rất lớn, và chính từ nhu cầu này, có một số trường hợp các bà mẹ đã tự nguyện làm nguồn cung cho dịch vụ này. Cả hai yếu tố này đều bắt nguồn từ việc bất bình đẳng giới. Ngoài ra, hiện nay vẫn còn đang thiếu một cơ chế bảo vệ trẻ em hiệu quả.

6.1.5 Các vấn đề về giới:

Nghiên cứu này khẳng định rằng trẻ em trai cũng như trẻ em gái đều có nguy cơ bị bóc lột và mua bán. Có một số lý do khác nhau giữa việc trẻ em trai và trẻ em gái phải rời bỏ gia đình. Hầu hết các em gái di cư để kiếm thêm tiền để gửi về gia đình và tìm một công việc phù hợp trong khi trẻ em trai rời nhà để đi tìm và khám phá một thế giới mới, với một ý chí là phải ra các thành phố lớn kiếm tiền và để khám phá hoặc chứng tỏ bản thân mình. Trẻ trai được cho là thích khám phá hơn và tự cho mình là mạnh mẽ hơn con gái, dũng cảm và ít gặp rủi ro bị mua bán hơn các em gái. Như vậy, trẻ em trai đã không nhận thức được sự rủi ro bị xâm hại hay bóc lột tình dục và điều này dẫn đến việc trẻ trai dễ bị bóc lột và mua bán vì các em trai mong muốn đi khỏi địa phương hơn các em gái để các em

có thể khám phá thế giới bên ngoài mà không có sự chuẩn bị nào về quá trình di cư an toàn.

Phần lớn người dân cộng đồng nghĩ rằng các em trai thường bị mua bán để bóc lột sức lao động. Do vậy, mọi người nghĩ rằng khi các em trai bị mua bán, các em sẽ ít xa vào hành vi phạm tội hơn các em gái bị mua bán vì nhận thức chung của người dân là việc mua bán người là chỉ có ở trẻ em gái và chỉ vì mục đích bóc lột tình dục, vì vậy họ hiểu trẻ em trai sẽ không bị tổn thương.

6.1.6 Các nạn nhân khi trở về phần lớn được hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng theo chính sách:

Rất nhiều trẻ em trai có liên quan đến nghiên cứu đều nhận được hỗ trợ trong quá trình hồi gia và tái hòa nhập cộng đồng. Bên cạnh đó, nhiều em cũng chưa được xác định và nhận hỗ trợ, nghiên cứu cho thấy có một khoảng cách lớn về việc xác định và cung cấp các hỗ trợ cho các nạn nhân trong nước và các nạn nhân tự trở về qua đường biên giới do cơ sở hạ tầng thiếu, vấn đề tài chính, đào tạo và nguồn lực cho việc chuyển tuyến khẩn cấp. Vào cùng thời điểm này, việc hỗ trợ cho các nạn nhân từ Chính phủ hoặc các tổ chức Phi chính phủ khác nhau trong một số trường hợp chỉ mang tính tạm thời. Ngoài ra, cần phải có sự hỗ trợ phù hợp cho các nạn nhân là trẻ em trai về tâm lý và dạy nghề cho các em trong quá trình tái hòa nhập.

Để đảm bảo khung pháp lý, chính sách và thể chế về mua bán người của Việt Nam giải quyết được tình trạng và sự tổn thương của nạn nhân trẻ em trai bị mua bán nói riêng và phụ nữ, trẻ em gái và nam giới nói chung một cách thấu đáo, chúng tôi đề xuất một số các khuyến nghị sau đây:

6.2 CÁC KHUYẾN NGHỊ

6.2.1 Tăng cường chương trình truyền thông giáo dục để chống lại nạn mua bán người và đẩy mạnh di cư an toàn:

Đẩy mạnh di cư an toàn

Di cư an toàn để chống lại nạn mua bán người và bóc lột. Thiết kế các chiến dịch truyền tải các thông tin về di cư an toàn tại các cộng đồng đồng người đi di cư, nhiều khi thông tin này bị coi như lạc hậu nhưng thực tế việc duy trì truyền tải thông tin di cư an toàn rất quan trọng. Vì vậy các chiến dịch truyền thông nên tránh việc sử dụng cụm từ “mua bán người” để tránh hiểu lầm là chỉ liên quan đến trẻ em gái và mua bán người chỉ xảy ra ở các khu vực biên giới. Vì vậy, di cư an toàn cần được tập trung hơn để tránh bị bóc lột sức lao động và bóc lột tình dục. Nghiên cứu này cũng gợi ý cần phải tập trung hơn đến nhóm trẻ em trai và gia đình (đặc biệt với các em đã bỏ học và công nhân thất nghiệp vì đây là nhóm có rủi ro cao) ở những vùng kinh tế yếu kém trong xã hội và đặc biệt cần chú ý đến các cộng đồng dân tộc thiểu số.

Các gia đình và trẻ em nhận biết các vấn đề về an toàn. Không phải tất cả các trường hợp nạn nhân bắt đầu bằng việc tự nguyện di cư. “Người lạ là mối nguy hiểm” đóng vai trò lớn trong một số trường hợp đã được nghiên cứu, các em trai thường đi khỏi nhà khi bị nhóm môi giới thúc giục hoặc ép buộc và bị lừa. Có rất nhiều các trường hợp mua bán trẻ em để bóc lột sức lao động do họ hàng môi giới, cả công việc gần nhà lẫn xa nhà (thông qua mạng lưới không chính thức). Vì vậy, quan niệm sai lầm cần phải thay đổi là nguy hiểm chỉ có thể bắt nguồn từ người lạ.

Các gia đình và trẻ em hiểu về Quyền lợi của người lao động/Luật Lao động: Trẻ em và bố mẹ trẻ không nhận thức được về Luật Lao động, Bảo vệ quyền lợi của người Lao động...Do gánh nặng kiếm tiền, bố mẹ và trẻ em cho rằng khi họ đồng ý làm việc cho các cơ sở sản xuất nhỏ và nhận đủ tiền lương thanh toán thì họ phải tuân thủ theo các quy định và luật lệ do chủ đề ra dù là quy định trái luật. Chương trình truyền thông cần đưa ra

để giúp bố mẹ, trẻ em và cộng đồng hiểu được về Luật Lao động, Quyền lợi của người lao động để bảo vệ cho các em khỏi bị bóc lột sức lao động.

Nhận thức về bình đẳng giới: Không bình đẳng giới là một yếu tố gốc rễ trong việc không công nhận và thiếu hỗ trợ cho các trẻ em trai khi bị mua bán. Mặc dù Luật về bình đẳng giới 2006 đã chỉ rõ trách nhiệm của các cơ quan chính phủ, các tổ chức và gia đình trong quá trình thực hiện luật này nhưng trên thực tế đã chưa được thực thi hiệu quả. Các nguồn lực cần được phân bổ để tiến hành thực thi tốt hơn và giám sát Luật bình đẳng giới. Chương trình truyền thông và giáo dục cho gia đình và trẻ em cần thay đổi quan niệm truyền thống về việc “trọng nam khinh nữ” và đẩy mạnh công tác bình đẳng giới. Tăng cường sự tham gia của các cấp lãnh đạo trong công tác phổ biến về vấn đề Bình đẳng giới trong cộng đồng.

Tăng cường công tác giáo dục và dạy nghề cho thanh thiếu niên: nâng cao nhận thức và hành vi về di cư an toàn và Luật Lao động để bảo vệ họ khỏi bị xâm hại và bóc lột. Nhu cầu tìm việc của thanh niên rất lớn nhưng rất nhiều thanh niên rời nhà và tìm đến các thành phố lớn để tìm bất cứ việc gì mà không tham gia khóa đào tạo nghề nào. Họ cũng không có kiến thức về di cư an toàn, Quyền lợi lao động và Luật lao động, chính vì vậy họ rất dễ bị rơi vào bẫy của những kẻ môi giới và bị nhóm mua người bóc lột. Thanh niên cần trang bị cho mình những kiến thức và tay nghề để chuẩn bị trước khi di cư đến nơi làm việc mới, cần tìm hiểu kỹ thông tin về công việc và chủ lao động trước khi quyết định di cư và làm việc.

Xây dựng các biện pháp can thiệp cụ thể để ngăn chặn sự tổn thương cho nhóm dân tộc thiểu số và vùng biên giới. Nghiên cứu cho rằng nhóm dân tộc thiểu số gặp rất nhiều tổn thương trong quá trình di cư cũng như gặp các rủi ro khác như di cư không thường xuyên và di cư tạm thời qua các cửa khẩu quốc tế; nhóm này còn có nhận thức kém về Quyền lợi của người lao động và di cư an toàn; và thậm chí với lối suy nghĩ truyền thống là làm sao mà trẻ em trai có thể bị mua bán được. Tại thời điểm đó, các mạng lưới tại các điểm đến đã xây dựng được địa điểm an toàn. Như đã đề cập ở trên thì cần có thêm các nghiên cứu và cần phải hiểu rõ ràng là người dân tộc thiểu số là một nhóm đối tượng riêng, không thể đánh đồng họ với các nhóm khác trong quá trình nghiên cứu. Dựa vào kết quả nghiên cứu, các dự án nâng cao nhận thức cho người dân tộc thiểu số cần được xây dựng tài liệu truyền thông bằng ngôn ngữ của người dân tộc. Các hình thức truyền thông phù hợp cho các vùng núi cao, dân cư sống thưa thớt cũng cần được nghiên cứu, ví dụ như tăng cường truyền thông trực tiếp tới hộ gia đình.

Nhận thức của người mẹ và các nhân viên y tế về vấn đề cho con nuôi hợp pháp: Rất nhiều phụ nữ mang thai ngoài ý muốn không biết làm thế nào để biết mình có thể đem con cho ai và làm thế nào để có thể cho con thành con nuôi hợp pháp. Các thông tin và tư vấn về vấn đề cho con nuôi hợp pháp cần phải được cung cấp đầy đủ tại các bệnh viện.

6.2.2 Tăng cường thực thi pháp luật

Đẩy mạnh giáo dục và tăng cường thực thi pháp luật về Luật mới sửa đổi về phòng chống mua bán người.

Các nhà chức trách địa phương hiểu rõ hơn về nạn mua người nói chung và tình hình mua bán phụ nữ và trẻ em qua biên giới nói riêng. Cần phải có thêm thông tin để họ có thể hiểu mục đích của việc mua bán người, mục đích của việc bóc lột và mua bán người trong nước có liên quan đến trẻ em trai là nạn nhân.

Tăng cường công tác điều tra, triệt phá và xét xử các vụ mua bán trẻ em trai. Bộ Luật mới sửa đổi về phòng chống mua bán người đã được ban hành và cần đưa vào

thực tiễn với những hành động cụ thể. Nhóm đối tượng trẻ em và nam giới bị mua bán đã được đề cập đến trong Luật mới sửa đổi và cần đưa các trường hợp này ra ánh sáng. Quá trình trấn áp và xét xử các trường hợp mua bán trẻ em nam cũng sẽ góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng về vấn đề này và giúp các đối tượng có tiềm năng bị mua bán nhận thức và có hành vi tốt hơn để giảm nguy cơ bị mua bán. **Giám sát thường xuyên Luật Lao động tại các điểm đến.** Rất nhiều gia đình có các xưởng sản xuất từ 10 người và có khi lên đến hàng trăm người bao gồm cả trẻ em và không hề bị giám sát, báo cáo hay điều tra gì về vấn đề bóc lột sức lao động trẻ em.

Tuyên truyền thay đổi nhận thức và quan niệm cộng đồng kể cả chủ sử dụng lao động để không chấp nhận và coi sử dụng lao động trẻ em dưới tuổi lao động, làm việc quá thời gian cho phép và làm công việc nặng nhọc là trái pháp luật: Nghiên cứu đã đưa ra nhiều bằng chứng cho thấy rất nhiều trẻ đã bị mua bán để sử dụng vào mục đích bóc lột sức lao động. Báo cáo này khuyến nghị việc tăng cường giám sát luật lao động, một công tác đóng vai trò rất quan trọng. Tuy nhiên, do số lượng thanh tra lao động còn hạn chế, khó có khả năng giám sát tất cả các cơ sở kinh doanh và sản xuất nhỏ tại địa phương, vì vậy việc thay đổi thái độ và quan niệm cộng đồng để không chấp nhận việc sử dụng và bóc lột sức lao động trẻ em cần được chú ý. Cần sử dụng nhiều kênh truyền thông khác nhau để truyền thông tạo sự thay đổi thái độ trong cộng đồng về vấn đề này.

6.2.3 Hệ thống Bảo vệ trẻ em

Tăng cường đẩy mạnh hệ thống Bảo vệ trẻ em tại điểm đến:

- **Hệ thống Bảo vệ trẻ em cần phải hoạt động hiệu quả:** Tăng cường sự tham gia của cộng đồng vào khâu giám sát và xác định các trường hợp trẻ em lao động sớm, trẻ em bị bóc lột sức lao động. Các nhà lãnh đạo địa phương, các cơ quan của chính phủ như: Công An, Cán bộ Lao động Thương binh Xã hội và các cán bộ khác có liên quan đến các vấn đề của trẻ em cũng như các tổ chức xã hội khác như Hội Phụ Nữ, Đoàn Thanh niên cần có kiến thức và hiểu biết về nạn mua bán trẻ em, bóc lột sức lao động trẻ em và trẻ em phải làm việc trong các nhà chứa. Cần phải có một cán bộ, đặc biệt ở cấp cơ sở, có trách nhiệm rõ ràng về các vấn đề liên quan đến trẻ em để họ có thể phát hiện ra được các cơ sở có sử dụng lao động trẻ em, ép buộc trẻ em phải làm việc nặng nhọc báo cáo cho các cơ quan điều tra để có thể ngăn chặn nạn mua bán trẻ em, bóc lột sức lao động và tình dục trẻ em.
- **Hệ thống theo dõi phòng chống và Bảo vệ trẻ em cần phải được thực hiện tốt hơn tại các khu vực biên giới để ngăn chặn và bảo vệ trẻ em để bị tổn thương khỏi bị mua bán/bắt cóc.** Hệ thống giám sát chặt chẽ hơn cần được thực hiện để có thể xác định và giải cứu các nạn nhân trẻ em bị mua bán và đặc biệt là các trẻ em trai mới sinh. Dưới hệ thống này, một hệ thống cảnh báo cần được xây dựng cho tất cả các thành viên trong cộng đồng và các cơ quan liên quan để có thể phản ứng nhanh các trường hợp được báo cáo, phòng ngừa và giải cứu trẻ em khỏi bị mua bán, đặc biệt là bắt cóc trẻ.

6.2.4 Các dịch vụ tái hòa nhập

Xây dựng các chương trình Hồi gia và Tái hòa nhập cộng đồng và các dịch vụ đáp ứng với các nhu cầu của trẻ em trai bị mua bán.

- **Đảm bảo các hỗ trợ cho trẻ em trai được xây dựng trên nhu cầu của các em có chú trọng đặc điểm giới.** Hỗ trợ hiệu quả và cụ thể hơn để ngăn chặn các em bị tái mua bán trở lại. Mỗi em sẽ có một nhu cầu khác nhau vì vậy một số em mong muốn có nghề nghiệp và mong muốn có các lợi ích khác trong công việc. Một số em lại muốn học nghề hay mua bán nhưng không có điều kiện tham gia vào các lớp dạy nghề phù hợp từ địa phương. Một số em khác lại mong muốn hỗ trợ vốn hoặc tư vấn. Cần phải tìm hiểu nhu cầu của các nạn nhân bị mua bán và phân chia theo giới tính khi thiết kế chương trình tái hòa nhập tại địa phương. Cần đánh giá nhu cầu cho từng trường hợp và cung cấp các dịch vụ trung chuyển phù hợp. Nếu tại địa phương

- nào dịch vụ không sẵn có, các em trai cần được di chuyển sang địa bàn có dịch vụ phù hợp.
- **Đảm bảo các nạn nhân trở về không chính thức có thể tiếp cận được các hỗ trợ:** Hiện tại các nạn nhân tự trở về không được nhận hỗ trợ nào từ chính phủ. Cần xây dựng một hệ thống phát hiện để cung cấp các tiêu chí xác định các nạn nhân tự trở về. Các chính sách hỗ trợ cho các nạn nhân cũng cần phải được xây dựng để hỗ trợ các nạn nhân này. Xem xét - đưa nhóm đối tượng trẻ em là nạn nhân mua bán thành đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.
 - **Tăng cường phối hợp liên ngành và hệ thống chuyển tuyến.** Tối thiểu là có được hệ thống theo dõi và thu thập số liệu cho từng trường hợp để cung cấp cho các cơ quan và ban ngành có liên quan. Vai trò và trách nhiệm của từng bên cần phải xây dựng rõ ràng.
 - **Cung cấp các lớp đào tạo, tập huấn và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ phù hợp cho các trẻ em trai bị mua bán.** Thông thường các dịch vụ tái hòa nhập cộng đồng được cung cấp qua hệ thống các Trung tâm Bảo trợ Xã hội và hiện nay đã được đưa vào luật. Các nhân viên công tác xã hội trong các trung tâm của Nhà nước, đặc biệt là tại các địa phương di cư nhiều yêu cầu đào tạo và kinh phí đảm bảo nhu cầu hỗ trợ cho các nạn nhân là trẻ em trai. Mặc dù vậy, nghiên cứu cũng không gợi ý sự cần thiết phải thành lập một trung tâm riêng biệt. Các dịch vụ thiết kế theo nhu cầu của nạn nhân trong hệ thống sẵn có cần phải đạt hiệu quả kinh tế cao hơn. Nghiên cứu cũng khuyến nghị các nhân viên liên quan đến quá trình trở về và tái hòa nhập cộng đồng của các nạn nhân là trẻ em trai thì cần phải hết sức tế nhị, hiểu được văn hóa và các vấn đề tâm lý liên quan đến trẻ em trai và các nhân viên này cần được đào tạo về các kỹ năng tìm hiểu nhu cầu và tâm lý của trẻ em trai.
 - **Xây dựng cách tiếp cận dễ dàng, phương pháp nhanh chóng để hỗ trợ, giải cứu và chuyển tuyến nạn nhân cho** cả cha mẹ của cả trẻ trai và gái, ví dụ một đường dây nóng cần được thiết lập để khi họ cần sự hỗ trợ để trốn thoát và trở về. Theo như nghiên cứu này, rất nhiều nạn nhân không biết đi đâu và hỏi ai để được hỗ trợ khi các em đang bị kiểm soát, bị xâm hại và bóc lột. Thông tin về đường dây nóng này cần được phổ biến rộng rãi cho người dân và trẻ em biết và nhớ được số điện thoại. Đường dây nóng này cần phải có nguồn nhân lực và mạng lưới phối hợp đa ngành, hệ thống để có thể cung cấp hỗ trợ và chuyển tuyến nạn nhân nếu cần thiết.

6.2.5 Xây dựng chương trình phòng chống HIV và AIDs, các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục, sử dụng ma túy cho nhóm mại dâm nam.

- **Tập trung vào nhóm mại dâm nam, đặc biệt là nhóm thanh, thiếu niên nam,** có thể thông qua chương trình giáo dục đồng đẳng, tăng cường hiểu biết về HIV, các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục và sử dụng ma túy. Trong nghiên cứu này, rất nhiều trẻ trai đã dính líu đến bán dâm nam và họ đã không hiểu biết về HIV, các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục và hiện tượng sử dụng ma túy rất phổ biến trong nhóm bán dâm nam. Cần phải tăng cường các nhóm tư vấn lưu động tự nguyện và dịch vụ xét nghiệm và điều trị các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục để có thể tiếp cận được đến nhóm mại dâm nam, đặc biệt là các trường hợp phát hiện bị bóc lột.

6.2.6 Các lĩnh vực cần nghiên cứu

- Đề xuất những nghiên cứu khác phân tích cả trẻ em trai và trẻ em gái để so sánh sự khác biệt về kinh nghiệm của trẻ em trai và gái trong quá trình bị mua bán cũng như các chính sách hỗ trợ đã theo kịp nhu cầu riêng theo giới hay chưa. Ngoài ra, nghiên cứu kỹ hơn, mở rộng đến các địa bàn có sự đóng góp nhiều của các lao động trẻ em như nhà hàng, quán cà phê.
-
- **Nghiên cứu các em trai trốn thoát khỏi bóc lột tình dục:** Nghiên cứu này đã phát hiện ra được 24 trẻ em trai bị xâm hại tình dục và bắt buộc phải hoạt động mại dâm. Một ngạc nhiên là hầu hết các em hiện nay đều đang tự nguyện bán dâm. Có lẽ điều

này là hiển nhiên vì do phương pháp chọn mẫu của nghiên cứu là tìm phỏng vấn các em trai có liên quan đến hoạt động mại dâm tại điểm đến. Nên có một nghiên cứu với phương pháp chọn mẫu đại diện hơn nữa đối với các em bị mua bán và bóc lột tình dục là rất cần thiết để có thể có thêm thông tin về vấn đề này.

- **Nghiên cứu sâu hơn về nạn nhân trẻ em bị mua bán có liên quan đến công việc mại dâm:** Trong báo cáo này, hầu hết các trường hợp bán dâm giải thích rằng lý do mà các em chấp nhận bán dâm là vì công việc có thể giúp các em kiếm được tiền nhanh và nhiều tiền hơn các công việc khác mà các em kiếm được. Như vậy, để hiểu rõ hơn các lý do/nguyên nhân vì sao và cách nào đẩy các em vào hoạt động mại dâm thì cần phải thực hiện một nghiên cứu sâu hơn.
- **Nghiên cứu và phân tích về các văn bản pháp luật, quy định, chính sách của nhà nước có liên quan về vấn đề mua bán trẻ em,** bảo vệ chăm sóc trẻ em để đưa ra xây dựng khuyến nghị, chính sách nhằm phát hiện, theo dõi và hỗ trợ cho các đối tượng trẻ em bị mua bán còn chưa được các chính sách hiện hành hỗ trợ. Các đối tượng đó có thể bao gồm các trường hợp trẻ em nam bị mua bán trong nước, trẻ em nam bị mua bán để hành nghề mại dâm.
- **Cần có một nghiên cứu sâu đánh giá về vai trò của tình hình kinh tế trong gia đình, áp lực của bạn bè và nhận thức về nghèo đói tác động đến mua bán:** Rất nhiều phản ánh của các nạn nhân bị mua bán cho thấy, các em phải di cư vì lý do kinh tế và các em cũng thấy lợi trước mắt là những người di cư có tiền hơn so với những người tại địa phương trong cách chi tiêu. Chính vì vậy, cũng chưa rõ ràng về tầm quan trọng của nghèo đói hay do nhận thức của các em trai về vấn đề này. Trong khuôn khổ của nghiên cứu này, để so sánh các yếu tố đẩy đi và nhận thức về tình hình kinh tế xã hội của với các trường hợp trẻ em bị mua bán do di cư hay không di cư thì báo cáo này chưa được xác định được. Chính vì vậy chưa thể có kết luận nào về vai trò của các yếu tố như thất nghiệp, tình hình xã hội, nghèo đói hay nhận thức về nghèo đói trong quá trình di cư và cần có thêm nghiên cứu về lĩnh vực này.
- **Cần có nghiên cứu sâu về dân tộc thiểu số - nhóm dễ bị tổn thương.** Trong nghiên cứu này chưa thể hiện tính đại diện về việc nhóm trẻ trai thuộc vùng dân tộc thiểu số (23 trẻ trên tổng số 82 trẻ). Như đã đề cập ở trên thì nhóm trẻ trai dân tộc thiểu số phải đối mặt với tình trạng dễ bị tổn thương như bóc lột và bị mua bán. Cần phải có thêm nghiên cứu tập trung không chỉ vào đối tượng là các em dân tộc thiểu số như là nhóm mục tiêu chính mà còn phải tập trung vào từng nhóm dân tộc riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ABC (Australian Broadcasting Company) News
2008 Baby traffickers arrested on China-Vietnam border. ABC News, 7 May. <http://www.abc.net.au/news/stories/2008/05/07/2238412.htm>
- California State University , Sacramento
2004 *Trafficking in Children: China and Asian perspective.*
- Child Exploitation and Online Protection Centre (CEOP)
2010 *Strategic Threat Assessment. Child trafficking in the UK 2010.*
- Clawson H.J. and Dutch N.
2008 *Identifying victims of human trafficking: Inherent challenges and promising strategies from the field.* United States Department of Health and Human Services, Office of the Assistant Secretary for Planning and Evaluation.
<http://aspe.hhs.gov/hsp/07/humantrafficking/IdentVict/ib.htm>
- Derks, A. et al.
2006 *Review of a Decade of Research on Trafficking in Persons, Cambodia, Phnom Penh:* The Asia Foundation.
- Gupta, M.D et al.
2003 *Why is Son Preference so Persistent in East and South Asia? A Cross-Country Study of China, India and the Republic of Korea,* The Journal of Development Studies, Vol.40, No.2, December.
- Hilton, A.
2008 *I Thought It Could Never Happen To Boys: Sexual Abuse And Exploitation Of Boys In Cambodia.* Phnom Penh, HAGAR and World Vision
- International Labour Organisation (ILO)
2002 *Yunnan province, China situation of trafficking in children and women: a rapid assessment,* ILO – IPEC (international program for elimination of child labour).
2007 Note on the definition of “child trafficking”, the programme Towards the Elimination of the work forms of Child Labour of the International Labour Organization, Pretoria, after engagement with the United Nations Office on Drugs and Crime and International Organization for Migration. 1 March.
http://www.unicef.org/southafrica/SAF_pressrelease_notetrafficking.pdf
- International Labour Organisation (ILO) and Research Center for Female Labour and Gender of Institute of Labour Science and Social Affairs.
2009 *Summary report on rapid assessment on irregular labour migration and human trafficking across the Viet Nam – China border.* December.
- International Organisation for Migration (IOM)
2004 *Study Report on Migration and Trafficking from Svay Rieng Province, Cambodia to Viet Nam for Begging.*
2008 *Trafficking of Men – a trend less considered. The case of Belarus and Ukraine.* No. 36. IOM Migration Research Series.
- Joint Program on Gender Equality (JPGE)
2011 *Remittances from Internal Migrants and Gender – Evidence from a Survey in Hanoi*
- Le, B. D.
2008 *Vietnam Children in Prostitution in Hanoi, Haiphong, HCM City and Can Tho: a rapid assessment.* ILO- IPEC (international program for elimination of child labour)

- Ministry of Justice (MOJ)
2008 *Survey Report On Application Of Legal Policies On Investigation, Prosecution And Judgment Of Children And Women Traffickers. Management Board of Project 4, Programme 130/CP.*
- Ministry of Culture, Spots and Tourism (MOSCT) et al.
2008 *Results of the nationwide survey on the family in Viet Nam 2006: Key findings, Hanoi, Viet Nam*
- Ministry of Public Security (MOPS), Standing Office of Programme 130/CP and UNICEF
2004 *Research on trafficking in women and children in 17 hotspot provinces.*
2007 *Summary report on implementation of the Programme on combating of trafficking in women and children period 1, 2004-2006*
- Nguoi lao dong (Labourer Newspaper) online
2008 Child exploitation – an aching evil! *Nguoilaodong online*, 15 January, <http://nld.com.vn/212617P0C1042/boc-lot-tre-em--mot-tenan-nhuc-nhoi.htm>.
- Rushing, R.
n.d *Forced Sex Work in Northern Vietnam: Perceptions and Risk. Unpublished.*
- Save the Children and Central Coordinating Office to Combat Trafficking in Women and Children (130/CP) – MOPS
2008 *Report on Assessing the Return and Reintegration of Victims of Cross-Border Trafficking.*
- Smolin, D. M.
2004 *Intercountry Adoption as Child Trafficking. Valparaiso University Law Review. Volume 39. Number 2:281-325*
- Surtees R.
2008 *Trafficked Men as Unwilling Victims, STAIR 4:1:16-36.*
- Thanh Nien Newspaper
2007 26 December
2008 Children “industrial zone”, *Thanh Nien online*, 10 June. <http://www.thuvienphapluat.vn/?ct=NW&nid=11874>
- Thong tan xa Viet Nam (Vietnam News Agency)
2008 *Father sell children 4th April, TTXVN4.*
- United Nations Inter – Agency Project on Human Trafficking (UNIAP)
2009 *Summary Report of 5 year Implementation of National plan of Action 130/CP against trafficking in women and children (2004 - 2009), October.*
- UNICEF
2009 *Child Trafficking in East and Southeast Asia. Reversing a Trend.*
- UNFPA
2007a *Internal Migration in Vietnam: the current situation.*
2007b *Sex-ratio imbalance in Asia: Trends, consequences and policy responses. Executive Summary, Regional Analysis. 4th Asia Pacific Conference on Reproductive and Sexual Health and Rights. Oct 29-31, Hyderabad, India.*
Imbalanced sex-ratio at birth and comprehensive intervention in China. Executive Summary, 4th Asia Pacific Conference on Reproductive and Sexual Health and Rights. Oct 29-31, Hyderabad, India.
http://www.unfpa.org/gender/docs/studies/summaries/china_summary.pdf.
- UN Office on Drugs and Crime (UNODC)

- 2000 The 2000 Protocol to Prevent, Suppress and Punish Trafficking in Persons, Especially Women and Children, supplementing the United Nations Convention Against Transnational Organized Crime, U.N.G.A. Res. 55/25, Annex II at 31-39, U.N. Doc. A/55/25 (15 November 2000), entered into force 25 December 2003, available online: UN [Trafficking Protocol].
http://www.unodc.org/pdf/crime/a_res_55/res5525e.pdf
- 2009 *Global report on trafficking in persons.*
- United States Department
- 2004 *The 2004 Trafficking in Persons Report.*
- 2010 *The 2010 Trafficking in Persons Report.*
- Viet Nam Net
- 2007 Trafficking of men appears in border provinces. *Vietnam Net bridge*, 27 September,
<http://english.vietnamnet.vn/social/2007/09/745529/>
- 2008 Many young were deceived to gold mining camp, *Vietnamnet*, 14 April, <http://60s.com.vn/index/1323220/14042008.aspx>
- Viet Nam Women's Union and IOM
- 2010 *Formative Research Report on Behavior On Design of a Behaviour Communication Change Strategy Prevention and Combating Of Human Trafficking and Reducing Stigma Towards Trafficked Victims In Phu Tho, Nam Dinh, Thanh Hoa And Tay Ninh.* Unpublished.
- Vijayarasa, R.
- 2009 *The state, the family and language of 'social evils': re-stigmatising victims of trafficking in Viet Nam.* Culture, Health and Sexuality.
- Vnexpress
- 2007 Rescuing 21 old persons and children were forced to beg. *Vnexpress*, 22 September, <http://www.vnexpress.net/GL/Xa-hoi/2007/09/3B9FA84B/>
- 2008 Two blind persons were forced to beg on the street. *Vnexpress*, 13 June, <http://www.vnexpress.net/GL/Phap-luat/2008/06/3BA034BE/>

PHỤ LỤC 1: BỘ LUẬT HÌNH SỰ

Bộ luật hình sự sửa đổi tháng 6 năm 2009 (được áp dụng từ ngày 1/1/2010)

Điều 119. Tội mua bán người

1. Người nào mua bán người thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.
2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ năm năm đến hai mươi năm:
 - a) Vì mục đích mại dâm;
 - b) Có tổ chức;
 - c) Có tính chất chuyên nghiệp;
 - d) Để đưa ra nước ngoài;
 - đ) Đối với nhiều người;
 - e) Phạm tội nhiều lần;
3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm.

Điều 120. Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em

1. Người nào mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm.
2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân:
 - a) Có tổ chức;
 - b) Có tính chất chuyên nghiệp;
 - c) Vi động cơ đê hèn;
 - d) Đối với nhiều trẻ em;
 - đ) Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;
 - e) Để đưa ra nước ngoài;
 - g) Để sử dụng vào mục đích vô nhân đạo;
 - h) Để sử dụng vào mục đích mại dâm;
 - i) Tái phạm nguy hiểm;
 - k) Gây hậu quả nghiêm trọng.
3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm hoặc phạt quản chế từ một năm đến năm năm.

PHỤ LỤC 2: HỖ TRỢ TÀI CHÍNH CHO NHỮNG NGƯỜI TRỞ VỀ

Quy định bởi các Thông tư liên Bộ số 113/2010 ban hành ngày 03 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Bộ LĐTB&XH

Hỗ trợ theo chế độ quy định người bị mua bán được nhận			
Trong thời gian chờ thu xếp về nước*	Tại cơ sở tiếp nhận	Trở về gia đình, cộng đồng	Tái hoà nhập cộng đồng
<ul style="list-style-type: none">- Chi phí mua vé máy bay, tàu, xe- Chi phí ăn, ở- Y tế- Chi phí mai táng/vận chuyển thi hài	<ul style="list-style-type: none">- Trợ cấp 1 lần quần áo, chăn màn, vật dụng cá nhân cần thiết. Mức chi được tính trên cơ sở giá thực tế của địa phương nhưng không quá 200.000đ/người- Tiền vệ sinh phụ nữ: 20.000đ/tháng- Tiền ăn: 20.000đ/ngày- Điều trị y tế: không quá 1 triệu đồng- Phí mai táng: 3 triệu đồng	<ul style="list-style-type: none">- Trợ cấp tiền ăn: 20.000đ/ngày (không quá 5 ngày)- Hỗ trợ tiền tàu xe: thực tế giá vé phương tiện công cộng	<ul style="list-style-type: none">- Trợ cấp khó khăn: tối thiểu là 1.000.000đ/người- Học nghề: 1.000.000đ/người/khoá- Trẻ em: hỗ trợ mua sách, đồ dùng học tập năm đầu

* Do cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đảm bảo.

PHỤ LỤC 3: BÓC LỘT LAO ĐỘNG

- (a) tất cả các hình thức nô lệ hoặc lao động giống như nô lệ, lao động gán nợ và nông nô và lao động ép buộc cưỡng bức, bao gồm sự tuyển mộ trẻ em ép buộc hoặc sử dụng vũ lực nhằm để tham gia vào xung đột vũ trang (Công ước 182 về chống lại các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất của tổ chức Lao động Quốc tế ILO, Điều 3(a));
- (b) việc sử dụng, ép buộc hoặc mời chào trẻ em tham gia vào hoạt động mại dâm, vào việc sản xuất sách báo hay các chương trình khiêu dâm (Công ước 182, Điều 3(b));
- (c) việc sử dụng, ép buộc hoặc mời chào trẻ em tham gia vào các hoạt động trái phép, đặc biệt là việc sản xuất và mua bán các loại thuốc gây nghiện như đã quy định tại các điều ước quốc tế có liên quan (Công ước 182, Điều 3(c));
- (d) những công việc có thể làm hại đến sức khỏe, sự an toàn hay đạo đức của trẻ em, do bản chất của công việc hay do hoàn cảnh, điều kiện tiến hành công việc. (Công ước 182, Điều 3(d) và Công ước 138, Điều 3);
- (e) những công việc do trẻ em dưới tuổi tối thiểu để làm việc thực hiện (Công ước 138, Điều 2, nghĩa là dưới 15 tuổi).

Nguồn: http://www.unicef.org/southafrica/SAF_pressrelease_notetrafficking.pdf

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH NHÓM NGHIÊN CỨU

Điều phối dự án

- Đặng Thúy Hạnh, Cán bộ dự án, IOM Việt Nam
- Saskia Blume, Cán bộ dự án, IOM Việt Nam
- Tom Tanhchareun, Cán bộ chính sách, IOM Việt Nam
- Jobst Koehler, Cán bộ Phát triển Chương trình Cấp cao, IOM Việt Nam
- Nguyễn Thị Việt Nga, Chuyên gia, Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường; Điều phối viên của hợp phần dự án - Tổng cục Thống kê của Chương trình chung về Bình đẳng giới - Tổng cục Thống kê
- Đỗ Anh Kiếm, Phó vụ trưởng Vụ thống kê xã hội và môi trường, Tổng cục Thống kê; Phó giám đốc của dự án thành phần Tổng cục Thống kê của Chương trình chung về Bình đẳng giới
- Nguyễn Phong, Vụ trưởng Vụ Thống kê xã hội và môi trường, Tổng cục Thống kê; Giám đốc của dự án thành phần Tổng cục Thống kê của Chương trình chung về Bình đẳng giới

Trưởng nhóm:

Nguyễn Hoàng Yến. ThS

Nguyễn Hương Giang. ThS

Thành viên nhóm:

Nguyễn Quang Ninh. CN

Nguyễn Thị Hương. CN

Nguyễn Thị Bảo Châu.ThS

Lê Như Trang. CN

Nguyễn Thị Quyên.ThS

Huỳnh Thị Quỳnh Chi. CN

Trần Đức Hiền. CN

Nguyễn Thị Mây Hồng. CN

Nguyễn Quang Thạch. CN

Nguyễn Phương Thuý. CN

Phạm Thị Hương. CN – Trợ lý nghiên cứu.

Vũ Ngọc Dũng. CN – Phiên dịch.

Cố vấn kỹ thuật

John Vijghen .ThS

Gỡ băng và nhập số liệu

Nhập dữ liệu và bảng hỏi

Nguyễn Thanh Hương

Nguyễn Thị Hương Lam

Nguyễn Thị Thủy

Phạm Thị Thanh Mai

Phạm Kim Điệp

Nguyễn Thị Thuy

Ngô Minh Đức

Tổng Hoài Thu

Trần Thị Thuý

Lê Thị Thu Hiền

PHỤ LỤC 5: TIÊU CHÍ CHỌN ĐỐI TƯỢNG THAM GIA

Nạn nhân là trẻ em trai bị mua bán

CÓ THỂ CÓ YẾU TỐ

- **Vận chuyển**
 - **Vận chuyển** (tuyển mộ, vận chuyển, tiếp nhận) trẻ **được tổ chức với mục đích trước mắt hoặc mục đích cuối cùng** vì mục đích bóc lột. Có thể bao gồm sự giao dịch khi **một người nào đó nhận tiền hoặc các lợi ích khác** để đạt được sự đồng ý của người kia để bóc lột trẻ.
 - **Sự vận chuyển** đó đã dẫn đến tình trạng **đễ bị tổn thương** của trẻ, và tình trạng dễ bị tổn thương ấy có nguy cơ bị lợi dụng để bóc lột. Có thể là trẻ **không có họ hàng hay người thân ở điểm đến, không có tiền hoặc các phương tiện để trở về nhà, không nói được ngôn ngữ ở nơi đó, bị thiệt thòi do hạn chế về tư cách pháp nhân, không tiếp cận được các dịch vụ cơ bản (như giáo dục và chăm sóc y tế)**, hoặc không biết về môi trường.

HAY

- **Mục đích của sự vận chuyển**: trẻ bị bóc lột hình thức này hay hình thức khác
 - việc sử dụng, ép buộc hoặc mời chào trẻ em tham gia vào **hoạt động mại dâm**, vào việc sản xuất sách báo hay các chương trình **khiêu dâm**
 - **các hình thức bóc lột, lạm dụng tình dục khác**
 - **lao động hoặc dịch vụ cưỡng bức**,
 - **nô lệ hoặc các hình thức như nô lệ**, gán nợ
 - **làm nô lệ hoặc lấy đi các bộ phận của cơ thể**
 - **Bóc lột lao động** bao gồm tất cả các loại hình công việc bóc lột trẻ, công việc mà bản chất và tính chất của nó **có nguy cơ gây tổn hại cho sức khỏe, an toàn và đạo đức** của trẻ làm việc trong môi trường khó khăn, độc hại và nguy hiểm.
 - việc sử dụng, ép buộc hoặc mời chào trẻ em tham gia vào các hoạt động **trái phép**, ví dụ sản xuất và mua bán **thuốc gây nghiện**
 - Những công việc do trẻ em **dưới tuổi tối thiểu** không được làm.

Họ hàng/cha mẹ gồm: cha mẹ, anh chị em hoặc người sống cùng gia đình.

Hàng xóm: người biết trẻ, hiểu tình cảnh của trẻ, biết câu chuyện của trẻ, người sống cùng nhà với trẻ, cùng nhóm, cùng thôn xóm (tổ, đội, xóm, khu phố).

Ban bè: trẻ em cùng độ tuổi, đã từng hoặc đang sống cùng, làm việc hoặc học cùng, biết trẻ, có hiểu biết về tình trạng của trẻ, chuyện của trẻ.

Người hỗ trợ trẻ: là người biết trẻ, đã có liên hệ với trẻ và hỗ trợ trẻ tại nơi làm việc, tại địa điểm sinh sống hay di chuyển hoặc trong quá trình vận chuyển, có thể là tại điểm đi, chuyển tiếp và điểm đến.

CHÚ THÍCH

¹ Phần chú thích về định nghĩa “mua bán trẻ em”, chương trình Hướng tới việc xóa bỏ những hình thức lao động trẻ em của tổ chức Lao động Quốc tế, Pretoria, sau khi tham gia với Cơ quan Phòng chống Ma túy và tội phạm của Liên hợp quốc và Tổ chức Di cư Thế giới.

² Quyết định số 19 do Thủ tướng Chính phủ ban hành tháng 2 năm 2004 về công tác phòng chống tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm hại tình dục và trẻ em phải lao động trong các điều kiện độc hại và nguy hiểm trong giai đoạn 2004 – 2010.

³ Những trung tâm này được đặt địa bàn các tỉnh sau: Lào Cai, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Yên Bái, thành phố Hồ Chí Minh, An Giang, Cần Thơ.

⁴ 12 tổ chức bao gồm: FAO, ILO, IOM, UNAIDS, UNDP, UNESCO, UNFPA, UNICEF, UNIDO, UNIFEM, UNODC và WHO.

⁵ IOM là một tổ chức quốc tế được công nhận là thuộc hệ thống Liên hợp quốc với tư cách giám sát viên và là thành viên đầy đủ của khối các tổ chức Liên hợp quốc thường trú tại quốc gia, nên trong tài liệu này, IOM nằm trong nhóm 12 cơ quan Liên hợp quốc tham gia vào chương trình chung.

⁶ Định nghĩa quốc tế quy định rằng trẻ em dưới 18 tuổi không có đủ năng lực cho việc đồng ý .

⁷ Nghị định thư năm 2000 về Phòng chống, bãi bỏ và trừng trị mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bổ sung cho Công ước của Liên hợp quốc về phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, U.N.G.A. Res. 55/25, Annex II at 31-39, U.N. Doc. A/55/25 (15 November 2000), được đưa vào thực thi từ ngày 25 tháng Mười hai, 2003, nguồn trên mạng:

http://www.unodc.org/pdf/crime/a_res_55/res5525e.pdf [Trafficking Protocol].

⁸ http://www.unicef.org/southafrica/SAF_pressrelease_notetrafficking.pdf

⁹ Trong Công ước tuổi tối thiểu của ILO (C138) và trong Luật lao động Việt Nam, tuổi tối thiểu là tuổi không được dưới tuổi tốt nghiệp trường phổ thông bắt buộc. Công ước tuổi tối thiểu C138, 1973. <http://www.ilo.org/ilolex/cgi-lex/convde.pl?C138>

¹⁰ Định nghĩa của ILO về Lao động trẻ em

¹¹ Theo Định nghĩa về Di cư của IOM

Người di cư: Không có cách hiểu hoàn toàn thống nhất nào ở cấp độ quốc tế về người di cư. Khái niệm người di cư thường được hiểu là nhằm bao hàm những trường hợp cá nhân tự quyết định di cư vì những lí do cá nhân và không có sự can thiệp của yếu tố áp đặt bên ngoài nào. Khái niệm này do đó áp dụng cho các cá nhân và các thành viên gia đình di chuyển đến một quốc gia hoặc một vùng khác nhằm cải thiện điều kiện xã hội hoặc vật chất của họ và xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn cho họ và gia đình.

Migrant: At the international level, no universally accepted definition of migrant exists. The term migrant is usually understood to cover all cases where the decision to migrate is taken freely by the individual concerned for reasons of “personal convenience” and without intervention of an external compelling factor. This term therefore applies to persons, and family members, moving to another country or region to better their material or social conditions and improve the prospect for themselves or their family.

¹² Tài liệu tập huấn phòng chống mua bán người của Tổ chức Tầm nhìn Thế giới, 2008.

¹³ Người trả lời phải có năng lực tham gia phỏng vấn. Trẻ em nhỏ cần có những kĩ năng đặc biệt để phỏng vấn và phân tích thông tin được cung cấp.

Theo WHO, thanh niên là những người dưới 25 tuổi, vì vậy những người trả lời được lựa chọn là dưới 25 tuổi để đảm bảo có thể nhớ được thông tin cũng như tránh tình trạng có thành kiến do tuổi tác.

¹⁴ Các cán bộ công an được phỏng vấn đã trả lời rằng trong 30 trường hợp, phần lớn nạn nhân là trẻ em trai nhưng không đưa ra số liệu chính xác.

¹⁵ Năm 2007, 5 trẻ em trai bị mua bán khi các em đều hơn 16 tuổi, tuy nhiên các ca này đều không được coi là mua bán trẻ em trai vì Bộ luật hình sự mới chưa có hiệu lực. Ba trường hợp này nạn nhân đều dưới 18 tuổi.

¹⁶ Dữ liệu do Chữ thập đỏ TP. Huế và Quỹ Rừng Xanh cung cấp trong nghiên cứu tháng 12/2010.

¹⁷ Sở Lao động Thương binh và Xã hội TPHCM, Phòng Chăm sóc và bảo vệ trẻ em, tháng 12/2010.

¹⁸ Nguồn: dữ liệu do công an TP. Hà Nội cung cấp trong khảo sát tháng 12/2010.

¹⁹ Dữ liệu do công an tỉnh Hà Giang cung cấp trong khảo sát tháng 1/2011.

-
- ²⁰ Luật chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em, Điều 7 – Các hành vi bị nghiêm cấm, 2004.
- ²¹ Luật phòng chống, ngăn ngừa mua bán người, tháng 3/2011.
- ²² Tỷ giá tháng 5/2011: 1 đô = 20,670 VNĐ.
- ²³ Thông tin dưới mỗi đoạn trích dẫn: PVS, số của trẻ em trai nạn nhân, tuổi, tỉnh.
- ²⁴ PVS, nam, CA Hà Nội.
- ²⁵ Tuy nhiên, thiết kế của chương trình hỗ trợ hiện tại được dựa trên giả thuyết/dự án trước đây tập trung vào mua bán bán phụ nữ và trẻ em qua biên giới còn mua bán nam giới nội địa không được tính đến. Ví dụ, không có trung tâm tiếp nhận nạn nhân nào được trang bị để tiếp nhận nam giới và trẻ em trai, các khóa đào tạo nghề không có nghề đáp ứng nhu cầu của nam giới/nam thanh niên. Ngoài ra, các trường hợp mua bán nội địa cũng không được hỗ trợ trong hướng dẫn hiện tại.
- ²⁶ Luật Lao động quy định: trẻ em (vị thành niên từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi) làm việc không quá 7 tiếng/ngày và số giờ làm thêm không quá 6 tiếng/ngày và 24 tiếng/tuần làm các công việc cho phép.
- ²⁷ Nạn nhân từ 18 tỉnh: Hà Giang, Lào Cai, Bắc Giang, Hà Nội Thanh hóa, Nghệ An, Huế, Vũng Tàu, Cần Thơ, An Giang, Tiền Giang, Kiên Giang, Ninh Thuận, Đồng Tháp, Đồng Nai, Sóc Trăng, Bến Tre, Cà Mau.
- ²⁶ Những trường hợp không xác minh được tuổi.
- ²⁹ 2 trường hợp 1 tuổi, 1 trường hợp 2 tuổi, 2 trường hợp 3 tuổi và 2 trường hợp 5 tuổi.
- ³⁰ Tổng cục thống kê, Kết quả điều tra mức sống hộ gia đình 2008.
<http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=512&idmid=5&ItemID=9646>.
- ³¹ Nghiên cứu phỏng vấn trẻ em và thanh niên tuổi từ 11 đến 25 tuổi nhưng tại thời điểm nghiên cứu là dưới 18 tuổi.
- ³² Nguyên tắc 2, Điều 119 – Luật lao động
- ³³ Tỷ giá trao đổi trong tháng 5,2011, 1 USD = 6,5 Nhân dân tệ
- ³⁴ Trẻ em là người dưới 16 tuổi theo luật Hình sự.
- ³⁵ Trường hợp trẻ em gái ở cùng nhóm nạn nhân nam được phỏng vấn đã bị ở cánh tay, bàn tay và ngón tay –thương tật vĩnh viễn 14%. Thông tin do Hội phụ nữ huyện Quảng Xương cung cấp.
- ³⁶ A đến Z nghĩa là phải nghe theo mọi yêu cầu của khách hàng bao gồm cả trong quan hệ tình dục.
- ³⁷ Điều này có thể vì phương pháp chọn mẫu, mục đích chọn mẫu để tìm tra trẻ em nam làm mại dâm, cách này không đại diện theo phương pháp chọn mẫu.
- ³⁸ Số liệu của Biên phòng Hà Giang, 2011.